BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
--------o0o-------

DỰ THẢO

Dự thảo

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2020 - 2030

Hà Nội, tháng 9 năm 2019

Nội dung chính

Thuật ngữ từ viết tắt....4
1. Hiện trạng của SCP và đóng góp của nó cho sự phát triển bền vững ở Việt Nam....6
1.1. Đánh giá các chỉ số mục tiêu của NAP hiện tại về SCP (2016 - 2020)....6
1.1.1. Cải thiện chính sách và cơ chế để thực hiện sản xuất và tiêu thụ bền vững.... 6
1.1.2. Giảm chất thải trong hoạt động phân phối.... 6
1.1.3. Dần dần tăng tỷ lệ sản phẩm bền vững trong tổng khối lượng sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam.... 7
1.1.4. Cung cấp đầy đủ thông tin cho người tiêu dùng về các sản phẩm bền vững 8
1.1.5. Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế (3Rs).... 8
1.1.6. Khuyến nghị cho việc thiết lập các chỉ số mục tiêu cho giai đoạn 2020 - 2030 ... 9
1.2. Đánh giá về tiến độ thực hiện của NAP hiện tại về SCP (20162020) 9
1.2.1. Tiến trình thực hiện nhiệm vụ 1 "Phát triển và cải thiện khung pháp lý và chính sách để thực hiện Sản xuất và tiêu dùng bền vững" 10
1.2.2. Quá trình thực hiện Nhiệm vụ số 2: "Thúc đẩy tái cấu trúc sản xuất và kinh tế theo hướng bền vững" 21
1.2.3 Quá trình thực hiện Nhiệm vụ số 3: Hệ thống phân phối xanh và phát triển chuỗi cung ứng sản phẩm bền vững 30
1.2.4 Quá trình "Cải thiện tiếp cận thị trường và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm chính của Việt Nam theo hướng bền vững" 34
1.2.5. Quá trình thực hiện Nhiệm vụ số 5 "Thay đổi hành vi tiêu dùng theo hướng bền vững và thúc đẩy lối sống bền vững" 37
1.2.6. Quá trình thực hiện Nhiệm vụ số 6: "Thực hiện giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải" 40
1.3 Bài học rút ra từ các kết quả triển khai này cho NAP SCP được đề xuất (2020-2030)....44
2. Xu hướng và kinh nghiệm quốc tế về SCP 46
2.1. Trung Quốc....46
2.2. Đức 47
2.3. Nhật Bản....48
2.4. Hàn Quốc....49
2.5. Malaysia....50
2.6. Thụy Điển 51
2.7. Các nước ASEAN khác....51
2.8. Ví dụ về Chương trình từ các quốc gia khác 53
2.9. Khuôn khổ của SCP đối với Việt Nam từ xu hướng quốc tế 54
3. Cơ sở lý luận cho một chương trình hành động quốc gia về SCP cho giai đoạn 2020-2030...55
3.1. Sự cần thiết phải tiếp tục xây dựng NAP trên SCP (2016-2020)....55
3.2. Ủng hộ chính trị 55

DỰ THẢO

3.3. Cơ sở pháp lý 56
3.4. Quan điểm và bối cảnh quốc gia 57
3.5. Nguyên tắc 57
3.6. Tầm nhìn 57
3.6.1 Mục tiêu tổng quát 58
3.6.2. Mục tiêu và chỉ tiêu chi tiết (Các chỉ số tác động) 58
Thúc đẩy SCP cho các hành động của các bên liên quan 59
1. Tăng cường năng lực về tiêu thụ bền vững và thực hiện sản xuất **59**
2. Truyền thông về tiêu thụ và sản xuất bền vững **59**
3. Hợp tác quốc tế về tiêu thụ và sản xuất bền vững **59**
4. Chương trình R & D về tiêu thụ và sản xuất bền vững **59**
Tiêu dùng bền vững 59
Sản xuất bền vững 59
3.6.1 Mục tiêu tổng quát 59
Tầm nhìn: 59
3.7. Các chương trình chính 60
3.7.1. Sản xuất bền vững 60
3.7.2. Tiêu dùng bền vững 62
3.7.3. Thúc đẩy tiêu dùng và sản xuất bền vững cho các hành động của các bên liên quan 64
3.8. Huy động nguồn lực tài chính 67
3.9 Giám sát và Đánh giá 67
3.9.1. Các chỉ số theo dõi và đánh giá 67
3.9.2. Phương pháp giám sát và đánh giá 67
3.9.3. Cơ chế thực hiện 67
3.10. Tổ chức sắp xếp thực hiện 68
3.10.1 Phối hợp liên cơ quan 68
3.10.2 Trách nhiệm của các bộ, ngành 68
3.8.3. Trách nhiệm địa phương đối với chính quyền tỉnh 70
Phụ lục: Lộ trình thực hiện các hoạt động cụ thể 71

DỰ THẢO

Thuật ngữ từ viết tắt

3Rs	giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế
10YFP	chương trình khung mười năm cho SCP
ASEM	Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu
CIF	chi phí bao gồm cước vận chuyển
CP	sản xuất sạch hơn
CSI	Chỉ số kinh doanh bền vững
DoIT	Sở công thương
EDC	Chiến dịch Earth Day Compostable (Giảm thiểu sử dụng túi nilon và thay bằng túi bột ngô)
EPR	mở rộng (hay tăng cường) trách nhiệm của nhà sản xuất
EU	Liên minh châu âu
FDI	đầu tư trực tiếp nước ngoài
FOB	miễn trách nhiệm trên boong tàu
FTA	hiệp định thương mại tự do
GCF	Quỹ khí hậu xanh
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GEF	Quỹ Môi trường toàn cầu
HLPF	Diễn đàn chính trị cấp cao
IZ	khu công nghiệp
KEITI	Viện Công nghiệp và Công nghệ Môi trường Hàn Quốc
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
MoC	Bộ Xây dựng
MoET	Bộ Giáo dục và Đào tạo
MoF	Bộ Tài chính
MoIT	Bộ Công Thương
MoNRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
NAP	Chương trình hành động quốc gia
NGO	tổ chức phi chính phủ
NTPP	Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
Q&A	Câu hỏi & trả lời
R&D	nghiên cứu và phát triển
RoHS	hạn chế các chất độc hại
S&T	khoa học và công nghệ
SCP	tiêu thụ và sản xuất bền vững

DỰ THẢO

SDG	mục tiêu phát triển bền vững
SME	doanh nghiệp vừa và nhỏ
TOE	tấn dầu tương đương
TPP	Quan hệ đối tác xuyên Thái Bình Dương
UK	Vương quốc Anh
UN	Liên Hiệp Quốc
UNDP	Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc
UNIDO	Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc
VAT	thuế giá trị gia tăng
VBCSD	Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ
VCCI	Phòng thương mại và công nghiệp việt nam
VNR	rà soát quốc gia tự nguyện
WEEE	rác thải từ trang thiết bị điện và điện tử
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

DỰ THẢO

1. Hiện trạng của SCP và đóng góp của nó cho sự phát triển bền vững ở Việt Nam

1.1. Đánh giá các chỉ số mục tiêu của NAP hiện tại về SCP (2016 - 2020)

1.1.1. Cải thiện chính sách và cơ chế để thực hiện sản xuất và tiêu thụ bền vững

- **Tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch và công nghệ bền vững trong lĩnh vực tiêu thụ năng lượng chuyên sâu và ô nhiễm môi trường đạt 60-70%:** Điều này hoàn toàn khả thi đối với (100%) các doanh nghiệp mới đầu tư vào các lĩnh vực được chọn, ví dụ: sản xuất phân bón và thuốc trừ sâu, nhà máy sản xuất giấy và bột giấy, xi măng, khai thác than, thăm dò và chế biến khoáng sản, nhà máy nhiệt điện, nhà máy mía đường, ngành dệt nhuộm; Đến năm 2030, 60-70% doanh nghiệp hiện có trong các lĩnh vực đó sẽ hoàn thành lộ trình đổi mới công nghệ để áp dụng công nghệ sạch[(5);]

- **50% doanh nghiệp sản xuất áp dụng các giải pháp sản xuất và tiết kiệm năng lượng sạch hơn; ứng dụng thí điểm và dần dần mở rộng đổi mới sinh thái cho các doanh nghiệp, khu công nghiệp và cụm công nghiệp:** Theo dữ liệu khảo sát của Bộ Công Thương để thực hiện các mục tiêu của Chiến lược sản xuất sạch hơn với 63 Sở Công thương và 9012 doanh nghiệp công nghiệp: Năm 2010 có 11% doanh nghiệp và năm 2015, 32% doanh nghiệp báo cáo có áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn. Theo một khảo sát gần đây do MOIT thực hiện từ 36 Sở Công Thương (DOIT) tại 36 tỉnh, chỉ có 11 DOIT có thể chọn số lượng doanh nghiệp áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn với tỷ lệ dao động từ 15% đến 40%. Do đó, rất khó đạt được kết quả mong muốn (50%) trong thời gian ngắn, đòi hỏi các biện pháp quyết liệt hơn như tăng cường đánh giá sản xuất sạch hơn của các doanh nghiệp và tăng chương trình truyền thông về lợi ích của sản xuất sạch hơn cho doanh nghiệp.

- **Tăng sự đóng góp của ngành sản xuất xanh, ngành công nghiệp môi trường và ngành tái chế chất thải trong GDP lên tới 42% -45%:** Cho đến nay, không có dữ liệu thống kê về sự đóng góp của các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường, tái chế chất thải trong GDP, vì vậy không thể đánh giá mức độ hoàn thành của mục tiêu này. Tuy nhiên, có thể thấy rằng cho đến nay có khá nhiều công trình nghiên cứu khoa học và các chính sách mới hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp xanh, môi trường và tái chế chất thải. Đây cũng là tiền đề để thực hiện các hoạt động này ở tất cả các cấp và các ngành.

1.1.2. Giảm chất thải trong hoạt động phân phối

- **50% doanh nghiệp trong lĩnh vực phân phối được đào tạo và thực hiện các giải pháp sản xuất và tiết kiệm năng lượng sạch hơn:** Không có số liệu thống kê cũng như báo cáo cụ thể nào về tỷ lệ doanh nghiệp trong lĩnh vực phân phối

được đào tạo và thực hiện các giải pháp sản xuất và tiết kiệm năng lượng sạch hơn. Trên thực tế, không có nhiều chương trình sản xuất sạch hơn cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực phân phối. Có sẵn dữ liệu về số lượng doanh nghiệp áp dụng CP và EE trong các tổ chức chuyên ngành đào tạo RECP (VNEEP-MOIT, VNPCC), chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp sản xuất. Để đạt được điều này, cần có sự tham gia phối hợp của các lĩnh vực phân phối.

- **Giảm 65% túi không thân thiện với môi trường trong các siêu thị và trung tâm mua sắm và 50% tại các chợ truyền thống (so với năm 2010):** Cho đến nay, không có dữ liệu thống kê về việc giảm túi không thân thiện với môi trường tại các siêu thị, trung tâm mua sắm và chợ truyền thống. Tuy nhiên, có rất nhiều hoạt động và chiến dịch nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong sản xuất, giải pháp cho hệ thống phân phối xanh, chương trình vận động và tuyên truyền siêu thị và trung tâm mua sắm để hạn chế sử dụng thay thế túi không thân thiện với môi trường bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường đã được thực hiện rộng rãi trong cả nước và đặc biệt là trên khắp các thành phố lớn. Do đó, nên thay đổi mục tiêu từ năm 2020 đến năm 2025 bằng cách đưa ra các mục tiêu rằng túi nhựa trong trung tâm mua sắm và siêu thị sẽ không được cung cấp miễn phí cho khách hàng; hoặc đến năm 2030, 100% siêu thị và trung tâm mua sắm sẽ cấm túi nhựa.

- **Áp dụng chứng nhận phân phối xanh cho nhà phân phối; phát triển thành công và dần dần mở rộng chuỗi cung ứng bền vững cho các sản phẩm chính trong nền kinh tế:** Chuỗi cung ứng nông sản, lâm nghiệp an toàn được chứng nhận theo Quyết định số 3075 / QĐ-BNN-QLCL ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và từ đó, 63/63 tỉnh, thành phố đã phát triển nguồn cung mô hình chuỗi với 1249 chuỗi, 1450 sản phẩm và 3.181 địa điểm bán hàng với các sản phẩm được kiểm soát chất lượng. Các sản phẩm này đã được đóng dấu với thông tin về tiêu chuẩn áp dụng (VietGAP, HACCC, yêu cầu an toàn thực phẩm) và thông tin gốc. Ngoài ra, có nhiều nghiên cứu và hướng dẫn đã được phát triển cho hệ thống phân phối bán lẻ xanh, chuỗi cung ứng bền vững cho ngành công nghiệp đồ uống của Việt Nam, chuỗi cung ứng bền vững cho ngành công nghiệp Việt Nam và quản lý môi trường trong lĩnh vực phân phối.

1.1.3. Dần dần tăng tỷ lệ sản phẩm bền vững trong tổng khối lượng sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam

- **Cung cấp thông tin, hướng dẫn và ứng dụng hỗ trợ hệ thống quản lý bền vững, tiêu chuẩn bền vững để đáp ứng yêu cầu về môi trường của các nước nhập khẩu của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam:** Có thể vì Việt Nam là

thành viên của WTO, TPP và FTA, và hầu hết các thông tin, yêu cầu, hướng dẫn liên quan đều được cung cấp cho các nhà xuất khẩu. Ngoài ra, Chương trình quốc gia về xúc tiến thương mại được lãnh đạo bởi MOIT; Chứng nhận thương mại công bằng hiện đang được phát triển cho các sản phẩm xuất khẩu chính, ví dụ: cà phê, thủ công mỹ nghệ và các sản phẩm nông nghiệp

1.1.4. Cung cấp đầy đủ thông tin cho người tiêu dùng về các sản phẩm bền vững

- **Tăng tỷ lệ phần trăm của các sản phẩm bền vững trong mua sắm công; cải thiện khung pháp lý và hướng dẫn về việc thực hiện mua sắm công bền vững:** GPP hiện đang trên đà "kêu gọi áp dụng" do sự không nhất quán / khoảng cách trong khung pháp lý cho GPP. Chỉ thị số 13 / CT-TOT ngày 4 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ đã được ban hành nhằm thúc đẩy và tăng cường sử dụng nguyên liệu, hàng hóa sản xuất trong nước. Tuy nhiên, mua sắm công xanh chưa thực sự được thúc đẩy. Do Luật Đấu thầu và Nghị định thi hành Luật Đấu thầu của Việt Nam, các thủ tục và yêu cầu đấu thầu, các điều kiện ưu đãi cho các nhà thầu, chưa có quy định về mua sắm công, nên khó có thể đề xuất một cơ sở pháp lý cho Mua sắm Công Xanh dựa trên Luật đấu thầu. Bên cạnh đó, không có hướng dẫn rõ ràng về GPP. Hướng dẫn GPP hiện đang được MONRE và KEITI (thuộc Dự án Đối tác GPP Châu Á Thái Bình Dương) phát triển.

1.1.5. Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế (3Rs)

90% phế liệu của túi nhựa, giấy, dầu, sắt và thép sẽ được tái chế; và (b) 85% chất thải rắn đô thị sẽ được tái chế, tái sử dụng, sản xuất năng lượng hoặc phân bón hữu cơ; 75% chất thải rắn công nghiệp không nguy hại sẽ được thu gom để tái sử dụng và tái chế, và 50% chất thải rắn xây dựng được tạo ra từ các khu vực đô thị sẽ được thu gom để tái sử dụng hoặc tái chế.

- **90% chất thải giấy và dầu thải sẽ được tái chế; 75% chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu hồi để tái sử dụng và tái chế** Trong các khu công nghiệp, tỷ lệ thu gom chất thải rắn là khoảng 90% và phần lớn chất thải được thu gom này được gửi đi tái sử dụng hoặc tái chế. Do đó, tỷ lệ này là khả thi đối với các khu công nghiệp khi chuyển sang mô hình khu công nghiệp sinh thái và công nghiệp cộng sinh theo hướng kinh tế vòng tròn. Do mô hình sản xuất tập trung, các khu công nghiệp có nhiều lợi thế hơn trong quản lý chất thải, bởi vì tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở khu vực này cao hơn so với các cụm công nghiệp và bên ngoài cụm công nghiệp. Trong các khu công nghiệp, chất thải rắn có khả năng được tái chế và tái sử dụng ở mức tối đa. Bên ngoài các khu công nghiệp, hiện tại không có dữ liệu để đánh giá chỉ số này.

DỰ THẢO

- **85% chất thải rắn đô thị được tái sử dụng, tái chế, thu hồi để lấy năng lượng hoặc phân trộn:** Mục tiêu này không khả thi vì tỷ lệ tái sử dụng và tái chế chỉ là 10% tại các thành phố lớn; 75% chất thải rắn đô thị được thu gom được xử lý bằng cách chôn lấp. Túi nylon ở các thành phố lớn chiếm 7-10% tổng lượng chất thải rắn được tạo ra (7-8% tại Hà Nội và 10% tại Thành phố Hồ Chí Minh (6). Dựa trên các kịch bản tỷ lệ thu gom chất thải rắn sẽ đạt 95 - 100% vào năm 2030, tỷ lệ 85% được đặt trong mục tiêu có thể đạt được bằng cách: (i) 75-80% chất thải rắn sẽ được ủ hoặc đốt để thu hồi năng lượng (ii) 8-10% (túi nylon) được thu gom để tái chế.

- **50% chất thải rắn xây dựng ở các đô thị sẽ được thu hồi để tái sử dụng và tái chế:** chất thải rắn xây dựng chiếm 20-25% chất thải rắn đô thị và sẽ tiếp tục gia tăng ở các thành phố lớn với tốc độ phát triển cao. Chất thải xây dựng bao gồm cát, đá vụn, thủy tinh, bê tông và kim loại và có khả năng tái chế cao. Tuy nhiên, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn xây dựng vẫn còn thấp, đặc biệt là đối với các công trình nhỏ và quy mô hộ gia đình, và thường được chôn lấp cùng với chất thải rắn sinh hoạt. Trên thực tế, nếu chất thải rắn xây dựng được thu gom đúng cách, tỷ lệ tái chế có thể đạt tới 90%. Vấn đề là phải xây dựng đủ các nhà máy xử lý chất thải xây dựng để phục vụ mục đích tái sử dụng và tái chế chất thải xây dựng. Ngoài ra, cần có chính sách phù hợp để cải thiện tỷ lệ thu hồi chất thải xây dựng, đảm bảo rằng các nhà máy tái chế chất thải xây dựng có khả năng hoạt động như thiết kế.

1.1.6. Khuyến nghị cho việc thiết lập các chỉ số mục tiêu cho giai đoạn 2020 - 2030

- Các chỉ số mới nên được chia theo chỉ số kết quả và chỉ số tác động. Các chỉ số kết quả trực tiếp đo lường xem từng hoạt động được đề xuất trong NAP có được hoàn thành hay không bởi những người thực hiện. Các chỉ số tác động hướng tới các mục tiêu rộng lớn hơn của NAP khi các chỉ số kết quả được hoàn thành.
- Các chỉ số phải rất thực tế dựa trên việc thu thập dữ liệu cơ sở phụ thuộc vào tính khả dụng của dữ liệu. Các thuật ngữ trong các chỉ số mục tiêu cần được xác định và định lượng rõ ràng để đo lường tiến độ. Nếu chưa có dữ liệu cơ sở, một phần của nhiệm vụ cho giai đoạn 2020 - 2030 là tăng cường năng lực của chính phủ, các viện nghiên cứu và các ngành công nghiệp để cải thiện dữ liệu.
- Giám sát và đánh giá thường xuyên về kết quả và các chỉ số tác động nên được chỉ định cho các bộ có trách nhiệm khác nhau để đo lường tiến độ thực hiện.

1.2. Đánh giá về tiến độ thực hiện của NAP hiện tại về SCP (20162020)

Việc xem xét các chương trình theo NAP hiện tại về SCP (20162020) dựa trên các báo cáo thực hiện của chính quyền tỉnh nộp cho Bộ Công Thương, các nghiên cứu được thực hiện bởi MoIT, đánh giá tài liệu về khung chính sách và phỏng vấn các bên liên

quan chính.

1.2.1. Tiến trình thực hiện nhiệm vụ 1 "Phát triển và cải thiện khung pháp lý và chính sách để thực hiện Sản xuất và tiêu dùng bền vững"

Đánh giá về khung pháp lý hiện tại và các chính sách để thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững được tóm tắt trong Bảng 1.

DỰ THẢO

Bảng 1: Tổng quan về khung pháp lý và chính sách liên quan đến SCP tại Việt Nam

Lĩnh vực liên quan đến SCP	Tên	Dụng cụ	Chi tiết	Cơ quan soạn thảo
Phát triển bền vững	Kế hoạch hành động quốc gia để thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững No. 622/QD-TTg (2017)	Kế hoạch hành động	Thực hiện chương trình nghị sự 2030	Chính phủ trung ương (CG)
	Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam vào năm 2030 Quyết định 681 / QĐ-TOT ngày 4 tháng 6 năm 2019	Lộ trình	Thực hiện chương trình nghị sự 2030	CG
	Hướng dẫn chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định số 19/2015 / ND -CP (2015) của Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện một số điều của Luật Bảo vệ môi trường Thông tư số 212/2015 / TT-BTC (2015)	Thông tư ban hành bởi Bộ Tài chính?	Ưu đãi thuế	MoF
	Hướng dẫn cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam Thông tư số 03/2017 / TT-BTNMT (2017)	Thông tư ban hành bởi Bộ Tài chính?	Lãi suất ưu đãi	MoNRE
Quản lý chất thải	Chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn quốc gia năm 2025 với tầm nhìn đến năm 2050 THỎA THUẬN Số 2149/Qe –TTg (2009)	Chiến dịch	Quản lý tích hợp chất thải rắn	CG
	Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu Quyết định số 2139/2011 / QĐ-TOT (2011)	Chiến dịch	Giảm thiểu chất thải, 3R	CG
	Quy định về thu hồi và xử lý chất thải Số 34/2017 / TT-04 BTNMT (2017)	Quy định	Thu hồi và xử lý chất thải	MONRE
	Quy định về nhập khẩu phế liệu ở biên giới Số 01/2019 / TT-BCT (2019)	Quy định	Nhập khẩu chất thải	MOIT
	Danh sách phế liệu tạm thời bị đình chỉ nhập khẩu để tái xuất và chuyển nhượng rộng hơn.	Quy định	Kiểm soát phế liệu	MoIT

DỰ THẢO

	Số 41/2018 / TT-BCT (2018)			
	Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Chiến dịch	Chất thải rắn	MoC
	Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế Nghị định số 82/2018 / ND-CP (2018)	Nghị định	Khu công nghiệp và khu kinh tế	CG
Quản lý nguồn tài nguyên	Chiến lược khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường (2020 - 2030) Quyết định số 1570 / QĐ-TOT (2013)	Chiến dịch	Sử dụng và khai thác tài nguyên thiên nhiên	CG
	Chiến lược quản lý vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2030 Số 2295 / QDTTg (2014)	Chiến dịch	Quản lý vùng ven biển	CG
	Nghị định và Luật khoáng sản Số 68-CP	Pháp luật và nghị định	Quản lý tài nguyên khoáng sản	Quốc hội (NA)
	Luật tài nguyên nước Số 17/2012 / QH13	Luật	Quản lý tài nguyên nước	NA
	Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam đến năm 2030 với tầm nhìn đến năm 2050 Số 2608 / QD-TTg (2015)	Chiến dịch	Năng lượng tái tạo	CG
	Cơ chế lập kế hoạch, thẩm định và phê duyệt các dự án điện gió Số 32/2012 / TT-BCT (2012) và số 6/2013 / TT-BCT (2013)	Thông tư của Bộ	Nhà máy gió	CG và MOIT
	Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện từ chất thải rắn Quyết định số 31/2014 / QĐ-TOT (2014) và Thông tư của Bộ Công Thương số 32/2015 / TT-BCT (2015)	Thông tư của Bộ	Lãng phí năng lượng	CG và MoIT
	Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối Quyết định số 24/2014 / QĐ-TOT (2014) và Thông tư số 29/2014) 2015 / TT-BCT của Bộ Công Thương (2015)	Thông tư của Bộ	Năng lượng sinh khối	CG và MoIT
	Quyết định chỉ định danh sách các phương tiện và thiết bị phải ghi nhãn năng lượng và áp dụng hiệu quả năng lượng tối thiểu Quyết định số 04 / QĐ-TOT (2017)	Quyết định	Dán nhãn hiệu quả năng lượng	CG
	Cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời Quyết định số 11/2017 / QĐ-TOT (2017)	Quyết định	Năng lượng mặt trời	CG

DỰ THẢO

	Sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 16/2017 / TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 quy định về việc phát triển các dự án Mô hình và Thỏa thuận mua điện áp dụng cho các dự án điện mặt trời. Thông tư số 05/2019 / TT-BCT (2019)	Thông tư	Năng lượng mặt trời	MoIT
	Quy định về việc phát triển các dự án điện gió và Thỏa thuận mua điện tiêu chuẩn cho các dự án điện gió. Thông tư số 02/2019 / TT-BCT (2019)	Thông tư ban hành bởi Bộ Tài chính?	Nhà máy gió	MoIT
	Hướng dẫn bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản Thông tư số 19/2018 / TT-BNNPTNT (2019)	Thông tư ban hành bởi Bộ Tài chính?	Thủy sản	MoIT
Hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn	Chương trình mục tiêu quốc gia (NTP) về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng và hiệu quả giai đoạn 2006-2015 Quyết định 79/2006 / QĐ-TOT (2006)	Chương trình	Tiết kiệm năng lượng	CG
	Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020 Quyết định số 1419/2009 / QĐ-TOT (2009)	Chiến dịch	Sản xuất sạch hơn	CG
	Luật sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm (2010)	Luật	Hiệu suất năng lượng	NA
	Chiến lược sử dụng các công nghệ sạch cho giai đoạn đến năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2030 Quyết định số 2612/2013 / QĐ-TTG (2013)	Chiến dịch	Công nghệ sạch	CG
	Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong giai đoạn 2019-2030 Quyết định số 280 / QĐ-TOT (2019)	Chương trình	Hiệu suất năng lượng	CG
	Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế Nghị định số 82/2018 / ND-CP (2018)	Nghị định	Khu công nghiệp sinh thái	CG
	Nông nghiệp hữu cơ Nghị định 109/2018 / ND-CP (2018)	Nghị định	Nông nghiệp hữu cơ	CG
Dán nhãn sinh thái	Chương trình nhãn sinh thái Quyết định số 253 / QĐ-BTNMT (2009)	Chương trình	Nhãn xanh	MoNRE

DỰ THẢO

	Tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam cho sản phẩm: pin (NXVN 15: 2017), máy photocopy (NXVN 16): 2017), bóng đèn LED và mô-đun LED cho các thiết bị chiếu sáng nói chung (NXVN 17: 2017) Quyết định số 2186 / QĐ-BTNMT (2017)	Quyết định	Nhãn xanh	MoNRE
Giao thông bền vững	Thông tư 64/2011 / TT-BGTVT Các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả trong hoạt động vận tải	Thông tư ban hành bởi Bộ Tài chính?	Vận chuyển hiệu quả về mặt năng lượng	MoIT
	Quy định kỹ thuật quốc gia về mức phát thải 4 đối với sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu ô tô mới Thông tư số 33/2015 / TT-BGTVT	Thông tư ban hành bởi Bộ Tài chính?	Mức phát thải	MoIT
	Hướng dẫn một số nội dung về việc áp dụng tiêu chuẩn khí thải cấp 4 quy định tại Quyết định số 49/2011 / QĐ-TOT (2011) và Thư chính thức số 436 / TOT-CN (2017) (2018)	Quyết định	Tiêu chuẩn khí thải	CG
	Điều tiết ghi nhãn năng lượng cho xe và thiết bị Thông tư số 36/2016 / TT-BCT (2016)	Thông tư ban hành bởi Bộ Tài chính?	Nhãn năng lượng cho xe	MoIT
	Hướng dẫn dán nhãn năng lượng cho xe máy, được sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu theo Thông tư số 59/2018 / TT-BGTVT (2018)	Thông tư ban hành bởi Bộ Tài chính?	Nhãn năng lượng cho xe	MoT
	Kế hoạch hành động nhằm giảm lượng khí thải CO2 trong các hoạt động hàng không dân dụng của Việt Nam trong giai đoạn 2016-2020 Quyết định số 42066 / QĐ-BGTVT (2016)	Kế hoạch hành động	Khí thải CO2 đối với hàng không dân dụng	MoT
Tiêu dùng bền vững và lối sống bền vững	Định hướng chiến lược cho phát triển bền vững (Chương trình nghị sự 21) tại Việt Nam Quyết định số 153/2004 / QD-TTg	Chiến dịch	Lối sống bền vững	CG
	Chiến lược tăng trưởng xanh Số 1393/QĐ-TTg (2012)	Chiến dịch	Lối sống nông thôn bền vững, tiêu dùng bền vững, lối sống	MPI

DỰ THẢO

			xanh	
	Phê duyệt Đề án triển khai, ứng dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc Quyết định số 100 / QĐ-TOT (2019)	Quyết định	Thông tin người tiêu dùng	CG
	Sáp nhập Thông tư quy định truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý các sản phẩm nông lâm nghiệp không bảo đảm an toàn - Tài liệu hợp nhất 01 / VBHN-BNNPTNT 2018 (2018)		Thông tin người tiêu dùng	MARD
Mua sắm công	Danh sách các thiết bị và thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị và mua sắm với các cơ quan và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước Quyết định số 68/2011 / QĐ-TOT (2011)	Quyết định	Mua sắm công tiết kiệm năng lượng	MoIT
	Tăng cường sử dụng vật liệu và hàng hóa sản xuất trong nước để đấu thầu các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường sử dụng vốn nhà nước Chỉ thị số 13 / CT-TOT (2017)	Chỉ thị	Mua sắm công	CG
Khác	Luật Thương mại Nghị định số 81/2018 / ND-CP (2018)	Nghị định	Xúc tiến thương mại	NA
	Sửa đổi một số điều của Thông tư 47/2014 / TT-BCT (2014) quản lý các trang web thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015 / TT-BCT (2015) Thông tư 21/2018 / TT-BCT (2018)	Thông tư	Ứng dụng thương mại điện tử và ứng dụng di động	MoIT
	Chính sách khuyến khích hợp tác, hợp tác sản xuất và tiêu thụ nông sản Nghị định 98/2018 / ND-CP (2018)	Nghị định	Nông nghiệp	CG
	Giải pháp khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững Nghị quyết số 53 / NQ-CP (2019)	Nghị quyết	Nông nghiệp	CG

DỰ THẢO

Dựa trên việc xem xét các lĩnh vực chính sách của SCP trong tài liệu pháp lý hiện hành được đề cập ở trên, một số kết luận có thể được đưa ra như sau:

Ưu tiên SCP- lĩnh vực chính sách của Việt Nam:

- Sử dụng năng lượng và tài nguyên tái tạo, thu gom, tái chế và tái sử dụng chất thải được coi là ưu tiên cao nhất và được đề cập trong hầu hết các tài liệu chính sách liên quan đến chính sách của SCP.
- Sản xuất sạch hơn, dán nhãn sinh thái, tiêu dùng bền vững và lối sống và giao thông bền vững đã tiếp tục được tăng cường, đặc biệt là trong các chiến lược quốc gia như Chiến lược tăng trưởng xanh, Chiến lược biến đổi khí hậu và Chiến lược phát triển bền vững.
- Mua sắm công cộng xanh, tiếp thị các sản phẩm bền vững và thiết kế sinh thái chưa được tăng cường đầy đủ và chưa được phản ánh rõ ràng trong các chính sách hiện hành.
- *Mua sắm công:* Triển khai mua sắm công xanh tại Việt Nam hiện còn khá hạn chế. Hiện tại, chỉ có một yêu cầu mua sắm công đối với các sản phẩm tiết kiệm năng lượng tuân theo Quyết định 68/2011 / QĐ-TOT về việc ban hành danh sách các thiết bị và thiết bị tiết kiệm năng lượng được mua hoặc mua với các cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ Số 13 / CT-TOT ngày 4 tháng 4 năm 2017 về việc tăng cường sử dụng nguyên liệu và hàng hóa sản xuất trong nước. Cần xây dựng hướng dẫn triển khai thực tế cho Mua sắm công xanh tại Việt Nam.
- *Các hoạt động giáo dục về SCP:* Việt Nam chưa xây dựng một chương trình riêng cho giáo dục bền vững, tuy nhiên, kết quả của đánh giá chính sách này chứng minh rằng các hoạt động giáo dục, chiến dịch và nâng cao nhận thức về SCP đã được triển khai trong nhiều chương trình liên quan như một thành phần không thể thiếu.
- *Thiết kế bền vững:* Hiện tại, hầu như không có tài liệu chính sách nào điều chỉnh thiết kế bền vững, có lẽ vì lĩnh vực này liên quan đến nhiều lĩnh vực khác như sử dụng vật liệu và năng lượng.

Tóm lại, ***một số lĩnh vực chính sách ưu tiên của Việt Nam khá giống với các quốc gia khác***, ví dụ, ngành năng lượng tái tạo đã được ưu tiên cao. Việt Nam đã khá nhạy cảm với các xu hướng SCP quốc tế, kết hợp các lĩnh vực SCP mới, như mua sắm công, chuỗi cung ứng xanh hoặc tiếp thị bền vững trong các tài liệu chính sách gần đây. Sự khác biệt của chính sách SCP ở Việt Nam so với các nước khác là một số lĩnh vực SCP như thông tin mạng về SCP, du lịch sinh thái, lối sống bền vững, tiếp thị bền vững và thiết kế bền vững vẫn còn thiếu.

(1) Quá trình "Tích hợp sản xuất và tiêu dùng bền vững vào các chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển ở tất cả các cấp"

Ở **cấp quốc gia**, SCP được đưa vào Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Chiến lược tăng trưởng xanh và Chiến lược biến đổi khí hậu. Hơn nữa, một "Kế hoạch hành động về sự tăng trưởng xanh của ngành xây dựng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030" đã được Bộ Xây dựng ban hành

(Quyết định số 419 / QĐ-BXD ngày 11/5/2017). Kế hoạch hành động đó tập trung vào (i) điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành xây dựng từ góc độ phát triển bền vững; (ii) điều chỉnh quy hoạch và quy hoạch cải tạo đô thị theo tiêu chuẩn phát triển bền vững; (iii) cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hướng bền vững ở các thành phố được chọn; (iv) cải tạo công nghệ và kỹ thuật xây dựng theo hướng phủ xanh; (v) khuyến khích sự phát triển của ngành vật liệu xây dựng xanh; và (vi) sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong xây dựng.

"Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường để thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030" đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành (Quyết định số 965 / QĐ- MONRE ngày 23 tháng 4 năm 2015). Trong Chương trình hành động này, nhiều nhiệm vụ liên quan đến SCP: (i) kiểm soát, ngăn chặn và giảm thiểu việc tạo ra các nguồn ô nhiễm và khôi phục các khu vực bị ô nhiễm; (ii) tăng cường năng lực đối phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính; (iii) khuyến khích và hỗ trợ phát triển nhanh sản xuất sản phẩm sinh thái và phát triển dịch vụ môi trường; (iv) khai thác, sử dụng hiệu quả và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; và (v) bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển vốn tự nhiên. Một trong những hoạt động ưu tiên trong phát triển thể chế là thúc đẩy thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh được thiết lập cho giai đoạn 2016-2020, bên cạnh các vấn đề nghiên cứu về các quy định mua sắm công cộng xanh cho ngành tài nguyên và môi trường.

Ở **cấp chính quyền địa phương**, dựa trên báo cáo từ chính quyền tỉnh, 31 trong số 63 tỉnh và thành phố trên toàn quốc đã tích hợp nội dung SCP vào chiến lược kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm của họ.

(2) Quá trình "Phát triển và cải thiện các chính sách để khuyến khích đầu tư vào sản xuất và phân phối các sản phẩm bền vững; phát triển các "lợi ích" để khuyến khích tiêu thụ sản phẩm bền vững; xây dựng và cải thiện cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong việc thực hiện SCP; thúc đẩy quan hệ đối tác công tư trong việc thực hiện SCP; phát triển gói chỉ số quốc gia của SCP để theo dõi và đánh giá việc thực hiện SCP"

Xây dựng và cải thiện các chính sách để khuyến khích đầu tư vào sản xuất và phân phối các sản phẩm bền vững: Hiện nay, các chính sách chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp: Nghị quyết số 53 / NQ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2019, các giải pháp khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững và Nghị định 98/2018 / ND-CP về các chính sách khuyến khích hợp tác và hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu dùng Những sản phẩm nông nghiệp.
Phát triển các "lợi ích" để khuyến khích tiêu thụ sản phẩm bền vững: Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư số 128/2016 quy định miễn và giảm thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường; sản phẩm từ hoạt động tái chế và xử lý chất thải quy định tại Nghị định số 19/2015 / ND - CP. Theo đó, miễn thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường có tên trong Biểu thuế xuất khẩu và có giấy chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam và giảm 50% thuế xuất khẩu cho các sản phẩm từ hoạt động tái chế và xử lý chất thải có trong Biểu thuế xuất khẩu được chứng nhận bởi cơ quan có thẩm quyền cơ quan nhà nước. Ngoài ra, các sản phẩm nhãn xanh và hàng tái chế cũng được

ưu tiên mua sắm và sử dụng trong các hạng mục đầu tư và chi thường xuyên của ngân sách nhà nước (Quyết định 1393 / QĐ-TOT ngày 25 tháng 9 năm 2012). Tuy nhiên, mặc dù có những ưu đãi như vậy, Nhãn Xanh đã ra đời từ lâu nhưng doanh nghiệp không được chú ý nhiều, chủ yếu vì chính sách ưu đãi, chính sách ưu đãi về hỗ trợ thuế xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ giá hoặc nhu cầu mua sắm công trong Nghị định 19/2015 / ND-CP nêu chi tiết việc thực hiện một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2014 rất phức tạp và khó thực hiện. Hầu hết, nó đề cập đến các quy định khác để các doanh nghiệp không có động lực để thực hiện thủ tục áp dụng Nhãn xanh cho sản phẩm.
Mặt khác, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn ngần ngại đầu tư, sử dụng công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp để đầu tư và sản xuất các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của Nhãn xanh Việt Nam. Vì tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam vẫn còn hạn chế về số lượng. Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ ban hành 17 bộ tiêu chí nhãn xanh, được Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và công bố, và 112 loại sản phẩm được cấp nhãn xanh.

Xây dựng chỉ số quốc gia về SCP để theo dõi và đánh giá việc thực hiện SCP: Ban đầu được đề cập trong các tài liệu chính sách như là các chỉ số sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Khai thác hợp lý và sử dụng tài nguyên khoáng sản một cách tiết kiệm và bền vững: giảm tổn thất than khai thác vào năm 2030: dưới 20% ở các mỏ ngầm và dưới 5% ở các khu vực mở (theo 681 / QĐ-TOT ngày 4 tháng 4 năm 2019). Ngoài ra, một hệ thống giám sát và đánh giá hiệu quả sản xuất quốc gia và tiêu thụ bền vững đã được nhiều bên nghiên cứu một cách có hệ thống (MONRE và MOIT) và đang được đề xuất để thực hiện. Do đó, trong thời gian tới, cần ban hành một hệ thống các chỉ số để theo dõi và đánh giá hiệu suất sản xuất và mức tiêu thụ bền vững để đo lường kết quả của các hoạt động.

(3) Quá trình "Phát triển chính sách thương mại, chính sách thuế xuất khẩu, chính sách thuế quan để thúc đẩy các sản phẩm xuất khẩu bền vững theo lộ trình hội nhập quốc tế, các hiệp định thương mại song phương và đa phương."

Vào ngày 9 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 128/2016 / TT-BTC quy định miễn và giảm thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường; sản phẩm từ hoạt động tái chế và xử lý chất thải quy định tại Nghị định số 19/2015 / ND-CP của Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

Nghị định 32/2017 / ND-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư nhà nước (thay thế Nghị định 75/2011 / ND-CP về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Chính phủ). Nghị định quy định danh sách các dự án đủ điều kiện cho vay đầu tư ưu đãi của nhà nước, trong đó (so với Nghị định 75 cũ) đã bổ sung nhiều dự án đầu tư trong lĩnh vực đầu tư xanh.

(4) Quá trình "Thực hiện mua sắm xanh; xây dựng và cải thiện các chính sách thúc đẩy mua sắm công cộng xanh; ban hành danh sách các sản phẩm bền vững ưu tiên cho mua sắm công cộng; nghiên cứu, ứng dụng thí điểm và mô hình mua sắm công cộng xanh rộng rãi"

Như đã đề cập ở trên, các tài liệu hiện hành về mua sắm công cộng xanh là khá hạn chế. Sau Quyết định 76, Chỉ thị số 13 / CT-TOT ngày 4 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ đã được ban hành nhằm thúc đẩy tăng cường sử dụng nguyên liệu, hàng hóa sản xuất trong nước. Tuy nhiên, mua sắm công xanh chưa thực sự được thúc đẩy. Do Luật Đấu thầu và Nghị định thi hành Luật Đấu thầu của Việt Nam, các thủ tục và yêu cầu đấu thầu, các điều kiện ưu đãi cho các nhà thầu, chưa có quy định mua sắm công, bao gồm cả các giao dịch mua sắp tới, nên rất khó để đề xuất một cơ sở pháp lý cho Mua sắm công xanh dựa trên Luật Đấu thầu Trong khi có nhiều quy định trong Nghị định về việc thi hành Luật Bảo vệ Môi trường trong Mua sắm công xanh và khuyến khích tài chính cho các sản phẩm thân thiện với môi trường. Cụ thể, Điều 47 (Hỗ trợ tiêu dùng cho sản phẩm) quy định rằng, dựa trên Luật Ngân sách Nhà nước, các sản phẩm nhãn xanh phải được ưu tiên trong trường hợp mua sắm công khai các sản phẩm đó. Điều 47 cũng giao trách nhiệm cho Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chính và phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường để xây dựng một quy định về mua sắm công các sản phẩm thân thiện với môi trường. Việc thực hiện các quy định như vậy là một yếu tố quan trọng để thực hiện thành công Mua sắm công xanh tại Việt Nam.

Có thể thấy rằng, mặc dù khó kết hợp các quy định mua sắm công cho các sản phẩm thân thiện với môi trường vào hệ thống pháp luật hiện hành (Luật Đấu thầu và Nghị định thi hành Luật Đấu thầu), đề xuất một thông tư riêng của Bộ Tài chính trong theo Luật Đấu thầu cần được ban hành.

(5) Quá trình "Xây dựng và cải thiện khung chính sách để thúc đẩy các hoạt động tái chế và tái sử dụng chất thải; thúc đẩy quản lý tích hợp chất thải rắn theo cơ chế thị trường và áp dụng mức phí dựa trên khối lượng đối với chất thải rắn"

Hiện nay, về cơ bản, các chính sách cần thiết để phát triển ngành tái chế chất thải rắn đã được xây dựng, bao gồm chính sách phân loại chất thải rắn để tạo nguyên liệu đầu vào và chính sách hỗ trợ sản xuất (trợ cấp cho vay, giảm thuế, v.v.), chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm (trợ cấp và khuyến khích tiêu thụ các sản phẩm tái chế) đã được đề cập trong nhiều tài liệu, đáng chú ý là Luật Bảo vệ môi trường (2005 và 2014), Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định số 59/2007 / ND-CP về quản lý chất thải rắn, tháng 4 năm 2009 / ND-CP về khuyến khích và hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường; 19/2015 / ND-CP hướng dẫn một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2014; 38/2015 / ND-CP.

Một số chính sách đã được thực hiện trong thực tế và ban đầu hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập các cơ sở tái chế, đó là các chính sách ưu đãi về không gian sản xuất, hỗ trợ cho vay, giảm thuế. Ngoài ra, có một số thiếu sót trong hệ thống chính sách chất thải rắn cản trở các mục tiêu phát triển bền vững như sau:

Tính khả thi của một số chính sách không hiệu quả: Điều này đặc biệt được phản ánh trong các chính sách định hướng, điển hình là "Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn cho đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Việc xây dựng chính sách với các mục tiêu rất cao, trong khi không tính đến khả năng thực hiện. Những

mục tiêu này chỉ đạt được khi Việt Nam có hệ thống cơ sở hạ tầng tốt cho các hoạt động tái chế như công nghệ phân loại chất thải rắn, nhà máy tái chế và hệ thống pháp lý nghiêm ngặt, phục vụ các hoạt động tái chế. không hiệu quả (đó là chính sách phạt trong phân loại chất thải rắn, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm tái chế...)

Thiếu một số chính sách quan trọng để hỗ trợ toàn diện cho các bước sản xuất chung của hoạt động tái chế: Một trong những chính sách quan trọng là chính sách kiểm soát chất lượng của các hoạt động tái chế, đây là một công cụ rất tốt và cần thiết để đảm bảo các hoạt động tái chế nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Các chính sách này đã được ban hành song song với các chính sách khuyến khích các hoạt động tái chế ở các nước phát triển, tuy nhiên hiện tại ở Việt Nam các chính sách này chưa được ban hành. Về nguyên tắc, việc kiểm soát các hoạt động tái chế vẫn được áp dụng theo các công nghệ thông thường nhưng trên thực tế, các hoạt động tái chế chưa được kiểm soát về chất lượng. Đây là một trong những tác động xấu đến môi trường do các hoạt động tái chế gây ra. Ngoài ra, các chính sách tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho ngành này, chẳng hạn như chính sách gắn trách nhiệm của nhà sản xuất, chẳng hạn như thực thi tỷ lệ tái chế cho nhà sản xuất và đóng gói - chính sách và chính sách thu hồi sản phẩm để khuyến khích mọi người tái chế (phân loại chất thải rắn, trả lại sản phẩm đã qua sử dụng và tiêu thụ sản phẩm tái chế) chưa được phát triển chi tiết.

Hệ thống các tài liệu hướng dẫn thực hiện các chính sách khung chưa được xây dựng đầy đủ và kịp thời: Theo thông lệ chính sách của Việt Nam, một chính sách được quy định trong nhiều văn bản pháp lý. Các tài liệu do Quốc hội và Chính phủ ban hành, chẳng hạn như luật và nghị định, là chung và hạn chế, và sau đó được cụ thể hóa bởi các bộ, ngành và địa phương bằng các thông tư. Nhiều nghiên cứu cho thấy sự chậm trễ trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành và địa phương là nguyên nhân chính dẫn đến kết quả hạn chế trong việc thực hiện các ưu đãi cho các hoạt động tái chế chất thải rắn.

Không có chính sách cụ thể đối với vật liệu tái chế cụ thể, vì thực tế là sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải thực phẩm, phụ phẩm nông nghiệp ở Việt Nam chưa có lãi, không thể cạnh tranh về giá bán với các loại phân bón khác. Nó sẽ đặt ra một cách thách thức về phía trước để sản xuất phân bón hữu cơ nếu không có ưu đãi cũng như hỗ trợ. Do đó, đề xuất tiếp tục ban hành các chính sách sau đây để thúc đẩy và hoàn thành các chính sách tái chế và tái sử dụng chất thải;

- Chính sách hỗ trợ toàn diện cho tổ chức sản xuất hoạt động tái chế: chính sách kiểm soát chất lượng hoạt động tái chế, chính sách tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho chính sách trách nhiệm của nhà sản xuất này, thực thi tỷ lệ tái chế cho nhà sản xuất, chính sách đóng gói sản phẩm và chính sách khuyến khích mọi người tái chế (phân loại chất thải rắn, trả lại sản phẩm đã sử dụng / bao bì và tiêu thụ sản phẩm tái chế).
- Xây dựng tài liệu pháp lý để hỗ trợ chính sách khung: Ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện các khu công nghiệp công nghệ cộng sinh được chuyển đổi thành các khu công nghiệp sinh thái.
- Xây dựng chính sách cụ thể cho các vật liệu tái chế cụ thể: Xây dựng chính sách hỗ trợ sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải thực phẩm, phụ phẩm nông nghiệp.

1.2.2. Quá trình thực hiện Nhiệm vụ số 2: "Thúc đẩy tái cấu trúc sản xuất và kinh tế theo hướng bền vững"

(1) Quá trình "Khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; tăng cường tài nguyên tái tạo và phát triển năng lượng"

(a) Nghiên cứu khoa học

Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước về "Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng" được thực hiện từ 2011 đến 2020 đã tiến hành nghiên cứu về 27 chủ đề và 3 dự án sản xuất. Một nửa trong số này là các chủ đề và dự án về năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng. Một số kết quả nghiên cứu này đã được áp dụng trong thực tế.

Nhiều dự án nghiên cứu trong các ngành công nghiệp và địa phương đã được đặt hàng theo hướng đổi mới, sáng tạo và ứng dụng công nghệ xanh. Ví dụ, các công trình nghiên cứu về giống cây trồng và giống vật nuôi đã chọn và phát triển cây giống với năng suất cao, nhưng chống chịu bệnh tật và thích nghi với việc thay đổi môi trường sinh thái; ví dụ: nghiên cứu vật liệu xây dựng, thiết kế kiến trúc, giải pháp xây dựng theo tiêu chuẩn "kiến trúc xanh", v.v.

(b) Mô hình phát triển

Du lịch sinh thái, được các địa phương phát triển trong những năm gần đây, đã cho thấy hiệu quả trong việc thúc đẩy tài nguyên cảnh quan thiên nhiên, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho một bộ phận dân cư địa phương. Một số dự án du lịch sinh thái đã làm phong phú cảnh quan thiên nhiên, phục hồi và bảo tồn các công trình kiến trúc cổ, đặc biệt là các công trình văn hóa truyền thống như đền, miếu. Tuy nhiên, nhiều nơi cho mục đích du lịch, nhưng các dự án du lịch kinh tế và chính cộng đồng địa phương đã làm hại những tài nguyên quý giá đó. Các trường hợp như phát triển du lịch thiếu sự bảo tồn cảnh quan và nguồn đa dạng sinh học quý hiếm ở bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), ý định mở cáp treo đến hang Sơn Đông (Quảng Bình) vẫn còn tồn tại nhiều. Ngoài ra, nhiều dự án ẩn dưới tên của du lịch sinh thái để xâm lấn khu vực bảo tồn thiên nhiên và di tích lịch sử, nhưng chưa được xử lý nghiêm. Điều này phản ánh nhận thức yếu, vai trò suy nhược và trách nhiệm của các cơ quan quản lý đối với sự phát triển bền vững. Để khắc phục tình trạng này, bắt buộc phải tiến hành phát triển các hình thức du lịch bền vững hơn.

Mô hình khu công nghiệp sinh thái: Khu công nghiệp sinh thái là một cộng đồng gồm các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ tại cùng một nơi; trong đó các doanh nghiệp thành viên tìm cách cải thiện hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội thông qua hợp tác quản lý các vấn đề môi trường và tài nguyên, phát triển hệ thống cộng sinh công nghiệp thông qua trao đổi năng lượng và nguyên liệu giữa các công ty.

Trong giai đoạn từ 2015 đến tháng 6 năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang hợp tác với UNIDO để thực hiện dự án "Thực hiện sáng kiến khu công nghiệp sinh thái hướng tới mô hình khu công nghiệp bền vững tại Việt Nam". Dự án được hỗ trợ bởi Cơ sở Môi

trường Toàn cầu, Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ. Dự án đang thí điểm tại khu công nghiệp Khánh Phú (tỉnh Ninh Bình), khu công nghiệp Hòa Khánh (Đà Nẵng) và khu công nghiệp Trà Nóc 1.2 (Cần Thơ).

Vào cuối tháng 11 năm 2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH & ĐT) đã đệ trình lên Chính phủ một dự thảo nghị định điều chỉnh các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, nhấn mạnh rằng mô hình khu công nghiệp sinh thái sẽ được ưu tiên. Vào ngày 22 tháng 5 năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định 82 / ND-CP với các quy định về khu công nghiệp sinh thái, mô hình cộng sinh công nghiệp và các ưu tiên cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái. Trong tương lai gần, với hơn 300 khu công nghiệp được thành lập, trong đó có hơn 220 khu công nghiệp đang hoạt động, nhiệm vụ chuyển đổi các khu công nghiệp theo định hướng sinh thái sẽ là một thách thức lớn đối với cả giới quản lý nhà nước và doanh nghiệp. Nhưng nếu sự cải thiện và chuyển đổi thậm chí chỉ là một phần nhỏ trong số đó, thì lợi ích chung sẽ rất lớn, không chỉ cho đất nước, mà còn cho lợi ích kinh tế của các doanh nghiệp.

(c) **Thực hiện ở cấp địa phương**

Nhiều giải pháp để thúc đẩy việc sử dụng các nguồn tài nguyên cạn kiệt với tài nguyên tái tạo để thúc đẩy nền kinh tế địa phương một cách bền vững đã được thực hiện. Một số nhóm giải pháp như sau:

- Để thu hút đầu tư vào các dự án năng lượng mặt trời, dự án điện gió, dự án điện sinh khối, dự án thủy điện (Đăk Lăk, Hải Phòng và Bình Định);
- Tái sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện và nhà máy phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng trong ngành xây dựng. Hỗ trợ chủ sở hữu nguồn phát thải tro và thạch cao tiếp cận công nghệ xử lý, mang lại giải pháp phù hợp và hiệu quả trong quy trình xử lý chất thải rắn của doanh nghiệp;
- Để sử dụng chất thải của khu công nghiệp, dự án EIP do MPI và UNIDO thực hiện đã tiến hành nghiên cứu về đồng xử lý nhiên liệu và vật liệu thay thế tại các nhà máy xi măng từ chất thải của khu công nghiệp. Ưu điểm của việc sử dụng chất thải từ các khu công nghiệp là chất thải công nghiệp được nung ở nhiệt độ cao2000^{o}C có thể thay thế một phần nguyên liệu sản xuất xi măng, không gây ô nhiễm thứ cấp, tạo ra khả năng xử lý và lợi ích cao cho công ty xi măng do mức tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch thấp hơn. Đây cũng là một giải pháp tốt hơn so với chôn lấp và đốt rác.

(d) Kiến nghị

Có thể thấy rằng nhiều giải pháp, bao gồm nghiên cứu khoa học, phát triển các mô hình phát triển bền vững và triển khai các hoạt động này ở cấp địa phương sẽ mang lại kết quả ban đầu để thúc đẩy thay thế các nguồn lực không bền vững có thể bị cạn kiệt bởi các hoạt động kinh doanh thông thường; Trong bối cảnh hiện nay, khi nhiều chính sách quốc gia được thực hiện với cùng các mục tiêu như Chiến lược tăng trưởng xanh, cần thúc đẩy hơn nữa các hoạt động trên như sau:

- Thúc đẩy kết quả nghiên cứu để thương mại hóa và sử dụng phổ biến để đưa kết quả thực hiện vào thực tế ở cấp trung ương và địa phương. Đặc biệt, cần thúc đẩy nghiên cứu và phát triển (R & D) làm việc không chỉ trong các cơ quan nhà nước mà cả các doanh nghiệp, tăng tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện R & D và tăng kết nối với hoạt động nghiên cứu của các tổ chức nghiên cứu công cộng với doanh nghiệp.

- Thúc đẩy các mô hình du lịch sinh thái bền vững với sự tham gia của tất cả các bên liên quan, mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư, đặc biệt là các dân tộc thiểu số. Cải thiện chính sách và cơ chế bao gồm chính sách định giá môi trường rừng, chính sách sử dụng doanh thu, chính sách góp vốn và hợp tác trong hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái và tập hợp các tiêu chí đánh giá, đào tạo nâng cao năng lực, tăng cường phát triển các sản phẩm cụ thể, thúc đẩy các hoạt động quảng cáo và tiếp thị.
- Thúc đẩy sự phát triển của các khu công nghiệp sinh thái bằng cách chuyển đổi các khu công nghiệp hiện có thành các khu công nghiệp sinh thái nhằm tăng cường sự cộng sinh công nghiệp bằng cách tái sử dụng chất thải và nước thải sau khi xử lý, và thúc đẩy thực hiện hiệu quả việc đồng xử lý các vật liệu thay thế trong các nhà máy xi măng.

(2) Quá trình "Tiếp tục thực hiện sản xuất sạch hơn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ sạch và công nghệ thân thiện với môi trường; đổi mới công nghệ và loại bỏ lộ trình công nghệ lạc hậu thúc đẩy tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch và tạo ra ô nhiễm môi trường; phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu thực hiện các hoạt động sản xuất bền vững"

Mục tiêu cụ thể: Tỷ lệ các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn và tiết kiệm năng lượng sẽ đạt 50%.

(a) Hoạt động sản xuất sạch hơn

Hoạt động sản xuất được thực hiện ở trung tâm và địa phương tập trung vào đào tạo nhân viên để nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức và đánh giá hiệu quả của các nguồn lực trong máy, kết quả chính được tóm tắt trong Bảng 2:

DỰ THẢO

Bảng 2: Thực hiện sản xuất sạch hơn

	Nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn	**Truyền thông**	**Hỗ trợ kỹ thuật về ứng dụng sản xuất sạch hơn tại các nhà máy**	**Hoàn thành mạng lưới các tổ chức hỗ trợ sản xuất sạch hơn trong công nghiệp**
Cấp trung ương tại Bộ Công Thương	Đào tạo cho các nhà quản lý ở cấp trung ương (2 khóa học); Đào tạo chuyên sâu cho tư vấn CP và cán bộ DoIT: 1-2 lớp mỗi năm cho cán bộ và tư vấn viên tỉnh	125 Phóng sự trên truyền hình và đài phát thanh trên VTV, TNVN, 404 Các bài báo, bản tin về sản xuất sạch hơn trên báo và báo điện tử, 4 - 6 bản tin về Sản xuất sạch hơn "CÔNG NGHỆ XANH" mỗi năm. Một trang web CP đã được phát triển, vận hành và duy trì. Địa chỉ trang web: **sxsh.vn**	Phát triển, ban hành và phổ biến hơn 20 hướng dẫn kỹ thuật về sản xuất sạch hơn cho các ngành công nghiệp khác nhau Thực hiện đánh giá nhanh cho 411 doanh nghiệp Thực hiện đánh giá chi tiết cho 102 doanh nghiệp Xây dựng mô hình trình diễn: 02	Ban chỉ đạo "Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020"; + Thứ trưởng Bộ Công thương là Chủ tịch; Văn phòng được đặt tại Sở Khoa học và Công nghệ (cho đến năm 2017) / Bộ Tiết kiệm Năng lượng và Bền vững (từ năm 2018) + Trung tâm sản xuất và môi trường sạch (Cục ATMT) và các công ty tư vấn (EPRO, VNCPC ...);
Cấp Trung ương: Tại Bộ Quy hoạch và Đầu tư (Dự án Khu công nghiệp sinh thái)	Đào tạo cán bộ và nhà máy địa phương tại các khu công nghiệp: 240 lượt người Đào tạo chuyên sâu về sản xuất sạch hơn: 80 chuyên gia	Đã xây dựng và vận hành một trang web về các khu công nghiệp sinh thái: khucongghiepsinhthai.vn	Phát triển 45 trường hợp nghiên cứu về sản xuất sạch hơn Thực hiện đánh giá nhanh cho 120 doanh nghiệp tại các khu công nghiệp Thực hiện đánh giá chi tiết cho 73 doanh nghiệp và đánh giá bảo trì cho 53 doanh nghiệp tại các khu công nghiệp	
Cấp độ địa phương	Hội thảo và hội thảo sản xuất sạch hơn: 337 hội thảo và các khóa đào tạo cho hơn 25.000 người. Gửi nhân viên tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về sản xuất sạch hơn	134 báo cáo truyền hình trên các đài truyền hình địa phương; 256 bài báo và bản tin về sản xuất sạch hơn; 150.000 tờ rơi, bảng, áp phích tuyên truyền về sản xuất sạch hơn.	Hỗ trợ đánh giá nhanh: 335 doanh nghiệp. Hỗ trợ ứng dụng sản xuất sạch hơn, mẫu mã: 88 doanh nghiệp.	47 Trung tâm (Bảo tồn năng lượng, KC) trên toàn quốc có các hoạt động để hỗ trợ sản xuất sạch hơn. Mạng lưới 355 chuyên gia về sản xuất sạch hơn tại các Sở Công Thương của 63 tỉnh, thành phố

DỰ THẢO

(b) Sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm

Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong giai đoạn 2012 - 2015 (VNEEP 2) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 1427 / QĐ-TOT ngày 2/10/2012. Mục tiêu tiết kiệm từ 5-8% tổng mức tiêu thụ năng lượng của cả nước trong giai đoạn 2012-2015 so với dự báo nhu cầu năng lượng trong Kế hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 với tầm nhìn đến Năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Kết quả đánh giá cho thấy mức tiết kiệm thực tế đạt được là 5,65%, tương đương với 11,2 triệu tấn dầu tương đương (TOE). Sau thành công của Chương trình, Bộ Công Thương đã xây dựng và đệ trình một kế hoạch sửa đổi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Chương trình Quốc gia về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong giai đoạn 2019-2030 trong Quyết định số 280 / QĐ. -TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Mục tiêu của chương trình đặt ra cho thành tựu vào năm 2025 là (i) đạt được mức tiết kiệm năng lượng từ 5,0 đến 7,0% tổng mức tiêu thụ năng lượng quốc gia từ năm 2019 đến 2025; (ii) giảm tổn thất điện năng xuống dưới 6,5%; (ii) giảm mức tiêu thụ năng lượng trung bình cho các ngành / phân ngành so với 2015-2018, cụ thể là: (a) đối với ngành thép: từ 3,00 đến 10,00% tùy theo loại sản phẩm và công nghệ sản xuất; (b) cho ngành hóa chất: ít nhất 7,00%; (c) cho sản xuất nhựa: từ 18,00 đến 22,46%; (d) đối với ngành xi măng: ít nhất 7,50%; (e) cho ngành dệt may: ít nhất 5,00%; (f) cho ngành công nghiệp rượu, bia và nước giải khát: từ 3,00 đến 6,88% tùy thuộc vào loại sản phẩm và quy mô sản xuất; (g) cho ngành công nghiệp giấy: từ 8,00 đến 15,80% tùy thuộc vào loại sản phẩm và quy mô sản xuất; và (iv) 70% các khu công nghiệp và 50% các cụm công nghiệp sẽ được cung cấp quyền truy cập và sử dụng năng lượng một cách kinh tế và hiệu quả.

Để hoàn thành các mục tiêu này, chương trình đặt ra các nhiệm vụ chính sau:

- Xem xét, phát triển và hoàn thiện các cơ chế và chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
- Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, thúc đẩy các dự án đầu tư về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các hoạt động sản xuất, cải tạo và chuyển đổi thị trường phương tiện, thiết bị, máy móc và dây chuyền sản xuất. Xuất khẩu, tập trung vào các hoạt động ưu tiên như: Thực hiện kiểm toán năng lượng và áp dụng các hệ thống quản lý năng lượng tiên tiến cho người sử dụng năng lượng; Cải tiến các quy trình công nghệ chuyển đổi nhiên liệu và tiết kiệm năng lượng, hiệu quả, thân thiện với môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu; Ứng dụng công nghệ mới với hiệu quả năng lượng cao.
- Xây dựng trung tâm dữ liệu năng lượng Việt Nam, cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin về sử dụng năng lượng và tiết kiệm năng lượng và hiệu quả
- Tăng cường năng lực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
- Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
- Truyền thông để nâng cao nhận thức cộng đồng
- Tăng cường hợp tác quốc tế và hợp tác về sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm
- Thành lập Quỹ để thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho từng ngành công nghiệp

(c) Hoạt động tại các tỉnh

Nhiều địa phương đã triển khai các hoạt động để thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Chẳng hạn, Hà Nội đã triển khai hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong thành phố theo Quyết định số 656 / QĐ-PPC ngày 3 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố, phấn đấu đạt được mức tiết kiệm năng lượng trong năm 2019 từ 2-3% tiêu thụ năng lượng so với dự báo nhu cầu và hệ số co giãn năng lượng / GDP năm 2020 sẽ đạt 0,95%. Một số chương trình cụ thể như sau:

- Phổ biến thông tin để nâng cao nhận thức về việc sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm bằng phương tiện truyền thông đại chúng;
- Phát triển và phổ biến các thiết bị hiệu suất cao và tiết kiệm năng lượng; loại bỏ dần các thiết bị hiệu suất thấp;
- Thúc đẩy bảo tồn năng lượng trong các hoạt động công nghiệp và nguồn phân phối điện xanh: Phổ biến các phương pháp và công cụ dự báo nhu cầu năng lượng và đánh giá tiết kiệm cho các doanh nghiệp trong nhóm ngành dệt may ở cấp địa phương tại thành phố Hà Nội; nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; phổ biến các phương pháp và công cụ dự báo nhu cầu năng lượng và đánh giá tiết kiệm năng lượng cho các tòa nhà; và
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong lĩnh vực giao thông vận tải: đầu tư vào cơ sở hạ tầng giao thông, phát triển các hình thức vận chuyển hành khách công cộng khác nhau để đảm bảo sự thuận tiện và chất lượng; giảm tiêu thụ nhiên liệu và ô nhiễm môi trường; sử dụng nhiên liệu sinh học (x E5); nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu và thiết lập định mức tiêu thụ nhiên liệu cho xe buýt CNG trong thành phố.

(d) Khuyến nghị về việc đạt được mục tiêu

Theo dữ liệu khảo sát của Bộ Công Thương để thực hiện các mục tiêu của Chiến lược sản xuất sạch hơn với 63 Sở Công thương và 9012 doanh nghiệp công nghiệp: Năm 2010 có 11% doanh nghiệp và năm 2015, 32% doanh nghiệp báo cáo có áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn. Theo khảo sát gần đây của Bộ Công Thương từ 36 Sở Công Thương, chỉ có 11 Sở Công Thương đã khảo sát số lượng doanh nghiệp áp dụng giải pháp sản xuất sạch hơn với tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng giải pháp sản xuất sạch hơn từ 15% đến 40%. Do đó, rất khó đạt được kết quả mong muốn (50%) trong thời gian ngắn, đòi hỏi các biện pháp quyết liệt hơn như tăng cường đánh giá sản xuất sạch hơn của các doanh nghiệp và tăng chương trình truyền thông về lợi ích của sản xuất sạch hơn cho doanh nghiệp.

(3) Quá trình "Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường; đổi mới công nghệ và loại bỏ chúng theo lộ trình công nghệ lỗi thời, tiêu thụ nhiều nhiên liệu và gây ô nhiễm môi trường; phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu thực hiện các hoạt động sản xuất bền vững"

Mục tiêu cụ thể: Tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch và công nghệ bền vững trong lĩnh vực tiêu thụ năng lượng chuyên sâu và ô nhiễm môi trường đạt 60-70%.

(a) Kết quả chính

Nhìn chung, nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ sạch và thân thiện với môi trường; đổi mới công nghệ và loại bỏ theo lộ trình của các công nghệ lạc hậu, tiêu thụ nhiên liệu cao và ô nhiễm môi trường đã được thực hiện ở nhiều thành phố, tỉnh của Việt Nam. Một số kết quả như sau:

- Cơ cấu các ngành công nghiệp tại các địa phương đã chuyển sang hướng hợp lý và hiện đại; Các ngành công nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao như điện tử, thiết bị điện, sản xuất máy móc thiết bị, hóa chất cao su và nhựa (sơn cho tàu, ống nhựa, dược phẩm và thiết bị y tế, lốp ô tô, v.v.) đã được phát triển mạnh mẽ và đạt tỷ lệ cao trong tổng sản lượng.
- Sản xuất công nghiệp bao gồm các ngành công nghiệp mới đã ngày càng phát triển trong các khu công nghiệp với việc cung cấp cơ sở hạ tầng như tiện ích, xử lý nước thải để góp phần bảo vệ môi trường

(b) Khuyến nghị về việc đạt được mục tiêu

Mục tiêu trên có thể trùng với mục tiêu của Chiến lược sử dụng công nghệ sạch trong giai đoạn đến năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2030, do Quyết định số 2612 / QĐ-TOT ban hành với mục tiêu "sử dụng sạch và thân thiện với môi trường công nghệ, tăng hiệu quả năng lượng, tài nguyên và lượng khí thải thấp trong công nghiệp để thúc đẩy tăng trưởng xanh, giảm thiểu biến đổi khí hậu và cải thiện đời sống cộng đồng ". Một trong những nội dung chính của Chiến lược này là vào năm 2020, 100% các dự án đầu tư mới vào các ngành sử dụng nhiều năng lượng có thể gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (như dệt và nhuộm, sản xuất phân bón và thuốc trừ sâu, luyện thép, khai thác và chế biến khoáng sản, năng lượng nhiệt, sản xuất giấy, sản xuất xi măng và sản xuất mía đường) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật về công nghệ sạch. Theo đó, ***"60-70% cơ sở sản xuất hoạt động trong các ngành công nghiệp nói trên sẽ hoàn thành việc xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch"***.

Sau 4 năm ban hành Chiến lược, mặc dù chưa có đánh giá chính thức hoặc tóm tắt quá trình thực hiện, có thể thấy rằng kết quả đã không đạt được. Điểm nổi bật nhất là mục tiêu đầy tham vọng của việc áp dụng công nghệ sạch vào các ngành công nghiệp có thể gây ô nhiễm nghiêm trọng vẫn chưa được thực hiện. Các trường hợp ô nhiễm nghiêm trọng do công nghệ ô uế như Formosa ở Hà Tĩnh, Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2 ở Bình Thuận, Mei Sheng Dệt may Việt Nam tại Bà Rịa - Vũng Tàu, Hao Duong Tanning tại Thành phố Hồ Chí Minh, Sonadezi Long Thành ở Đồng Nai, Hyundai Vinashin tại Khánh Hòa, Pangrim Neotex Nhuộm và Miwon Việt Nam Bột ngọt ở Phú Thơ, Chu Lai Soda Chiết xuất ở Quảng Nam, các công ty đường ở Hòa Bình, Sơn La, Phú Yên, Trà Vinh, Cà Mau, vv đã được phát hiện và xử lý thích đáng. Nhưng có nhiều trường hợp sử dụng công nghệ "bẩn" khác gây ô nhiễm cả nước mà không được nêu tên. Điều này chứng tỏ rằng các doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ và chưa thực hiện nghiêm túc Chiến lược công nghệ sạch của Chính phủ. Mặt khác, các cơ quan chịu trách nhiệm kiểm tra, cấp phép đầu tư và giám sát thực hiện cũng không hoàn thành nhiệm vụ của mình.

(4) Phát triển và thực hiện một chương trình đổi mới sinh thái. Cách tiếp cận vòng đời sản phẩm sẽ được áp dụng trong các hoạt động đổi mới sinh thái trong các doanh nghiệp, khu công nghiệp và cụm công nghiệp để cải thiện việc sử dụng tài nguyên hiệu quả, ngăn ngừa và giảm chất thải.

Mục tiêu cụ thể: Các hoạt động đổi mới sinh thái đã được thí điểm thành công tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, dần dần mở rộng phạm vi và phạm vi ứng dụng.

(a) Kết quả đạt được

Đổi mới sinh thái là một cách tiếp cận sản xuất và kinh doanh nhằm xác định các thách thức và tận dụng các cơ hội bền vững về môi trường để đổi mới, từ các chiến lược và mô hình kinh doanh đến cấp độ hoạt động của các công ty, trong chuỗi vòng đời sản phẩm. Đây là một trong những xu hướng định hướng các cơ sở sản xuất và kinh doanh theo hướng phát triển bền vững. Trong 3 năm qua, trong khuôn khổ Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và phát triển bền vững, một số hoạt động đổi mới sinh thái đã được thực hiện, bao gồm:

- Đánh giá tiềm năng thực hiện đổi mới công nghiệp trong ngành đã được thực hiện trong chương trình khoa học cấp bộ chủ chốt năm 2018 của Bộ Công thương về Chương trình sản xuất và tiêu thụ bền vững. Các nghiên cứu tập trung vào đánh giá hiện trạng các chính sách và quy định liên quan đến đổi mới sinh thái, tiềm năng ứng dụng đổi mới sinh thái trong công nghiệp, bao gồm đánh giá chuyên sâu cho 15 ngành công nghiệp, 30 sản phẩm công nghiệp đã được đề xuất cho lộ trình đổi mới sinh thái.
- 06 ngành công nghiệp đã được khảo sát, đánh giá và phát triển trong các mô hình thí điểm để áp dụng ứng dụng đổi mới sinh thái, bao gồm nước giải khát, giấy và bột giấy, chế biến sản phẩm thủy sản, sản xuất giày dép, gốm sứ. Trong đó, các tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp thí điểm, hướng dẫn áp dụng các khóa đào tạo và đổi mới sinh thái về ứng dụng đổi mới sinh thái trong công nghiệp đã được xây dựng.

(b) Khuyến nghị về việc đạt được mục tiêu Hiện tại, mô hình đổi mới sinh thái đang được nghiên cứu và thử nghiệm ban đầu cho một số ngành công nghiệp (06) để đánh giá tiềm năng ứng dụng trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa điểm. Để thúc đẩy các hoạt động này, đặc biệt là tại các khu công nghiệp, cần kết hợp với các mô hình khác như mô hình khu công nghiệp sinh thái do MPI và UNIDO triển khai, sẽ được triển khai mạnh mẽ trong thời gian tới (2020-2024). Ngoài ra, nên tiếp tục phát triển mô hình thí điểm đổi mới sinh thái trong các lĩnh vực nghiên cứu

(5) **Phát triển sản xuất sản phẩm bền vững để sản phẩm bền vững quan trọng; tăng cường phát triển công nghiệp môi trường.**

***Mục tiêu cụ thể*:** sự đóng góp của các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường và tái chế chất thải trong GDP tăng lên 42-45%.

(a) Phát triển các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường

DỰ THẢO

Trong chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ chủ chốt về sản xuất và phát triển bền vững năm 2017 và 2018, Bộ Công Thương đã thực hiện một số nghiên cứu để phát triển các sản phẩm và dịch vụ thân thiện sau:

- Xây dựng danh sách các sản phẩm thân thiện với môi trường với mục tiêu xây dựng các sản phẩm thân thiện với môi trường được ưu tiên phát triển vào năm 2025 (xây dựng tiêu chí lựa chọn, xác định nhu cầu thị trường, hiện trạng sản xuất và khả năng cung ứng). Dự án dự kiến sẽ kết thúc vào năm 2018. Góp phần phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường
- Đánh giá tình trạng và đề xuất các chương trình hoạt động ưu tiên nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt Nam nhằm đáp ứng các điều kiện xuất khẩu sản phẩm theo cách thân thiện với môi trường để nâng cao năng lực của doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp xác định các nhóm sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu sang thị trường EU và Hoa Kỳ, xác định các rào cản kỹ thuật và đề xuất các chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt Nam để đáp ứng yêu cầu.
- Nghiên cứu và xây dựng các quy định về chứng nhận sản phẩm từ các hoạt động tái chế trong ngành công nghiệp và thương mại để hoàn thành chính sách pháp lý về phát triển công nghiệp tái chế, giải quyết các khó khăn và vấn đề cho các doanh nghiệp về thủ tục ưu đãi cho sản phẩm theo quy định của pháp luật. Dự kiến sẽ xây dựng một bộ tiêu chí và quy trình đánh giá chứng nhận sản phẩm từ các hoạt động tái chế chất thải và áp dụng cho 02 nhóm sản phẩm.
- Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp thúc đẩy hoạt động dán nhãn carbon thấp cho các sản phẩm công nghiệp của Việt Nam nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chương trình dán nhãn carbon thấp, xây dựng bộ tiêu chí cho các sản phẩm công nghiệp dán nhãn carbon thấp và dự thảo quy trình đánh giá nhãn carbon thấp cho các sản phẩm và có kế hoạch áp dụng thử nghiệm cho 2 sản phẩm công nghiệp. Nghiên cứu và phát triển các phương pháp và ứng dụng để thực hiện tính toán lượng khí thải carbon trong các doanh nghiệp may mặc và giày dép

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tăng cường các cơ chế và chính sách hỗ trợ trong sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường theo hướng hoàn thiện hệ thống tài liệu để cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia sản xuất. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm một cách an toàn và hài hòa với thế giới, góp phần khắc phục tình trạng kháng chéo của các trách nhiệm không rõ ràng trong việc giao quản lý an toàn thực phẩm để tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình Chính phủ và Quốc hội phê duyệt 04 luật về Lâm nghiệp, Ngư nghiệp, Trồng trọt và Chăn nuôi; trình Chính phủ ban hành 04 Nghị định về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và chính sách khuyến khích phát triển hợp tác sản xuất và tiêu thụ nông sản 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ban hành 23 Thông tư về kiểm soát chất lượng vật liệu nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

(b) Thúc đẩy ứng dụng các công nghệ sạch và thân thiện với môi trường:

Để thúc đẩy ứng dụng công nghệ sạch và thân thiện với môi trường, trong 3 năm qua, Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và phát triển bền vững đã thực hiện các

nhiệm vụ phát triển định hướng phát triển công nghệ sạch. Công nghệ thân thiện với môi trường cho ngành dệt - nhuộm, ngành giấy và bột giấy, ngành thép. Những nhiệm vụ này tập trung vào việc đánh giá hiện trạng công nghệ sản xuất, xu hướng phát triển công nghệ và định hướng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường cho ba ngành công nghiệp nêu trên.

Đối với phương tiện và thiết bị tiết kiệm năng lượng, ngày 18 tháng 5 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 24/2018 / QĐ-TOT ban hành Danh sách và lộ trình của các thiết bị tiêu thụ năng lượng. Số lượng cần loại bỏ và các bộ tạo hiệu quả thấp không được xây dựng mới. Quyết định này quy định rằng thiết bị nhập khẩu vào Việt Nam phải đáp ứng hiệu quả năng lượng tối thiểu, bao gồm 11 thiết bị gia dụng, 4 sản phẩm văn phòng và thương mại, 3 sản phẩm thiết bị công nghiệp, bộ sản xuất than và khí đốt khi mới được xây dựng cần đáp ứng các quy định về hiệu quả.

(c) Khuyến nghị về việc đạt được mục tiêu và đề xuất các hoạt động tiếp theo

Hiện tại, không có dữ liệu cụ thể về sự đóng góp của các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường, tái chế chất thải trong GDP, vì vậy không thể đánh giá mức độ hoàn thành của các mục tiêu. Tuy nhiên, có thể thấy rằng các hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạch định chính sách nhằm phát triển sản xuất các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường cũng là tiền đề để thực hiện các hoạt động này ở tất cả các cấp và các ngành. Do đó, trong tương lai, cần tiếp tục thúc đẩy việc áp dụng các kết quả nghiên cứu và phổ biến các chính sách được áp dụng trong thực tế.

Một số hoạt động tiếp theo nên được tăng cường như sau:

- Nghiên cứu và ban hành các cơ chế và chính sách khuyến khích để thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia vào các ngành sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.
- Tiếp tục thực hiện thử nghiệm trên các sản phẩm dán nhãn carbon thấp và đề xuất một quy trình đánh giá ghi nhãn carbon thấp cho các sản phẩm.
- Ban hành quy trình chứng nhận chứng nhận sản phẩm từ tái chế chất thải và tiếp tục mở rộng thử nghiệm cho các nhóm sản phẩm từ tái chế.

1.2.3 Quá trình thực hiện Nhiệm vụ số 3: Hệ thống phân phối xanh và phát triển chuỗi cung ứng sản phẩm bền vững

(1) Ứng dụng sản xuất sạch hơn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong phân phối sản phẩm và dịch vụ; loại bỏ các túi liên tục sử dụng siêu thị, trung tâm thương mại và chợ truyền thống; tăng cường sử dụng túi bền vững

Mục tiêu cụ thể: Giảm phát sinh chất thải trong hoạt động phân phối: 50% doanh nghiệp trong lĩnh vực phân phối được đào tạo và thực hiện các giải pháp sản xuất và tiết kiệm năng lượng sạch hơn; Giảm 65% túi môi trường không thân thiện trong các siêu thị và trung tâm mua sắm (so với năm 2010)

(a) Kết quả đạt được

Hoạt động nghiên cứu khoa học: Trong chương trình khoa học quan trọng của Bộ Công Thương về sản xuất và tiêu thụ bền vững trong giai đoạn 2017-2018 của Bộ Công Thương, các nghiên cứu sau đây đã được thực hiện:

- Nghiên cứu, áp dụng và phổ biến các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên năng lượng trong các siêu thị và trung tâm thương mại nhằm thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp để xây dựng các báo cáo hiện trạng tiềm năng và hiệu quả, kết quả tài nguyên cho siêu thị và trung tâm thương mại; 02 mô hình thí điểm áp dụng các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên năng lượng (01 siêu thị và 01 trung tâm thương mại); 02 hướng dẫn sử dụng để hướng dẫn ứng dụng các giải pháp cải thiện việc sử dụng hiệu quả tài nguyên năng lượng tại các siêu thị và trung tâm thương mại, tổ chức đào tạo cho các quan chức liên quan về việc áp dụng để nâng cao hiệu quả sử dụng chất lượng tài nguyên thiên nhiên cho siêu thị và trung tâm mua sắm.
- Nghiên cứu và đánh giá thực trạng sản xuất và phân phối và hành vi mua nhiên liệu xăng sinh học và dầu diesel E10 tại Việt Nam để đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển nhiên liệu sinh học và nhiên liệu sinh học E10 tại Việt Nam.

Các hoạt động nhằm thúc đẩy việc giảm việc sử dụng các gói không thể phân hủy tại các siêu thị, trung tâm thương mại và chợ truyền thống; thúc đẩy việc sử dụng bao bì không phân hủy sinh học với các gói thân thiện với môi trường được sản xuất từ cấp trung ương đến địa phương:

- Ở cấp trung ương, Bộ Công Thương là cơ quan hàng đầu đã tổ chức nhiều hội nghị và hội thảo tuyên truyền về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, hội nghị kết nối cung và cầu các sản phẩm thân thiện với môi trường vào các hệ thống bán lẻ để chỉ ra tác hại tác dụng của túi nhựa bền bỉ và lợi ích của chất thay thế.
- Tại các địa phương Theo báo cáo từ các tỉnh, thành phố về kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2018 của Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và phát triển bền vững đến năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2030, có một số tỉnh và thành phố ở trên. Cả nước đã thực hiện các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức về việc thực hiện các giải pháp để phủ xanh hệ thống phân phối. Hầu hết các hoạt động đều có Bộ Công Thương làm đầu mối. Theo đó, các Sở Công Thương phối hợp với các sở, ngành khác để hướng dẫn và tuyên truyền cho các siêu thị, trung tâm thương mại và thị trường nhân dân nhằm hạn chế sử dụng bao bì không thể phá hủy để giảm thiểu chất thải trong hoạt động phân phối; thúc đẩy sử dụng bao bì không phân hủy sinh học với bao bì thân thiện với môi trường: tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về tác hại của chất thải nhựa dai dẳng đối với môi trường và khuyến khích sử dụng các biện pháp thay thế thân thiện với môi trường cho mỗi hộ gia đình. Thông qua kiểm tra chuyên ngành, công ty đã giới thiệu các sản phẩm bao bì túi thân thiện với môi trường cho các nhà sản xuất và thương nhân nhựa địa phương. Một số tỉnh, thành phố đã triển khai các chương trình thí điểm nhằm giảm việc sử dụng túi nhựa tại một số siêu thị và cửa hàng bánh kẹo để chuyển sang sử dụng túi thân thiện với môi trường. Chẳng hạn, thành phố Hải Phòng đã thực hiện chương trình giảm thiểu và huy động các tổ chức và cá nhân bán lẻ để giảm số lượng túi nhựa để chuyển từ sử dụng túi nhựa thông thường sang túi mua sắm thân thiện với môi trường. Kết quả cho thấy số

DỰ THẢO

lượng giảm từ 450kg / năm xuống còn 18.000 kg / năm trên mỗi đơn vị kinh doanh.

(b) Khuyến nghị về việc đạt được mục tiêu

Không có số liệu thống kê cũng như báo cáo cụ thể về tỷ lệ doanh nghiệp trong lĩnh vực phân phối nhận thức, được hướng dẫn thực hiện và áp dụng các giải pháp để sản xuất sạch hơn và hiệu quả năng lượng. Không thể đánh giá được số lượng và lượng bao bì không phân hủy sinh học tại các siêu thị, trung tâm thương mại và chợ truyền thống. Tuy nhiên, với kết quả ban đầu như đã đề cập ở trên, có thể tiếp tục thúc đẩy công việc này trong giai đoạn tiếp theo, đặc biệt là huy động người dân và doanh nghiệp để giảm việc sử dụng bao bì không phân hủy và thúc đẩy sử dụng thay thế bằng bao bì thân thiện với môi trường.

(2) Nghiên cứu, thí điểm áp dụng và mở rộng mô hình phân phối các sản phẩm bền vững; phát triển hệ thống tiêu chuẩn bền vững và tổ chức chứng nhận cho các mô hình phân phối bền vững

Mục tiêu cụ thể: Áp dụng chứng nhận phân phối xanh cho nhà phân phối; phát triển thành công và dần dần mở rộng chuỗi cung ứng bền vững cho các sản phẩm chính trong nền kinh tế;

(a) Kết quả đạt được

Hoạt động nghiên cứu khoa học: Trong chương trình khoa học quan trọng của Bộ Công Thương về sản xuất và tiêu thụ bền vững trong giai đoạn 2017-2018 của Bộ Công Thương, các nghiên cứu sau đây đã được thực hiện:

- Nghiên cứu và đề xuất một dự thảo tài liệu quy định việc đánh giá và chứng nhận hệ thống phân phối bán lẻ xanh, bao gồm các tiêu chí, tiêu chí, quy trình, thủ tục đánh giá và chứng nhận hệ thống bán lẻ xanh. Đồng thời, mô hình quản lý nhà nước và thực hiện hệ thống bán lẻ xanh cũng được đề xuất từ cấp trung ương
- Nghiên cứu, đánh giá tình hình hiện tại và đề xuất các giải pháp phát triển chuỗi cung ứng bền vững cho ngành đồ uống tại Việt Nam.
- Nghiên cứu và xây dựng các quy định về chứng nhận sản phẩm từ các hoạt động tái chế chất thải trong ngành công nghiệp và thương mại.
- Nghiên cứu và đề xuất các chính sách hỗ trợ phát triển phát triển chuỗi cung ứng bền vững cho ngành công nghiệp của Việt Nam (tập trung vào 02 ngành công nghiệp sữa và nhựa): xây dựng bộ tiêu chí và phương pháp giá và khung chính sách để phát triển chuỗi bền vững
- Xây dựng sổ tay quản lý môi trường tại các cơ sở phân phối hàng hóa để biết tổng quan về các vấn đề môi trường trong hoạt động của hệ thống phân phối và các tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; quản lý và bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng cho hệ thống phân phối; quản lý và bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng công trình cho hệ thống phân phối; quản lý và bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành hệ thống phân phối

Phát triển và phổ biến chuỗi cung ứng bền vững có thể nhân rộng:

Hiện nay, mở rộng mô hình phân phối các sản phẩm bền vững chủ yếu tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp. Chuỗi cung ứng nông sản, lâm nghiệp và thủy sản an toàn được chứng nhận theo Quyết định số 3075 / QĐ-BNN-QLCL ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Để thực hiện chiến lược quốc gia về NAP về SCP, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo và kêu gọi các địa phương nhân rộng mô hình chuỗi cung ứng nông, lâm, ngư nghiệp an toàn trên toàn quốc, đảm bảo tăng số lượng chuỗi, số lượng sản phẩm an toàn được kiểm soát bởi chuỗi, số lượng địa điểm bán lẻ sản phẩm. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cho đến nay, đã có 63/63 tỉnh, thành phố đã phát triển mô hình chuỗi cung ứng với 1249 chuỗi, 1450 sản phẩm và 3.181 địa điểm bán hàng với các sản phẩm được kiểm soát. Các sản phẩm trên thị trường được đóng dấu thông tin về tiêu chuẩn áp dụng (VietGAP, HACCC, yêu cầu an toàn thực phẩm) và thông tin gốc.
Tuy nhiên, việc nhân rộng chuỗi cung ứng bền vững cho các sản phẩm an toàn vẫn gặp phải những khó khăn như:

- Các tiêu chí cho sản phẩm an toàn chưa được ban hành dẫn đến thiếu đồng bộ hóa tại các địa phương
- Chi phí sản xuất đã được tăng lên khi các sản phẩm an toàn phải chứng nhận
- Do giá sản phẩm cao nên việc tiêu thụ các sản phẩm này gặp khó khăn. Người tiêu dùng không dễ nhận ra đâu là sản phẩm an toàn và nó khiến người tiêu dùng không chắc chắn mua sản phẩm an toàn.
- Chi phí chứng nhận chuỗi đắt đỏ

(b) Khuyến nghị để đạt được các mục tiêu và đề xuất các hoạt động tiếp theo

Với rất nhiều nghiên cứu đã được thực hiện để đánh giá, xây dựng tiêu chí, chứng nhận hệ thống phân phối bán lẻ xanh, chuỗi cung ứng bền vững cho ngành công nghiệp nước giải khát của Việt Nam, chuỗi cung ứng bền vững cho ngành công nghiệp Việt Nam, mở rộng chuỗi cung ứng về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước, mục tiêu có thể đạt được. Với nền tảng như vậy, có thể thúc đẩy và mở rộng hơn nữa các mô hình sản xuất và phân phối thân thiện với môi trường trong tương lai. Cũng cần phải thúc đẩy hơn nữa các hoạt động sau đây để đảm bảo việc thực hiện và nhân rộng chuỗi cung ứng bền vững:

- Thúc đẩy nghiên cứu và đề xuất Hướng dẫn ban hành bao gồm tiêu chí và quy trình xác nhận cho hệ thống phân phối bán lẻ xanh, chuỗi cung ứng bền vững cho ngành công nghiệp đồ uống và chuỗi cung ứng bền vững cho ngành (tập trung vào 2 ngành công nghiệp sữa và nhựa).
- Tăng cường hỗ trợ mở rộng chuỗi cung ứng nông lâm nghiệp và thực phẩm an toàn: kiểm soát, nghiên cứu và ban hành các tiêu chí cho các sản phẩm nông lâm nghiệp an toàn để tạo ra sự quản lý toàn diện Ở cấp địa phương, nghiên cứu và xây dựng các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp thực hiện chuỗi cung ứng an toàn , tăng bản sắc của sản phẩm an toàn, tạo độ tin cậy cho người tiêu dùng và tăng cường giao tiếp với nhà sản xuất và người tiêu dùng về lợi ích của sản phẩm an toàn, giải pháp nghiên cứu để tăng kết nối giữa các chủ thể trong chuỗi cung ứng.

DỰ THẢO

(3) Thúc đẩy liên kết bền vững giữa các nhà cung cấp nguyên liệu - nhà sản xuất - nhà phân phối - người tiêu dùng trong sản xuất, phân phối và sử dụng các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường;

Hiện nay, các liên kết bền vững đã được thiết lập giữa các nhà cung cấp nguyên liệu - nhà sản xuất - nhà phân phối - người tiêu dùng trong sản xuất, phân phối và sử dụng các sản phẩm nông nghiệp an toàn của nhiều doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp đã đầu tư vào nông nghiệp hợp tác, người nông dân có thể tổ chức chuỗi cung ứng thực phẩm và nông sản an toàn trên quy mô lớn: Vingroup, Dabaca, Công ty Hùng Nhơn ... Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cũng đã tổ chức hệ thống siêu thị liên kết với hơn 100 hợp tác xã nông nghiệp để hình thành chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn. Kết quả ban đầu cho thấy: nó đã tạo ra sự gắn kết trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của các chủ thể trong chuỗi; một số cơ sở trồng trọt / chăn nuôi / nuôi trồng thủy sản được chứng nhận VietGap; Các cơ sở giết mổ / chế biến được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu an toàn thực phẩm theo Thông tư số 14/2011 / TT-BNNPTNT và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP; (iv) Phổ biến và nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu thụ bền vững cho những người tham gia hệ thống phân phối và chuỗi cung ứng sản phẩm.

1.2.4 Quá trình "Cải thiện tiếp cận thị trường và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm chính của Việt Nam theo hướng bền vững"

Mục tiêu: Nâng cao tỷ trọng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường trong các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam; Các doanh nghiệp xuất khẩu được cung cấp thông tin, hướng dẫn và hỗ trợ trong việc áp dụng các tiêu chuẩn nhập khẩu trong quản lý, môi trường và bền vững;

(1) Đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam để cung cấp các sản phẩm thân thiện với môi trường; nghiên cứu về cơ hội xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu cho các sản phẩm chủ chốt của Việt Nam được dán nhãn xanh Việt Nam, tiết kiệm năng lượng và các

(a) sản sinh thái khác

Bộ Công Thương đang chủ trì thực hiện Chương trình Xúc tiến Thương mại Quốc gia. Mục tiêu chính của Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia là tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển xuất khẩu, thị trường nội địa, thương mại ở khu vực miền núi, biên giới và hải đảo. Trong khuôn khổ chương trình này, Việt Nam đã đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm thân thiện với môi trường như nhựa phân hủy sinh học, các sản phẩm từ vật liệu tái tạo (tre, gỗ, giấy) và các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản [(1)] . Tuy nhiên, tính sẵn có của các sản phẩm thân thiện với môi trường tại Việt Nam vẫn còn hạn chế, ước tính chỉ có 5% sản phẩm Việt Nam đủ điều kiện dán nhãn sinh thái [(2)] . Trong chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu có nhãn sinh thái theo tiêu chuẩn ISO 14024 cho 100% sản phẩm xuất khẩu và 50% hàng tiêu dùng trong nước trước2030. Một số hoạt động liên quan cũng được triển khai rộng rãi ở các địa phương, ví dụ: xây dựng trang web để cung cấp thông tin cho hội nhập toàn cầu và tạo nền tảng thương mại điện tử để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giới thiệu và quảng bá sản phẩm.

Để thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm thân thiện với môi trường, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 128/2016 / TT-BTC ngày 9 tháng 8 năm 2016, quy định miễn và giảm thuế xuất khẩu; Sản phẩm thân thiện môi trường; các sản phẩm có nguồn gốc từ

hoạt động tái chế và xử lý chất thải được quy định tại Nghị định số 19/2015 / ND-CP. Thông tư quy định miễn thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường được mô tả trong Biểu thuế xuất khẩu và có giấy chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và giảm 50% thuế xuất khẩu cho các sản phẩm có nguồn gốc từ hoạt động tái chế và xử lý chất thải có tên trong Bảng thuế xuất khẩu được chứng nhận bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Về vấn đề này, năm 2017, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương đã được giao nhiệm vụ nghiên cứu và xây dựng và xây dựng các chính sách thương mại quốc tế để hỗ trợ phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường. phù hợp với lộ trình của Việt Nam để hội nhập toàn cầu [(10)] . Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát nhằm tìm ra nhu cầu hỗ trợ cho các chính sách thương mại quốc tế đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam (148 doanh nghiệp), cũng như đề xuất nội dung chính sách xuất nhập khẩu nhằm thúc đẩy phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường tại Việt Nam.

(b) Đánh giá

*Chưa có nghiên cứu toàn diện về tiềm năng thị trườn*g và khả năng cung cấp các sản phẩm thân thiện với môi trường của các nhà xuất khẩu Việt Nam.

(2) Nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm xuất khẩu chính, nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn trong phát triển bền vững và môi trường của các sản phẩm chủ chốt của Việt Nam

(a) Hoạt động chi tiết

Chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam (SMEs). Qua đó, thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu và phát triển các ngành xuất khẩu chính của Việt Nam thông qua Hệ thống xúc tiến thương mại trong cả nước. Ngoài ra, Chương trình này cũng nhằm mục đích có các kết quả khác như tăng cường và nâng cao năng lực của các trung tâm xúc tiến thương mại địa phương và các tổ chức xúc tiến thương mại khác để hỗ trợ hiệu quả cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; Thành lập Hội đồng xuất khẩu quốc gia Việt Nam; Tăng cường năng lực của Cục Xúc tiến thương mại Việt Nam, đầu mối của Chính phủ Việt Nam về hoạt động xúc tiến thương mại ở quy mô quốc gia [(11).]

Quyết định số 1137 / QĐ-TOT ngày 08/03/2017 đã phê duyệt Dự án "Nâng cao năng lực xuất khẩu của Việt Nam vào năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030" với mục tiêu đến năm 2020, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của các sản phẩm xuất khẩu theo yêu cầu, giá trị gia tăng của các sản phẩm xuất khẩu nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tăng trung bình 20% mỗi năm so với hiện tại và tăng dần tỷ trọng xuất khẩu nông sản và thủy sản cho các nền kinh tế phát triển và phấn đấu đạt mức tăng trưởng xuất khẩu 8% hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 . Quyết định cũng cung cấp một danh sách các sản phẩm để cải thiện khả năng cạnh tranh. Các sản phẩm được ưu tiên cải thiện năng lực cạnh tranh bao gồm các sản phẩm nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, trong đó các sản phẩm xuất khẩu theo yêu cầu là: gạo, cà phê, cao su, thủy sản, hồ tiêu... Ngành công nghiệp chế biến hiện có sản phẩm xuất khẩu theo yêu cầu: Dệt may; Giày dép; gỗ; điện thoại và phụ kiện; máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; Hàng hóa sẽ có nhu cầu xuất khẩu là: Vật liệu dệt, giày dép; nhựa và sản phẩm nhựa; phân

bón; hóa chất.

Giải pháp chính để đạt được mục tiêu của dự án là cơ cấu lại các phương thức sản xuất và xuất khẩu, trong đó, đối với các sản phẩm nông nghiệp, chuyển từ sản xuất nhỏ rải rác sang sản xuất tập trung quy mô lớn, quản lý chất lượng nghĩ rằng từ nông nghiệp sang vận chuyển, chế biến, lưu trữ và tiêu thụ; Đối với các sản phẩm công nghiệp, việc chuyển đổi từ chế biến chỉ sang sản xuất với chuỗi giá trị gia tăng cao trong chuỗi hàng hóa là bắt buộc.

Về chuyển đổi xuất khẩu, thay đổi từ xuất khẩu qua trung gian sang xuất khẩu trực tiếp; chuyển từ xuất khẩu theo điều khoản FOB sang xuất khẩu theo điều khoản CIF.

Để thực hiện thành công các mục tiêu đã đặt ra, Dự án đề xuất bộ giải pháp chính, ví dụ: Cơ cấu lại sản xuất thông qua thay đổi phương thức sản xuất và xuất khẩu; Tái cơ cấu các sản phẩm xuất khẩu theo hướng tăng tỷ lệ các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; Nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu; Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghiệp có sản phẩm xuất khẩu theo yêu cầu; Tăng cường vai trò của các doanh nghiệp FDI trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam; Củng cố và mở rộng thị trường hàng hóa xuất khẩu; Tăng cường phát triển thương hiệu nội địa, thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp xuất khẩu; Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí cho doanh nghiệp; Nâng cao năng lực của các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ; Nâng cao năng lực của hiệp hội ngành nghề, hiệp hội hàng hóa.

(b) Đánh giá

Do thời gian thực hiện dự án này không dài, hiện tại không có dữ liệu cụ thể để đánh giá các tiêu chí được nêu trong Quyết định. Hiện tại, Tổng cục Thống kê Xuất khẩu chỉ cung cấp dữ liệu cho năm 2017. Nó cho thấy giá trị xuất khẩu năm 2017 tăng khoảng 4% so với năm 2016.

(3) **Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong việc phát triển và xin chứng nhận các tiêu chuẩn quốc tế và các tiêu chuẩn được các nhà nhập khẩu yêu cầu trong môi trường và phát triển bền vững, xây dựng các mô hình doanh nghiệp phát triển bền vững**

(a) Hoạt động chi tiết

- Xây dựng và phổ biến Cẩm nang về thực hiện các cam kết môi trường của Việt Nam theo quy định của WTO, TPP, FTAs; Phổ biến kiến thức Incoterms mới nhất cho các doanh nghiệp để tránh rủi ro cho các doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu.
- Liên quan đến nông nghiệp, chính quyền địa phương cung cấp các chính sách hỗ trợ nông dân trong quá trình canh tác theo các chương trình nông nghiệp tiên tiến như VietGap, Hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI) và xây dựng các mô hình sản xuất bền vững cho một số sản phẩm nông nghiệp và xuất khẩu. Đến nay, 29 tỉnh đã áp dụng SRI với tổng diện tích canh tác trên 395.000 ha. Ngoài ra, nông nghiệp hữu cơ đang tăng lên vì Việt Nam có tiềm năng phát triển nông nghiệp hữu cơ với tổng diện tích có sẵn cho canh tác hữu cơ năm 2014 ước tính khoảng 63 000 ha [(18)]. Xuất khẩu nông sản hữu cơ đã tăng lên về số lượng và số lượng sản phẩm.

- Chính quyền địa phương tích cực phát triển các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm an toàn.
- Hội đồng kinh doanh Việt Nam vì sự phát triển bền vững (VBCSD) đã được thành lập tại Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Hội đồng này đã đưa ra Chỉ số bền vững doanh nghiệp (CSI), bắt đầu triển khai từ các công ty lớn và thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hàng năm vào ngày kinh doanh của Việt Nam (ngày 13 tháng 10), Hội đồng này hợp tác với các bộ khác như Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để công bố danh sách các doanh nghiệp bền vững thuộc CSI. Ngoài ra, VBCSD cũng đã thành lập Trung tâm Kinh tế Thông tư (CE) để bước đầu giới thiệu khái niệm CE cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.

(b) Đánh giá

- Không có dữ liệu cơ bản cho các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường trong các sản phẩm xuất khẩu chính. Dựa trên dữ liệu của MONRE, không có nhãn màu xanh lá cây cho các sản phẩm xuất khẩu chính trong 112 sản phẩm được chứng nhận nhãn xanh Việt Nam. Các tiêu chí cho các sản phẩm xuất khẩu thân thiện với môi trường của Việt Nam chủ yếu là tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật do các nhà nhập khẩu đặt ra.
- Chưa có nghiên cứu toàn diện về tiềm năng thị trường và khả năng cung cấp các sản phẩm thân thiện với môi trường từ các nhà xuất khẩu Việt Nam.

1.2.5. Quá trình thực hiện Nhiệm vụ số 5 "Thay đổi hành vi tiêu dùng theo hướng bền vững và thúc đẩy lối sống bền vững"

Mục tiêu: Người tiêu dùng và cộng đồng được cung cấp đầy đủ thông tin về các sản phẩm thân thiện với môi trường, các hoạt động sản xuất và tiêu dùng bền vững;

Truyền thông là hoạt động quan trọng trong Chương trình hành động quốc gia của SCP nhằm xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững trong cộng đồng, doanh nghiệp và tổ chức xã hội. Từ năm 2016 đến nay, các bộ, ngành và chính quyền địa phương đã tích cực triển khai các hoạt động truyền thông như sau:

(a) Hoạt động ở cấp trung ương

- Cùng với các chiến dịch truyền thông được triển khai trong các chương trình Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, có khoảng 125 phóng sự truyền hình, 404 tin tức được đăng trên báo, tin tức trực tuyến và 4 - 6 bản tin với chủ đề "CÔNG NGHỆ XANH" được phát hành hàng năm.
- Các cơ quan sản xuất sạch hơn và sản xuất tiêu dùng bền vững cũng đã phát các biểu ngữ và tờ rơi thông qua đó các Sở Công thương địa phương có thể sử dụng chúng để thực hiện các hoạt động truyền thông tại địa phương của họ. Ngoài ra, hàng năm, Văn phòng tổ chức một loạt các hội thảo hướng dẫn các quan chức và chuyên gia giới thiệu sản xuất sạch hơn, tiêu thụ bền vững và bảo vệ môi trường.
- Bộ Công Thương tích cực triển khai Chương trình "người Việt dùng hàng Việt". Trong 10 năm qua, chiến dịch do ngành Công thương thực hiện đã mang lại kết quả tích cực, góp phần phát triển kinh tế xã hội: Tỷ lệ hàng hóa Việt Nam trong siêu thị trong nước được duy trì. ở mức cao 90% -95%; Tỷ lệ hàng hóa Việt Nam tại các siêu thị nước ngoài chiếm 60% -90%; Đối với các kênh bán lẻ truyền thống,

DỰ THẢO

tỷ lệ hàng hóa Việt Nam tại các chợ và cửa hàng tiện lợi chiếm ít nhất 60%.

- Việt Nam đã ban hành và thực hiện một số quy định về tiêu chí và quy trình chứng nhận nhãn xanh. Nhãn màu xanh lá cây và mua sắm màu xanh lá cây được kết nối với nhau. Nhãn màu xanh lá cây hoặc nhãn sinh thái là một trong những biện pháp để điều chỉnh mục tiêu của doanh nghiệp đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường và hành vi của người tiêu dùng.

(b) Mua sắm công xanh

Mục tiêu: tăng tỷ lệ các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường trong các mô hình chi tiêu của Chính phủ; cải thiện khung pháp lý và hướng dẫn trong việc thực hiện mua sắm công xanh (GPP);

Việc triển khai mua sắm công cộng xanh có thể mang lại nhiều lợi ích trong đó nổi bật nhất là tạo động lực cho sự đổi mới và phát triển các sản phẩm mới thân thiện với môi trường. Mua sắm công xanh góp phần chuyển sang chuỗi tiêu thụ và sản xuất bền vững hơn; đồng thời, tiết kiệm chi phí mua sắm và hỗ trợ thực hiện các thỏa thuận phát triển bền vững và môi trường quốc tế. Mua sắm công chiếm trung bình 20% ngân sách hàng năm của Việt Nam (tương đương với gần 21-22 tỷ USD / năm), nhưng mua sắm công xanh được cho là đang ở giai đoạn ban đầu, tức là trong giai đoạn của "Kêu gọi áp dụng" Đó là kết quả của những lỗ hổng chính sách cho GPP. Cụ thể, trong Luật Đấu thầu 2013 không có tiêu chí hoặc quy định nào về mua sắm xanh ngoại trừ các yêu cầu kỹ thuật đối với gói xây dựng hoặc mua hàng hóa phải tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường. Mua sắm công là người tiêu dùng lớn nhất trên thị trường các sản phẩm xanh, nhưng hiện tại việc mua sắm và sử dụng các sản phẩm xanh chưa được ưu tiên. Mặc dù được quy định rằng các cơ quan nhà nước khi mua hàng hóa công cộng phải ưu tiên cho các sản phẩm thân thiện với môi trường, nhưng việc thực thi cho đến nay vẫn chưa có hiệu lực. Do đó, cần đưa ra các chính sách và cơ chế phù hợp để các cơ quan nhà nước đi đầu trong mua sắm xanh để thu hút khu vực tư nhân tham gia. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu về mua sắm xanh của Việt Nam do Cục Môi trường Quốc gia Việt Nam và KEITI (2017) thực hiện cho thấy (12), nỗ lực của các cơ quan liên quan để thực hiện mua sắm công bền vững. ở Việt Nam cũng được ghi nhận. Dự án cũng nhằm mục đích có một báo cáo dự thảo trong đó khuyến nghị sửa đổi khung pháp lý cho mua sắm công cộng xanh; Dự thảo hướng dẫn mua sắm công xanh tại Việt Nam; Dự thảo lộ trình mua sắm công xanh.

(c) Nhãn xanh

Chương trình Nhãn xanh Việt Nam đã được triển khai trên toàn quốc từ tháng 3 năm 2009, nhằm cải thiện và duy trì chất lượng môi trường sống thông qua việc giảm năng lượng, tiêu thụ nguyên liệu và chất thải do quá trình sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và dịch vụ tạo ra. Nhãn xanh Việt Nam là chứng nhận để xác nhận rằng các sản phẩm đáp ứng yêu cầu do MONRE đặt ra. Nhãn màu xanh lá cây của Việt Nam gắn liền với các sản phẩm là những sản phẩm tốt hơn cùng loại liên quan đến tiết kiệm năng lượng và ít gây tác động tiêu cực đến môi trường. Với mục đích tăng cường sự phù hợp trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường mặc dù các biện pháp tốt nhất trong sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thân thiện với môi trường, cơ chế chứng nhận sản phẩm xanh được coi là một động lực để khuyến khích các doanh nghiệp giảm khí thải tại nguồn và cơ chế này cũng sẽ giúp nâng cao nhận thức của người tiêu dùng khi chọn mua sản phẩm. Theo đó, việc tích hợp phát triển và quảng bá Chương trình Nhãn xanh có vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức

của các doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu việc sử dụng và thải các hóa chất bị cấm, bao gồm cả POP, POP không chủ ý (U-POP) và thủy ngân (Hg).

Để thúc đẩy phát triển nhãn xanh, vào ngày 23 tháng 12 năm 2013, MONRE đã ban hành Quyết định số 2604/QD-BTNMT về việc thành lập Hội đồng tư vấn cho chương trình Nhãn xanh Việt Nam. Cho đến nay, 17 bộ Tiêu chí Nhãn xanh đã được MONRE xây dựng và xuất bản và 112 loại sản phẩm đã được chứng nhận với Nhãn xanh Việt Nam [(1)]. Do đó, có thể thấy rằng kết quả nghiên cứu về mua sắm xanh tại Việt Nam do Cục Môi trường Việt Nam thực hiện và KEITI (Hàn Quốc) đã đặt mục tiêu đạt 300 sản phẩm được chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam trong giai đoạn 2020-2030 là tương đối khả thi;

Tuy nhiên, cho đến nay, không có nhãn xanh nào được chứng nhận và không có tiêu chí nhãn xanh nào có sẵn cho chuỗi phân phối và cung ứng. Về vấn đề này, Bộ KH & ĐT, phối hợp với UNDP, đã tiến hành nghiên cứu chuyên sâu về chuỗi cung ứng xanh tại Việt Nam, đưa ra thực trạng chuỗi cung ứng xanh tại Việt Nam, đánh giá các yếu tố tác động tích cực cũng như các rào cản giúp cải thiện chuỗi cung ứng xanh cho ba chuỗi phân phối được lựa chọn: cafe, dệt may và xi măng [(13).]

(d) Nhãn năng lượng

Chính phủ ban hành Quyết định số 51/201 1 / QĐ-TOT ngày 12/12/2011 quy định danh sách các thiết bị và phương tiện được dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu quả năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện và sau đó là một số thiết bị và phương tiện đã được thêm vào trong Quyết định04/201 /QD-TTg dated 09 /03/2017. Cho đến nay, đã có 4 nhóm thiết bị được dán nhãn năng lượng bắt buộc, bao gồm thiết bị gia dụng, văn phòng và thiết bị thương mại, thiết bị công nghiệp và phương tiện vận chuyển. Chương trình ghi nhãn năng lượng của Bộ Công Thương đã được thực hiện thành công trong những năm gần đây, giúp chuyển đổi dần thị trường thiết bị và thiết bị tiêu thụ năng lượng từ hiệu quả năng lượng thấp đến cao. Vào cuối năm 2015, Bộ Công Thương đã chứng nhận nhãn năng lượng cho hơn 8.000 loại sản phẩm, ảnh hưởng đến hàng chục triệu thiết bị tiêu thụ năng lượng và tiết kiệm năng lượng. Cụ thể, trong giai đoạn 2011-2015, tỷ lệ tiết kiệm là 5,65%, tương đương với tổng mức tiết kiệm năng lượng là 11,2 triệu TOE, tăng 2,25% so với giai đoạn 2006-2010.

Ở cấp địa phương, các tỉnh và thành phố đã thực hiện và các cách tiếp cận khác nhau để tuyên truyền và thúc đẩy các doanh nghiệp và người dân thay đổi hành vi tiêu dùng, hướng tới lối sống bền vững, đồng thời, giúp người tiêu dùng tiếp cận với các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường. Ngoài ra, ưu tiên được cung cấp để cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về sản phẩm và dịch vụ cho người tiêu dùng. Một số hoạt động tiêu biểu ở các tỉnh và thành phố như sau:

- Chiến dịch tiêu dùng xanh: Đã hoạt động được 10 năm (2009-2019) với nhiều hoạt động nhằm thúc đẩy, tuyên truyền và thu hút người tiêu dùng, nhà sản xuất và chuỗi phân phối theo hướng tiêu dùng và sản xuất bền vững, ví dụ: "Nói không với rác thải nhựa, sử dụng các sản phẩm thay thế có thể tái sử dụng và thân thiện với môi trường". Chiến dịch đã nhận được phản ứng mạnh mẽ từ cộng đồng và qua đây, thúc đẩy vận động để giúp mọi người nhận ra các sản phẩm thân thiện với môi trường cũng như các nhà sản xuất và doanh nghiệp kinh doanh cho các sản phẩm xanh; hỗ trợ cộng đồng tận hưởng quyền lợi của người tiêu dùng - ưu tiên sử dụng các sản phẩm của doanh nghiệp xanh, điều này tốt cho môi trường và sức

khỏe của cộng đồng.

- Tòa nhà xanh: Những tòa nhà xanh được coi là một giải pháp tốt để giảm tiêu thụ năng lượng và nước, giảm giảm hàm lượng năng lượng và mang lại lợi ích cho người dân và chi phí đầu tư không tăng nhiều (khoảng 5%) và cũng giảm chi phí hoạt động. Tuy nhiên, theo Hội đồng xanh Việt Nam, có ít hơn 100 công trình xanh được chứng nhận tại Việt Nam [(16)] chủ yếu là do nhận thức của người tiêu dùng thấp.
- Chỉ sử dụng bao bì nhựa phân hủy sinh học trong các siêu thị và trung tâm thương mại như Vinmart, Lotte, BigC, Aeon Mall, L'Space, v.v.
- Thiết kế bao bì, bao bì cho các sản phẩm nông nghiệp cũng như tạo thị trường cho một số sản phẩm tiêu dùng được sản xuất từ vật liệu tái tạo; In tem về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, giảm sử dụng bao bì không phân hủy sinh học tại các siêu thị và trung tâm thương mại: hoạt động này đang được nhân rộng trong các siêu thị và trung tâm thương mại của các thành phố lớn, ví dụ: Thành phố Hồ Chí Minh đặt mục tiêu đến năm 2020, tất cả các siêu thị và trung tâm thương mại phải nói không với rác thải nhựa;
- Các tỉnh tăng cường các chế độ phát triển cho chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm, thông tin minh bạch với tem xuất xứ sản phẩm bằng cách sử dụng mã QR đã trở nên phổ biến.
- Tích hợp các nội dung đào tạo về SCP trong các khóa đào tạo nghề tại các trường cao đẳng và dạy nghề cũng như các môn học tại các trường trung học.

(e) Đánh giá

- Sản phẩm xanh, sản phẩm thân thiện với môi trường, lối sống bền vững là mối quan tâm của người dân Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam không có đủ nhà sản xuất để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường như các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm nhựa phân hủy sinh học và các tòa nhà xanh.
- Nhận thức và nguồn lực để phát triển chuỗi cung ứng xanh còn hạn chế. Điều này đã được giải quyết trong các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, như được mô tả ở trên, là kết quả của việc đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt được đặt ra bởi các nhà nhập khẩu.
- Điều cần thiết là phải sửa đổi khung pháp lý về mua sắm công xanh và phát triển một hướng dẫn dựa trên kết quả đạt được của dự án giữa MONRE và KEITI trên GPP.

1.2.6. Quá trình thực hiện Nhiệm vụ số 6: "Thực hiện giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải"

(1) Tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về tái chế và tái sử dụng chất thải cho cộng đồng và doanh nghiệp. Hướng dẫn và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật để tiến hành giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng chất thải rắn do các hộ gia đình, các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ tạo ra.

(a) Hoạt động chi tiết

Số lượng các hoạt động trong truyền thông, nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ thuật về

giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế đã được cung cấp cho cộng đồng và doanh nghiệp, ví dụ: thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, giáo dục cộng đồng, tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp và tích hợp kiến thức về giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế vào các chương trình giáo dục phổ thông. Một số hoạt động chi tiết là:

- Chương trình sản xuất sạch hơn và tiết kiệm năng lượng: Bộ Công Thương đã xây dựng, ban hành và phổ biến 20 hướng dẫn kỹ thuật về CP cho các ngành công nghiệp khác nhau; tổ chức 212 hội thảo và các khóa đào tạo; 45 đào tạo chuyên sâu và xây dựng 3 cơ sở dữ liệu để sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; Hỗ trợ kiểm toán nhanh để xác định cơ hội áp dụng CP và EE cho 419 doanh nghiệp; kiểm toán chi tiết cho 102 doanh nghiệp; Xây dựng hai mô hình trình diễn để áp dụng sản xuất sạch hơn. Chương trình cho đến nay đã xây dựng 134 phóng sự và phát hành 135 000 tờ rơi về sản xuất sạch hơn và tiết kiệm năng lượng.
- Hỏi & Đáp về bảo vệ môi trường trong ngành Công thương.
- Tiến hành EIA và đề xuất các giải pháp kiểm soát ô nhiễm tại các làng nghề ở Việt Nam.
- Xây dựng Sổ tay quản lý môi trường trong luyện kim, da giày, và kinh doanh phân phối hàng hóa.
- Hàng năm, làm 04 bản tin về bảo vệ môi trường; 04 bản tin về sản xuất sạch hơn.
- Một số bộ như Bộ Công Thương thường xuyên tổ chức các cuộc thi "Bảo vệ Môi trường trong Ngành Công nghiệp và Thương mại" để thúc đẩy việc áp dụng 3Rs.

(b) Đánh giá

- Hỗ trợ kỹ thuật chủ yếu được trao cho các nhà sản xuất, không phải cho các dịch vụ và kinh doanh thương mại (chuỗi cung ứng).
- Cần thúc đẩy nâng cao nhận thức 3R ở khu vực nông thôn, nơi có nhiều vấn đề môi trường (chất thải từ làng nghề, bao bì từ thuốc trừ sâu và phân bón) và cũng có tiềm năng phát triển 3R hiệu quả (sinh khối được tạo ra từ cây trồng và chăn nuôi)

(2) Phát triển và nhân rộng thí điểm 3R trong cộng đồng và doanh nghiệp

(a) Hoạt động chi tiết

Sự phát triển của 3R đã được tăng lên trong các doanh nghiệp sản xuất và cộng đồng, như sau:

- Khu công nghiệp sinh thái (EIP) và cộng sinh công nghiệp: đã được triển khai thành công tại một số khu công nghiệp như khu công nghiệp ở Ninh Bình, Đà Nẵng và Cần Thơ với sự tham gia của 72 doanh nghiệp. Đặc biệt, Hòa Khánh IP (Đà Nẵng) là một thí điểm thành công trong việc chuyển đổi một IP hiện có sang EIP và thực hiện các giải pháp cộng sinh công nghiệp. Thành công này đã góp phần mở rộng tới 326 IP hiện có (tính đến 2017) tại Việt Nam. Hiện tại, mô hình này đã được áp dụng tại Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Khu công nghiệp Sonadezi Long Thành (Đồng Nai). Thêm vào đó, Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) đã hợp tác với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu và xây dựng Báo cáo Hướng dẫn Kỹ thuật về các khu công nghiệp sinh thái nhằm cung cấp các tiêu chí và các bước cần thiết để chuyển đổi các khu công nghiệp hiện tại của Việt Nam sang EIP. Báo cáo kỹ thuật này cũng đưa ra các cơ hội và giải pháp sinh thái cho các khu công nghiệp ở Việt Nam. Các cơ hội cộng sinh trong trao đổi chất thải, lưu

DỰ THẢO

thông và tái chế là một giải pháp hiệu quả để bảo vệ môi trường nhưng cũng tạo ra các cơ hội kinh doanh mới. Bắt đầu từ tháng 6 năm 2018, IFC, cùng với VNCPC, bắt đầu phát triển *Hướng dẫn quốc gia về xây dựng các khu công nghiệp sinh thái.*

- Đổi mới sinh thái: là một giải pháp hiệu quả để góp phần giảm thiểu chất thải, tái sử dụng và tái chế, đặc biệt là cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thông qua một số dự án như dự án ASEM về đổi mới sinh thái cho các doanh nghiệp nhỏ, dự án của Trung tâm hỗ trợ đổi mới sinh thái cho các doanh nghiệp nhỏ, đổi mới sinh thái đã trở nên phổ biến. MOIT đã nghiên cứu để đánh giá tiềm năng thực hiện đổi mới sinh thái trong ngành bao gồm: xem xét các chính sách và quy định hiện hành liên quan đến đổi mới sinh thái, tiềm năng ứng dụng đổi mới sinh thái trong công nghiệp; nó tập trung vào đánh giá và tiến hành phân tích chuyên sâu cho 15 ngành công nghiệp; Lộ trình thực hiện đổi mới sinh thái cho 30 sản phẩm công nghiệp. Ngoài việc đánh giá tiềm năng ứng dụng đổi mới sinh thái trong các ngành công nghiệp, 06 ngành đã được khảo sát, đánh giá và xây dựng thành mô hình ứng dụng đổi mới sinh thái: công nghiệp nước giải khát, bột giấy và giấy, chế biến thủy sản, sản xuất giày dép, công nghiệp sứ và gốm sứ. Ngoài ra, các tiêu chí để lựa chọn các doanh nghiệp thí điểm đã được xây dựng, hướng dẫn áp dụng đổi mới sinh thái và các khóa đào tạo về ứng dụng đổi mới sinh thái trong công nghiệp.
- Chương trình "Vì một đại dương không có nhựa" đã được triển khai thành công tại Đà Nẵng từ 4/2018 đến 4/2019 và có triển vọng nhân rộng ra các tỉnh miền Trung. Chương trình đã thực hiện hơn 160 chương trình đào tạo và truyền thông cho những người chủ chốt tại huyện, phường, hộ gia đình, thanh niên, học sinh và ngư dân ở huyện Sơn Trà và Thanh Khê (Thành phố Đà Nẵng).
- Chiến dịch Earth Day Compostable (EDC) để giảm việc sử dụng túi nhựa và thay thế túi nhựa bằng túi phân hủy sinh học làm từ tinh bột ngô diễn ra trên phạm vi toàn quốc. Tham gia vào chiến dịch này là hàng chục nhà bán lẻ, doanh nghiệp, cộng đồng đô thị và các tổ chức, ví dụ: chuỗi siêu thị Lotte, Big C, AEON Mall, Intimex, L's Place, Unik Mart, Seika, Teekiu, V + Hoa. Bình và Nam An; Chuỗi nhà hàng Saint Honore, cộng đồng nông nghiệp xanh bền vững Fargreen; NGO sạch và xanh, MCD; Khu đô thị Ecopark và Ciputra.
- Các hầm khí sinh học: Đây là một trong những giải pháp quản lý bền vững chất thải của động vật và hộ gia đình ở khu vực nông thôn. Nó có rất nhiều lợi ích như tạo ra năng lượng cho chiếu sáng, sưởi ấm và máy phát điện; dư lượng sau khi lên men được sử dụng như để bón cho việc sử dụng phân bón hóa học. Ngoài ra, trong quá trình lên men trong điều kiện yếm khí, vi khuẩn gây bệnh ở người đã bị loại bỏ [(14)] . Chiến lược quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh nhằm mục đích đến năm 2020, khoảng 45% trang trại sử dụng hầm khí sinh học để quản lý chất thải. Đặc biệt, chương trình khí sinh học cho ngành chăn nuôi tại Việt Nam, do Chính phủ Hà Lan tài trợ, đã xây dựng 15.678 hầm khí sinh học cho đến năm 2011 [(15)] .

(b) Đánh giá

Mô hình khu công nghiệp sinh thái, đổi mới sinh thái và chương trình xử lý chất thải nhựa là những mô hình tốt cần được phát triển và nhân rộng hơn nữa. Đặc biệt, hầm khí sinh học ở nông thôn là biện pháp hiệu quả để tái chế chất thải sinh khối thành năng lượng sạch và cần được nhân rộng

(3) Quản lý chất thải rắn tích hợp theo cơ chế thị trường

(a) Hoạt động chi tiết

Trong thời gian qua, việc quản lý và xử lý chất thải rắn đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của tất cả các bên liên quan. Vào ngày 07 tháng 5 năm 2018, Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý chất thải rắn tích hợp vào năm 2025, với tầm nhìn đến năm 2050, trong đó quản lý chất thải rắn tích hợp bao gồm 3R là cách tiếp cận nguyên tắc trong quản lý chất thải rắn. Bên cạnh chiến lược cũng quy định xã hội hóa các hoạt động quản lý chất thải.

Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, lượng chất thải được thu gom bao gồm chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải y tế tại các thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó chỉ có 10% được tái sử dụng và tái chế, trong khi khoảng 50-70% chất thải có thể được tái chế và tạo ra các nguồn năng lượng mới [(7)] . Chất thải có thể được sử dụng như một nguồn tài nguyên bằng cách thúc đẩy tái sử dụng và tái chế, góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm các tác động môi trường tiêu cực. Hiện tại số lượng công ty xử lý rác thải tại Việt Nam quá ít, dẫn đến "tài nguyên bị lãng phí". Với hơn 90 triệu người, mỗi năm khối lượng chất thải tăng 10%, nghĩa là hàng trăm ngàn tấn chất thải bị lãng phí. Hiện nay, hầu hết chất thải (trừ chất thải nguy hại) được thu gom và xử lý bằng cách chôn lấp rất lãng phí và gây ra tác động xấu đến môi trường. Nếu lượng chất thải được tái chế và tái sử dụng, Việt Nam sẽ tiết kiệm được một lượng tài nguyên đáng kể và nó đã được chứng minh thông qua ngành phát triển EIP và cộng sinh. Một số ví dụ: nhà máy bột giấy và giấy tạo ra khối lượng lớn chất thải công nghiệp không nguy hại. Nếu nó được sử dụng để đồng phát trong nồi hơi để thu hồi năng lượng, lượng chất thải rắn công nghiệp được tạo ra có thể được cung cấp đủ hơn 50% nhu cầu nhiên liệu trong nồi hơi [(8);] Xỉ có thể được sử dụng để sản xuất vật liệu xây dựng, ép thành bê tông mật độ cao dùng để cải tạo đất trên biển, đê cho sông và biển hoặc kè để dự trữ nước ngọt trong mùa khô ở đồng bằng sông Cửu Long [(9)] .

Một số hoạt động cụ thể bao gồm:

- Hiện tại, có 57/63 tỉnh / thành phố đã phê duyệt kế hoạch quản lý chất thải rắn.
- Dự án Tăng cường quản lý chất thải tổng hợp chất thải rắn đô thị (2014-2018) được Cơ quan Hợp tác Nhật Bản (JICA) hỗ trợ phối hợp với Cục Cơ sở hạ tầng kỹ thuật từ - Bộ Xây dựng để thực hiện với thí điểm. trong 2 lĩnh vực: Hà Nội và Thừa Thiên Huế . Mục tiêu dài hạn chung của dự án là thiết lập một hệ thống quản lý chất thải rắn tích hợp trên toàn quốc theo Chiến lược quốc gia về Quản lý chất thải rắn tích hợp [(17)]. Hiện tại, JICA cũng đang xem xét hỗ trợ Đà Nẵng để thực hiện dự án 3R.

(b) Đánh giá

- Trên thực tế, các phương pháp quản lý tích hợp bao gồm các giải pháp giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải sẽ là giải pháp hiệu quả để quản lý chất thải rắn trong bối cảnh phát triển bền vững.
- Dựa trên những bài học rút ra từ Dự án 3R do JICA tài trợ tại Hà Nội (2007-2009), 3R cần có cách tiếp cận đúng để được áp dụng và nhân rộng thành công.

(4) Chi phí dựa trên trọng lượng đối với chất thải rắn được tạo ra

(a) Hoạt động chi tiết

Chính phủ ban hành Quyết định số 74/2007-ND-CP quy định giá tính theo chất thải rắn (40000 đồng / tấn) và chất thải nguy hại (không vượt quá 4 000000 đồng / tấn). Nhưng thực tế, đối với chất thải rắn sinh hoạt, chỉ áp dụng phí vệ sinh môi trường và phí này chỉ bao gồm 4% chi phí quản lý chất thải (tại Thành phố Hồ Chí Minh). Đối với chất thải nguy hại, do số lượng cơ sở có sẵn để xử lý chất thải nguy hại, chi phí xử lý tăng cao dẫn đến nhiều cơ sở trốn tránh trách nhiệm xử lý chất thải nguy hại phát sinh.

(b) Đánh giá

Các khoản phí dựa trên trọng lượng đối với chất thải rắn được tạo ra được khuyến nghị áp dụng cho chất thải công nghiệp trên cơ sở tổng chi phí cho quản lý chất thải tích hợp. Đối với việc tính phí chất thải sinh hoạt theo trọng lượng tạo ra có thể không khả thi, thay vào đó, nên tính phí cho mỗi người / hộ gia đình dựa trên tổng chi phí cho việc tái chế và xử lý chất thải. Cần giảm dần và cuối cùng loại bỏ trợ cấp cho xử lý chất thải rắn, theo nguyên tắc người gây ô nhiễm cần phải trả tiền.

1.3 Bài học rút ra từ các kết quả triển khai này cho NAP SCP được đề xuất (2020-2030)

(1) Lợi thế

- Chương trình hành động quốc gia về SCP được thành lập trong bối cảnh nhiều chương trình mục tiêu quốc gia và chiến lược quốc gia hướng tới phát triển bền vững như chương trình quốc gia về tiết kiệm năng lượng và hiệu quả năng lượng, Chiến lược ứng dụng sản xuất sạch hơn trong ngành công nghiệp, Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường, Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, chương trình quốc gia về tăng trưởng xanh, vv Các hoạt động trong chương trình hành động quốc gia về SCP được tích hợp hoặc thực hiện đồng thời trong các chương trình và chiến lược quốc gia khác. Do đó, các chương trình SCP có thể tăng cường kết quả tích cực và bài học kinh nghiệm từ các chương trình này, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.
- SCP là một chương trình thú vị và mới dẫn đến lợi thế trong truyền thông và giáo dục cộng đồng.

(2) Khó khăn và thử thách

- Hiện tại, Kế hoạch hành động quốc gia về sản xuất sạch hơn vừa bước vào năm thứ ba thực hiện. Các mục tiêu cụ thể của Chương trình chưa được liệt kê đầy đủ, gây khó khăn cho việc đánh giá hiệu quả của Chương trình. Có sự thiếu sót trong hệ thống giám sát và đánh giá, đặc biệt là về chính sách và quy định.
- Tài trợ cho Chương trình hành động quốc gia về SCP còn hạn chế, không có dòng ngân sách cụ thể cho Chương trình. Các bộ, ngành, địa phương phải huy động và tìm kiếm nguồn kinh phí để thực hiện Chương trình. Do đó, kết quả thực hiện của Chương trình còn hạn chế, trong giai đoạn nghiên cứu và chưa được thực hiện.
- Xu hướng SCP đang thay đổi, đặc biệt là các quy định của các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam đang ngày càng khắt khe hơn. Yêu cầu của người tiêu

DỰ THẢO

dùng đối với sản phẩm và dịch vụ không ngừng tăng lên, đòi hỏi các công ty và nhà cung cấp dịch vụ và kinh doanh sản xuất không chỉ nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn và môi trường, mà còn mở rộng trách nhiệm đối với các sản phẩm và dịch vụ theo phương pháp LCA.

- Thiếu nghiên cứu về các sản phẩm và dịch vụ dựa trên phương pháp LCA và CE để đưa ra các chính sách phù hợp để giải quyết các thiếu sót trong quá trình thực hiện các hoạt động SCP.
- Các mục tiêu đề xuất nên dựa trên nghiên cứu / khảo sát thực địa để khả thi

(3) Kiến nghị

- Cần đẩy mạnh thực hiện mua sắm xanh bằng cách đề xuất một thông tư riêng của Bộ Tài chính theo Luật Đấu thầu cần được ban hành.
- Cần thúc đẩy và hoàn thiện các chính sách tái chế và tái sử dụng chất thải bằng cách ban hành các chính sách hỗ trợ cho các hoạt động tái chế (chính sách kiểm soát chất lượng hoạt động tái chế, chính sách tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho ngành này, như chính sách đính kèm trách nhiệm của nhà sản xuất như thực thi tỷ lệ tái chế cho nhà sản xuất, chính sách đóng gói sản phẩm và chính sách khuyến khích mọi người tái chế); ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện các khu công nghiệp công nghệ cộng sinh chuyển đổi thành khu công nghiệp sinh thái; Xây dựng chính sách cụ thể cho các vật liệu tái chế cụ thể.
- Cần phát triển mô hình bền vững: (i) Thúc đẩy các mô hình du lịch sinh thái bền vững với sự tham gia của tất cả các bên liên quan, mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư, đặc biệt là các dân tộc thiểu số. Cải thiện chính sách và cơ chế bao gồm chính sách định giá môi trường rừng, chính sách sử dụng doanh thu, chính sách góp vốn và hợp tác trong hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái và tập hợp các tiêu chí đánh giá, đào tạo nâng cao năng lực, tăng cường phát triển các sản phẩm cụ thể, thúc đẩy quảng cáo và tiếp thị các hoạt động (ii) Thúc đẩy sự phát triển của các khu công nghiệp sinh thái bằng cách chuyển đổi các khu công nghiệp hiện có thành các khu công nghiệp sinh thái nhằm tăng cường sự cộng sinh công nghiệp bằng cách tái sử dụng chất thải và nước thải sau khi xử lý, và thúc đẩy thực hiện hiệu quả việc đồng xử lý vật liệu thay thế trong các nhà máy xi măng.
- Cần thúc đẩy thực hiện đổi mới sinh thái: tiếp tục đặt tiêu chí đổi mới sinh thái cho 30 sản phẩm được lựa chọn theo chương trình đổi mới sinh thái của Bộ Công thương và hợp tác để thực hiện đổi mới sinh thái ở mô hình EIP.
- Cần phải đẩy mạnh phát triển nhãn xanh: Nghiên cứu và ban hành các cơ chế và chính sách khuyến khích để thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia vào các ngành sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.
- Cần phải thúc đẩy chuỗi cung ứng xanh: Ban hành hướng dẫn bao gồm các tiêu chí và quy trình xác nhận cho hệ thống phân phối bán lẻ xanh, chuỗi cung ứng bền vững cho ngành đồ uống và chuỗi cung ứng bền vững cho ngành (tập trung vào 2 ngành công nghiệp sữa và nhựa); Tăng cường hỗ trợ cho việc mở rộng chuỗi cung ứng nông lâm nghiệp và thực phẩm an toàn.
- Cần có một nghiên cứu toàn diện về tiềm năng thị trường và khả năng cung cấp các sản phẩm thân thiện với môi trường từ các nhà xuất khẩu Việt Nam.
- Khuyến khích doanh nghiệp xuất khẩu áp dụng cho chứng nhận nhãn xanh cho các sản phẩm xuất khẩu chính.
- Khuyến khích chuỗi cung ứng áp dụng cho nhãn xanh và đưa ra các tiêu chí nhãn

xanh cho chuỗi phân phối và cung ứng.

- Cần phải sửa đổi khung pháp lý về mua sắm công cộng xanh và xây dựng hướng dẫn cho GPP.
- Chương trình SCP sẽ tạo ra một "Các nhà vô địch" trong các chương trình / hoạt động chính để có sức lan tỏa nhanh.

2. Xu hướng và kinh nghiệm quốc tế về SCP

Tiêu thụ và sản xuất bền vững (SCP) đã nổi lên như một cách tiếp cận thực tế và có hệ thống đối với các vấn đề bền vững trong bối cảnh toàn cầu. Nó bắt đầu vào những năm 1970 như là một giải pháp cuối cùng để giải quyết các tác động của công nghiệp hóa đối với môi trường và xã hội, đỉnh cao là Hội nghị đầu tiên của Liên Hợp Quốc về Môi trường Con người năm 1972 (Akenji, Bengtsson và Schroeder, 2017)[1]. Dần dần SCP đã phát triển theo hướng tiếp cận sản xuất sạch hơn trong hoạch định chính sách vào những năm 1980 để tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu chất thải và giảm tác động ô nhiễm trong lĩnh vực sản xuất. Đến những năm 1990, SCP chuyển sang một cách tiếp cận có hệ thống hơn liên quan đến hiệu quả sinh thái thông qua cách tiếp cận vòng đời để phân tích tác động của các sản phẩm và dịch vụ thông qua sự tham gia của tất cả các bên liên quan và trong tất cả các giai đoạn sản xuất và tiêu dùng. Hơn nữa, khái niệm hiện đại của SCP xem xét việc tích hợp môi trường và phát triển để giải quyết các thách thức kép của khủng hoảng môi trường do nền văn minh hiện đại gây ra và cải thiện cuộc sống và phúc lợi của những người có thu nhập thấp. SCP cũng làm phong phú và mở rộng cuộc thảo luận về các quỹ đạo phát triển quốc gia để mở các cuộc hội thoại về các lựa chọn khác nhau ở các quốc gia khác nhau (Akenji, Bengtsson và Schroeder, 2017)[2]. Do đó, điều kiện, nhu cầu, lĩnh vực ưu tiên và phương tiện để đạt được SCP hoặc phát triển bền vững khác nhau giữa các quốc gia.

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã nhấn mạnh tiêu dùng và sản xuất bền vững thông qua các chương trình như Khung 10 năm cho SCP[3], Hội nghị bàn tròn châu Á-Thái Bình Dương về SCP[4], và Lộ trình châu Á-Thái Bình Dương cho SCP (2017-2018)[5], giữa các nước với nhau[6]. Liên minh châu Âu đã có Kế hoạch hành động SCP từ năm 2008[7] và Lộ trình hướng tới một châu Âu hiệu quả về tài nguyên kể từ năm 2011[8]. Các nền tảng này cung cấp thông tin toàn diện về các hành động SCP trong khu vực và quốc tế.

2.1. Trung Quốc

Kinh tế vòng tròn là khái niệm then chốt được Trung Quốc đưa ra để tăng cường SCP.

---

[1] ??

[2] https://pdfs.semanticscholar.org/8808/add3eecf58b2b0537381e7bc241554e4c3cc.pdf?_ga=2.209616980.71683634.1567074979-1366112423.1567074979

[3] https://www.unenvironment.org/explore-topics/resource-efficiency/what-we-do/one-planet-network/10yfp-10-year-framework-programmes

[4] http://www.aprscp.net

[5] https://www.unenvironment.org/regions/asia-and-pacific/regional-initiatives/supporting-resource-efficiency/asia-pacific-roadmap

[6] https://www.oneplanetnetwork.org/

[7] https://ec.europa.eu/environment/eussd/escp_en.htm

[8] https://ec.europa.eu/environment/resource_efficiency/about/roadmap/index_en.htm

Sự phát triển của nền kinh tế vòng tròn ở Trung Quốc được tiến triển theo bốn giai đoạn (Li và Lin, 2016)[9]. Trước năm 1992, trọng tâm là sử dụng toàn diện tài nguyên khí thải và nước và chất thải rắn. Trong giai đoạn thứ hai 1991 - 2002, cách tiếp cận tập trung vào sản xuất sạch hơn và chuyển sang các nguồn phòng ngừa. Trong giai đoạn thứ ba 2002 - 2008, đánh dấu giai đoạn thử nghiệm của nền kinh tế vòng tròn tại các thành phố và tỉnh được chọn. Từ năm 2009 đến hôm nay, các dự án thí điểm đã được nhân rộng và phát triển nhanh hơn. Trung Quốc đã giới thiệu Luật Xúc tiến Kinh tế Vòng Trong năm 2009 và tiếp theo là Truyền thông của Hội đồng Nhà nước về Chiến lược và Kế hoạch Hành động Phát triển Kinh tế Vòng trong năm 2013. Kế hoạch hành động tập trung vào ba chính sách ngành về các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Mục tiêu chính là tăng 15% nguồn tài nguyên năng lượng, chín tài nguyên khoáng sản và tỷ lệ sản lượng ngũ cốc và gỗ công nghiệp lên 15% và mở rộng tổng sản lượng của ngành kinh tế vòng tròn lên 1,8 nghìn tỷ nhân dân tệ như được nêu trong Kế hoạch năm năm lần thứ mười hai (2011 - 2015) (Hội đồng Nhà nước, 2013)[10]. Ngoài công cụ sản xuất, Trung Quốc còn giới thiệu chương trình thí điểm "Thành phố không chất thải" vào năm 2019 để tạo ra một mô hình phát triển đô thị nhằm giảm thiểu chất thải trong toàn bộ vòng đời do Bộ Sinh thái và Môi trường chỉ đạo. Trong hai năm tới, nó sẽ phát triển các chỉ số và cơ chế và tiêu chuẩn quản lý toàn diện cho dự án thí điểm.

Kinh nghiệm từ Trung Quốc về nền kinh tế vòng tròn được thực hiện như các biện pháp bắt buộc thông qua thực thi pháp luật, trong đó các quy định và chỉ số chi tiết được xác định. Trung Quốc kết hợp cả hai cách tiếp cận từ trên xuống và cả kiến thức thu được từ tài năng trong nước và kinh nghiệm quốc tế (Zhu và đồng nghiệp, 2018[11]). Trong ứng dụng, nó được áp dụng trong phạm vi rộng trong việc sử dụng nền kinh tế vòng tròn như là khái niệm then chốt để chuyển đổi nền kinh tế và xã hội ngoài quản lý tài nguyên để đưa vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội (McDowall và các tác giả khác, 2017)[12]. Hơn nữa, nó xác định mục tiêu và lĩnh vực hành động cụ thể của ngành trong kế hoạch hành động. Nó sử dụng sự tập trung của các cơ sở sản xuất như trong Công viên sinh thái được sử dụng làm công cụ để tạo ra sự cộng sinh trong ngành và sử dụng sự tập trung của sản xuất để tăng cường sự hợp tác giữa các công ty và ngành và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Cuối cùng, nó sử dụng hiệu quả các dự án thí điểm ở cấp chính quyền địa phương để thử nghiệm các phương pháp mới để xác định các thực tiễn tốt nhất trước khi nhân rộng từ các thành phố đến các công ty riêng lẻ cũng như ở các khu vực khác của đất nước

2.2. Đức

Khung SCP chính của Đức nhấn mạnh vào hiệu quả tài nguyên ở phía sản xuất. Đức đã giới thiệu Đạo luật quản lý chu trình kín vào năm 1996 để cải thiện hiệu quả tài nguyên thông qua quản lý và ngăn chặn chất thải. Quy mô rộng hơn là Kế hoạch hành động quốc gia vì sự bền vững với các biện pháp dệt, tái chế giấy và đội xe với mục tiêu đến năm 2020. Chương trình hiệu quả tài nguyên của Đức II - Chương trình sử

[9] http://www.eria.org/RPR_FY2014_No.44_Chapter_7.pdf
[10] http://www.gov.cn/zwgk/2013-02/05/content_2327562.htm
[11] https://onlinelibrary.wiley.com/doi/epdf/10.1111/jiec.12754
[12] https://onlinelibrary.wiley.com/doi/pdf/10.1111/jiec.12597

dụng bền vững và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên (Tiến bộ) thúc đẩy sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Các chỉ số mục tiêu chính bao gồm tăng gấp đôi năng suất nguyên liệu vào năm 2020 so với năm 1994 và tăng tỷ lệ tái chế chất thải rắn đô thị lên hơn 65% từ năm 2020, tăng tỷ lệ thu gom chất thải điện và chất thải điện tử lên 65% từ năm 2019 và 50% tăng số lượng chất thải hữu cơ được thu gom riêng và tái chế và thu hồi chất lượng cao vào năm 2020 so với năm 2010. Đối với công cụ cụ thể của khu vực để thúc đẩy mua sắm bền vững, Trung tâm năng lực mua sắm bền vững hoạt động dựa trên các tiêu chí từ môi trường, kinh tế và xã hội trong mua sắm công. Để tăng cường sự đổi mới của các ngành công nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Bộ Môi trường, Bảo tồn Thiên nhiên và An toàn Hạt nhân và Hiệp hội Kỹ sư Đức (VDI) đã thành lập Trung tâm Hiệu quả Tài nguyên VDI (VDIZRE) để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả tài nguyên, thông qua kiến thức được truyền tài. Ở cấp độ quốc tế, Đức và Vương quốc Anh đã phát triển một mạng lưới với các quốc gia đối tác để tạo ra sự cộng sinh công nghiệp thông qua việc chia sẻ tài nguyên và dịch vụ để tăng cường đổi mới sinh thái. Đối với các chiến lược nhựa, thuộc trách nhiệm của nhà sản xuất mở rộng (EPR), các nhà sản xuất nhựa trực tiếp và gián tiếp thu gom hoặc xử lý chất thải. Chương trình hoàn tiền cũng được áp dụng cho bao bì đồ uống bằng thủy tinh và kim loại và chai nhựa PET.

Cải thiện hiệu quả tài nguyên là mục tiêu chính trong thực tiễn SCP của Đức. Thiết kế chương trình đã áp dụng một cách có hệ thống hiệu quả tài nguyên vào cách tiếp cận vòng đời từ khai thác tài nguyên đến các giai đoạn sản xuất, tiêu thụ và sau sử dụng. Các chương trình cụ thể trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ về hiệu quả tài nguyên là rất quan trọng khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường thiếu các nguồn lực và năng lực để áp dụng hiệu quả tài nguyên trong quá trình sản xuất. Đức cũng sử dụng sự cộng sinh công nghiệp để tăng lưu thông tài nguyên, dịch vụ và sản phẩm không chỉ trong nước mà còn với các nước hợp tác để tăng cường đổi mới sinh thái. Để thúc đẩy mua sắm công, việc thiết lập các tiêu chí và kết hợp các tiêu chí rộng hơn ngoài môi trường, mà cả các tiêu chí kinh tế và xã hội là những việc cần phải làm.

2.3. Nhật Bản

Nhật Bản đã đi đầu trong mối quan hệ với SCP vì là một quốc gia khan hiếm tài nguyên với năng lực sản xuất mạnh mẽ, việc quản lý vật liệu cẩn thận là một nhu cầu kinh tế bao trùm[13]. Khái niệm quan trọng đối với SCP tại Nhật Bản dựa trên Hiệp hội Chu kỳ Vật liệu Âm thanh, để giảm mức tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tải trọng môi trường đến mức có thể (Aoki-Suzuki, Kato và Miyazawa, 2019)[14]. Nhật Bản có Kế hoạch cơ bản để thành lập một Hiệp hội chu trình vật liệu âm thanh từ năm 2003 dựa trên Đạo luật cơ bản để thành lập một Hiệp hội chu trình vật chất miền Nam. Vào tháng 6 năm 2018, Nhật Bản đã thông qua Kế hoạch cơ bản thứ 4 của mình. Có các khung pháp lý có liên quan như Đạo luật về Thúc đẩy Sử dụng Tài nguyên hiệu quả để thúc đẩy Trách nhiệm của Nhà sản xuất Mở rộng. Nhật Bản cũng đưa vào Đạo luật thúc đẩy mua sắm xanh năm 2001 để yêu cầu các cơ quan chính phủ mua các sản phẩm thân thiện với môi trường và khuyến khích dán nhãn sinh thái để khách hàng

[13] https://sustainabledevelopment.un.org/content/documents/16445JapanVNR2017.pdf
[14] https://iges.or.jp/en/pub/our-actions-resource-efficient-future

nhận ra các sản phẩm đó (Bộ Môi trường, 2001)[15]. Đối với các vấn đề mới nổi cụ thể như chất thải thực phẩm và nhựa, Nhật Bản đã có Đạo luật thúc đẩy tái chế và các hoạt động liên quan để xử lý tài nguyên thực phẩm đi xe đạp từ năm 2001 (Bộ Môi trường, 2007)[16]và Chiến lược lưu thông tài nguyên nhựa năm 2019 (Bộ Môi trường, 2018)[17]. Trong Kế hoạch cơ bản thứ 4 để thiết lập một Hiệp hội chu trình vật liệu âm thanh, có bốn chỉ số cần đạt được vào năm 2025 so với mức 2000, tức là năng suất tài nguyên gấp đôi, đạt tỷ lệ chu kỳ (dòng chảy) là 18% và tỷ lệ sử dụng theo chu kỳ (chảy ra) 47% và cắt giảm 77% lượng chôn lấp dùng một lần cuối cùng[18].

Kế hoạch cơ bản liên kết với những thách thức và cơ hội mới của Nhật Bản hiện nay, như sự bất ổn toàn cầu ngày càng tăng, tiến bộ hợp tác quốc tế, suy giảm khu vực ở Nhật Bản, xã hội 5.0, đình trệ kinh tế ở Nhật Bản và dân số giảm với dân số già và tỷ lệ sinh giảm. Ngoài ra, Kế hoạch cơ bản cũng xem xét các vấn đề gần đây ở Nhật Bản, sự cố nhà máy hạt nhân, thiên tai thường xuyên, thay đổi quan điểm của người dân từ vật chất đối với sự giàu có về tinh thần và thiếu hụt nguồn nhân lực để xử lý và tái chế chất thải. Kế hoạch cơ bản nhằm mục đích không chỉ giải quyết từ các khía cạnh tài nguyên, mà còn để giải quyết các vấn đề rộng lớn hơn trong xã hội cùng một lúc. Trong cài đặt mục tiêu, việc thu thập dữ liệu cơ sở để đặt mục tiêu thực tế và giám sát một cách có hệ thống tiến trình là rất quan trọng để đạt được các mục tiêu theo từng chương trình. Ngoài ra, do có nhiều hành động cần thiết trong toàn bộ chuỗi cung ứng, đôi khi liên quan đến các bộ và cơ quan khác nhau, hành động thông qua hợp tác giữa các bộ và nhiều bên liên quan với chính quyền địa phương và khu vực kinh doanh là chìa khóa để giải quyết toàn diện hiệu quả tài nguyên.

2.4. Hàn Quốc

Kế hoạch cơ bản thứ ba cho phát triển bền vững (2016-2035) là nỗ lực của Hàn Quốc để chính thống hóa SDG[19]. Các tài liệu quan trọng khác liên quan đến SCP là Kế hoạch năm năm lần thứ hai cho tăng trưởng xanh, Kế hoạch tổng thể thứ tư về năng lượng tái tạo mới, Kế hoạch tổng thể thứ hai về năng lượng, Kế hoạch tổng thể đầu tiên về lưu thông tài nguyên và Kế hoạch giữa kỳ toàn diện lần thứ năm về bảo vệ môi trường. Khung pháp lý của SCP tại Hàn Quốc (Hàn Quốc) bao gồm hai đạo luật, Đạo luật hỗ trợ công nghệ và công nghệ môi trường và Đạo luật xúc tiến mua sản phẩm xanh. Đạo luật hỗ trợ công nghệ và công nghệ môi trường cung cấp cơ sở pháp lý cho việc cung cấp hỗ trợ cho nghiên cứu và phát triển công nghệ môi trường và ngành công nghiệp môi trường. Đạo luật xúc tiến mua sản phẩm xanh đã được Bộ Môi trường quy định vào năm 2005 để kích thích nhu cầu về sản phẩm. CNTT cũng là cơ sở để thực hiện mua sắm công cộng xanh, thỏa thuận tự nguyện về mua sắm kinh doanh xanh và chứng nhận cửa hàng xanh. Khung chính sách của SCP là về tăng trưởng xanh, năng lượng tái tạo mới, lưu thông tài nguyên, bảo vệ môi trường, chương trình công nghệ tái chế, chương trình hiệu quả tài nguyên và chương trình phục hồi năng lượng. Tăng trưởng xanh đã là một khái niệm quan trọng trong chương trình

[15] https://www.env.go.jp/policy/hozen/green/attach/gpp%20pamphlet_eng.pdf
[16] https://www.env.go.jp/recycle/food/01_about/law_gaiyo.pdf
[17] https://www.env.go.jp/recycle/recycle/circul/keikaku/pam4_E.pdf
[18] https://www.env.go.jp/en/recycle/smcs/4th-f_Plan.pdf
[19] https://sustainabledevelopment.un.org/index.php?page=view&type=30022&nr=67&menu=3170

khuyến mãi SCP của Hàn Quốc. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (2009-2050) nhấn mạnh sự phát triển của nền kinh tế xanh. Kế hoạch 5 năm đầu tiên (2009-2013) dự kiến sẽ tạo ra 1,6-1,8 triệu việc làm, có thị phần sản phẩm công nghệ xanh toàn cầu từ 2% năm 2009 lên 10% vào năm 2020, hàng hóa xanh xuất khẩu tăng từ 10% năm 2009 đến 22% vào năm 2020, quan hệ đối tác xanh của SME với doanh nghiệp lớn tăng từ 685 năm 2009 lên 2.900 vào năm 2020, tổ hợp công nghiệp xanh mở rộng từ năm lên hai mươi vào năm 2020, loại hàng hóa có dán nhãn carbon tăng từ 50 năm 2009 lên 1.000 vào năm 2020.

Tiêu thụ và sản xuất bền vững đã được triển khai tại Hàn Quốc, tập trung đặc biệt vào việc tạo ra thị trường mới cho các sản phẩm và dịch vụ xanh. Các khoản đầu tư vào R & D môi trường và đổi mới sinh thái của các sản phẩm đã được thúc đẩy để đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường dựa trên sản phẩm do các nước công nghiệp dẫn đầu. Trong nhiều trường hợp, các chỉ thị môi trường do EU dẫn đầu như Hạn chế các chất độc hại (RoHS) và Thiết bị điện và điện tử thải (WEEE) đóng vai trò là tiêu chuẩn môi trường quan trọng cho các doanh nghiệp Hàn Quốc tuân theo để thâm nhập thị trường châu Âu. Việc áp dụng các mô hình sản xuất bền vững được coi là một chiến lược để các doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, sự xuất hiện của người tiêu dùng có ý thức xanh là một yếu tố ảnh hưởng khác đến sự thay đổi của mô hình sản xuất và tiêu dùng bằng cách thúc đẩy mua sắm công xanh, mua sắm xanh trong kinh doanh, dán nhãn sinh thái và cung cấp thông tin đáng tin cậy và đáng tin cậy về các sản phẩm sinh thái (KEITI, 2014)[20].

2.5. Malaysia

Chiến lược SCP quan trọng được liệt kê trong Kế hoạch chi tiết quốc gia SCP 2016 - 2030[21], Con đường tiêu dùng và sản xuất bền vững ở Malaysia. Kế hoạch chi tiết được phát triển sau nghiên cứu cơ bản Tiêu thụ và sản xuất bền vững ở Malaysia (EPU 2013), trong đó xác định các lỗ hổng và công cụ chính để thúc đẩy SCP ở Malaysia. Kế hoạch chi tiết kết nối 10 điểm thông qua SCP về mua sắm công cộng xanh, hành động gia đình, khuôn khổ kinh doanh, hệ thống chất thải tuần hoàn, tòa nhà năng lượng thấp, thiết bị di chuyển thải carbon thấp, thực phẩm bền vững, du lịch bền vững, truyền thông và giáo dục phối hợp và giám sát để thực hiện. Có một số chỉ tiêu mục tiêu nhằm tăng mua sắm công xanh lên tới 20% vào năm 2020, 50% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 trong các nhóm sản phẩm được chọn, loại bỏ bãi rác vào năm 2030. Ngoài ra, những nỗ lực khác bao gồm SCP tích hợp vào chương trình giáo dục quốc gia, tăng tỷ lệ tái chế lên 22% vào năm 2020 từ 17,5% vào năm 2016. Công cụ giảm thiểu carbon và bền vững môi trường của Malaysia được sử dụng để định lượng giảm phát thải và tác động bền vững của môi trường[22].

SCP tại Malaysia được định vị khi quốc gia của họ đang hướng tới trở thành một quốc gia có thu nhập cao trong Kế hoạch thứ mười một với mức tiêu thụ và sản xuất tăng cao. Nó phù hợp với các chính sách quốc gia hiện tại của Kế hoạch thứ mười một và những tiến bộ quốc tế về SCP để sử dụng SCP làm công cụ để đạt được sự tăng trưởng

[20] https://www.oneplanetnetwork.org/sites/default/files/policy_handbook_for_sustainable_consumption_and_production_of_korea.pdf
[21] https://www.oneplanetnetwork.org/sites/default/files/malaysia_the_national_scp_blueprint_2016_-_2030.pdf
[22] https://sustainabledevelopment.un.org/index.php?page=view&type=30022&nr=375&menu=3170

xanh của nền kinh tế. Nó nhằm mục đích tạo điều kiện cho các bên liên quan khác nhau bao gồm các hộ gia đình và doanh nghiệp, các ngành công nghiệp như du lịch để hiểu được lợi ích của việc áp dụng SCP và huy động các hành động tích cực. Nó đã xác định mười khu vực làm việc ưu tiên và sử dụng SCP như một khuôn mẫu thực tế để kết nối các dấu "chấm" lại với nhau.

2.6. Thụy Điển

Cung cấp môi trường sống tốt và tiêu dùng bền vững bởi các mục tiêu đầy tham vọng dựa trên khoa học là thành phần cốt lõi của SCP ở Thụy Điển. Trong các Mục tiêu Môi trường Chiến lược, Thụy Điển đã liệt kê các mục tiêu cụ thể cần đạt được vào năm 2020, bao gồm giảm tác động của con người đến hệ sinh thái thông qua việc khắc phục ô nhiễm không khí, bảo tồn đất và nước, bảo vệ môi trường sống nhạy cảm và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên. Năm 2017, nó đã đưa ra khuôn khổ chính sách khí hậu mới để nước này trở thành đất nước trung tính carbon vào năm 2045 và trở thành quốc gia không phát thải vào giữa thế kỷ. Thụy điển đã thông qua Kế hoạch hành động cho môi trường hàng ngày không độc hại 2011 - 2020 để giảm tiếp xúc với chất độc hại của môi trường hàng ngày, tập trung vào trẻ em. Năm 2016, Thụy Điển đã giới thiệu Chiến lược mua sắm quốc gia bao gồm mua sắm công. Thụy điển đã đề xuất thực hiện chính quyền trung ương, đô thị, hội đồng quận và các công ty thuộc sở hữu của chính phủ. Năm 2017, Thụy Điển đã đưa ra Chiến lược về Tiêu thụ bền vững để thúc đẩy sự bền vững về môi trường, xã hội và kinh tế trong tiêu dùng, tập trung vào thực phẩm, giao thông và nhà ở cho người dân trong cuộc sống hàng ngày. Chiến lược nhấn mạnh vào việc nâng cao kiến thức về tiêu dùng thông minh sinh thái và giáo dục môi trường, khuyến khích cách tiêu thụ bền vững thông qua chia sẻ kinh tế và dán nhãn sinh thái, hợp lý hóa việc sử dụng tài nguyên của nền kinh tế vòng tròn và mở rộng quản lý chất thải và đời sống sản phẩm, cải thiện thông tin về nỗ lực của các công ty và phân kỳ đưa hóa chất độc hại vào cuộc sống hàng ngày. Các biện pháp cụ thể khác bao gồm thành lập Diễn đàn về Tiêu thụ sinh thái thông minh để chia sẻ kiến thức và tạo dựng mối quan hệ, tăng cường truyền thông về một số hóa chất nguy hiểm, giảm thuế VAT cho các sản phẩm được chọn như giày và quần áo khi tái chế và sửa chữa.

Các chính sách SCP của Thụy Điển tập trung vào các mục tiêu đầy tham vọng của khoa học để cải thiện môi trường sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Kiến thức được cải thiện của người tiêu dùng về vòng đời sản phẩm có thể khuyến khích cung cấp các sản phẩm đó nhiều hơn trên thị trường. Ngoài ra còn có một số ưu đãi đổi mới, chẳng hạn như giảm thuế để sửa chữa, sử dụng kinh tế học hành vi, kỹ thuật dựa trên cú hích và thống kê người tiêu dùng. Trong việc thúc đẩy sử dụng tài nguyên hiệu quả, ngành công nghiệp nhựa, thực phẩm và dệt may được lựa chọn với các sáng kiến hàng đầu. Cuối cùng, sự tham gia tích cực và trách nhiệm của các công ty được nhấn mạnh thông qua quy tắc báo cáo phát triển bền vững để tạo thuận lợi cho vai trò của họ trong SCP.

2.7. Các nước ASEAN khác

Campuchia đã ban hành các nghị định quan trọng về quản lý chất thải rắn đô thị, quỹ môi trường xã hội, quản lý chất thải điện và điện tử, quản lý túi nhựa và quản lý hệ

thống nước thải và xử lý nước[23].

Cách tiếp cận của **Indonesia** với SDG12 được đo lường bằng hai chỉ số chính (i) số lượng doanh nghiệp phù hợp (một chỉ số hiệu quả môi trường kinh doanh) đạt được thứ hạng tối thiểu (tức là giữa); và (ii) số lượng công ty áp dụng chứng nhận ISO 14001. Trong giai đoạn 2002-2016, các công ty đóng góp tích cực cho môi trường đã tăng từ 60% năm 2002 lên 85% vào năm 2016. Số lượng các công ty được chứng nhận ISO 14001 đã tăng từ 1.028 trong năm 2010 lên 2.197 vào năm 2017[24].

Philippines đang xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về tiêu dùng và sản xuất bền vững để đánh giá làm thế nào một nền kinh tế vòng tròn có thể được thông qua trong bối cảnh quốc gia[25]. Dự án sản xuất và tiêu thụ bền vững tiên tiến (2015-2018) nhằm giảm phát thải GHG thông qua (i) thúc đẩy SCP; (ii) xác định và phát triển các hành động giảm thiểu SCP; (iii) cung cấp các ưu đãi cho các sản phẩm "Xanh"; (iv) chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp thông qua mua sắm xanh và các tiêu chuẩn cụ thể. Philippines cũng đã thực hiện chương trình quản lý chất thải rắn sinh thái thông qua Đạo luật quản lý chất thải rắn sinh thái, kế hoạch quản lý chất thải rắn 10 năm, thiết lập các cơ sở thu hồi vật liệu và hệ thống xử lý môi trường, được thực hiện chủ yếu ở cấp chính quyền địa phương.

Tại **Thái Lan**, 27 cơ quan đã thành lập Tổ công tác cho SDG12 thuộc Ban chỉ đạo về tài nguyên và môi trường để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững[26]. Lực lượng đặc nhiệm đã chuẩn bị Lộ trình sản xuất và tiêu thụ bền vững 2017-2036, dựa trên Lộ trình SCP trước đó được chuẩn bị theo SWITCH Châu Á. Một số sáng kiến quan trọng bao gồm giáo dục, giao thông công cộng, đánh giá và công nhận hàng hóa thân thiện với môi trường, Chính sách công nghiệp xanh, dự án năng lượng sạch thành phố thông minh, mua sắm công xanh, Kế hoạch tổng thể quốc gia về quản lý chất thải (2016 - 2021) và Bộ luật quản trị doanh nghiệp tích hợp bền vững vào lĩnh vực kinh doanh.

Singapore tương tự như Nhật Bản với tư cách là một quốc đảo nhỏ với tài nguyên thiên nhiên và diện tích hạn chế và nền kinh tế sản xuất và định hướng xuất khẩu sôi động[27]. Singapore dự định trở thành một quốc gia không rác thải, giống như cách họ đã đóng vòng lặp trong tái chế nước. Triết lý không chất thải này được xây dựng trong Kế hoạch chi tiết Singapore bền vững. Mục tiêu là tăng tỷ lệ tái chế quốc gia lên 70% vào năm 2030. Một số sáng kiến cụ thể bao gồm khung quản lý chất thải điện tử bắt buộc vào năm 2021 dựa trên trách nhiệm của nhà sản xuất mở rộng, báo cáo kinh doanh về kế hoạch giảm bao bì vào năm 2021, nhà máy xử lý chất thải thành rác thải, tặng các cơ sở xử lý chất thải thực phẩm và thực phẩm chưa bán, thu gom riêng chất thải có thể tái chế và chung trong nhà ở công cộng, chương trình nâng cao nhận thức 3R và Thỏa thuận bao bì Singapore để giảm bao bì trong chuỗi cung ứng.

[23] https://sustainabledevelopment.un.org/index.php?page=view&type=30022&nr=1644&menu=3170
[24] https://sustainabledevelopment.un.org/index.php?page=view&type=30022&nr=479&menu=3170
[25] https://sustainabledevelopment.un.org/index.php?page=view&type=30022&nr=73&menu=3170
[26] https://sustainabledevelopment.un.org/index.php?page=view&type=30022&nr=428&menu=3170
[27] https://sustainabledevelopment.un.org/content/documents/19439Singapores_Voluntary_National_Review_Report_v2.pdf

2.8. Ví dụ về Chương trình từ các quốc gia khác

Australia[28]	**Vương quốc Anh**[29]	**New Zealand**
(3) Các Bộ trưởng Môi trường Úc, cùng với Tổ chức Giao ước Bao bì Úc, đã đồng ý làm cho 100% bao bì có thể tái sử dụng, có thể tái chế hoặc có thể phân hủy vào năm 2025. (4) Một chất thải cho nhà máy năng lượng ở Victoria chuyển đổi 33.000 tấn chất thải thực phẩm thành năng lượng cung cấp năng lượng cho một nhà máy xử lý nước thải lân cận, với phần dư thừa đi vào lưới điện. (5) Chương trình tái chế máy tính và truyền hình quốc gia đang nhắm mục tiêu 80% chất thải điện tử vào năm 2026-2027. (6) Chiến lược chất thải thực phẩm quốc gia đang hướng tới việc giảm một nửa lượng chất thải thực phẩm trị giá 20 tỷ USD / năm vào năm 2030, thông qua các phương pháp tiếp cận nền kinh tế và nâng cao nhận thức của người tiêu dùng (ví dụ: thông qua chiến dịch Yêu Thực Phẩm, Ghét Chất Thải). (7) Các ưu đãi tài chính đã hỗ trợ thành lập một ngành công nghiệp tái chế dầu, đã tái chế được 286 triệu lít dầu trong năm 2016-2017. (8) Trên trường quốc tế, Úc là nhà tài trợ lớn nhất cho Sáng kiến minh bạch trong ngành công nghiệp khai thác và Quỹ tín thác hỗ trợ chương trình công nghiệp khai khoáng toàn cầu tại Ngân hàng Thế giới.	(1) Kế hoạch môi trường 25 năm và Chiến lược quản lý chất thải và tài nguyên mới (2018) được thiết kế để tối đa hóa giá trị tài nguyên được sử dụng, giảm thiểu lượng chất thải được tạo ra, cắt giảm khí thải và giúp tạo ra một hành tinh sạch hơn, xanh hơn, lành mạnh hơn. (2) Tăng thuế lên bãi rác đã giúp giảm 50-60% chất thải đi đến bãi rác. Theo Chỉ thị về bãi chôn lấp, Vương quốc Anh sẽ giảm việc chôn lấp chất thải đô thị có thể phân hủy sinh học xuống còn 35% (mức vào năm 1995) vào năm 2020. (3) Hiệp ước Nhựa Vương quốc Anh đã tập hợp các nguồn hơn 80% bao bì nhựa trên thị trường Anh vào năm 2025 (i) loại bỏ bao bì sử dụng một lần không cần thiết; (ii) 100% bao bì nhựa có thể tái sử dụng, tái chế hoặc phân hủy; (iii) 70% bao bì nhựa được tái chế hoặc ủ một cách hiệu quả; và (iv) 30% hàm lượng tái chế trung bình trong tất cả các bao bì nhựa. (4) Lộ trình giảm chất thải thực phẩm đã được ban hành để đạt được SDG12.3. (5) Cam kết của Chính phủ Xanh đã đạt được mức giảm phát thải 39%, chuyển 87% chất thải từ các bãi chôn lấp, giảm một nửa lượng tiêu thụ giấy và giảm 28% số chuyến bay nội địa. (6) Chương trình hành động sản xuất hàng may mặc bền vững là một sáng kiến tự nguyện, dẫn đầu ngành nhằm giảm thiểu các tác động môi trường của ngành công nghiệp quần áo. (7) Kế hoạch vận chuyển chất thải của Vương quốc Anh kiểm soát chặt chẽ hơn chất thải được xử lý, thường cấm cả xuất khẩu và nhập khẩu.	New Zealand, tham vọng tuyên bố là để lãnh đạo thế giới trong việc bảo vệ môi trường, và chuyển sang nền kinh tế vòng tròn[30]. Một số sáng kiến chính của SCP đang được tiến hành bao gồm: (1) Tuyên bố bao bì nhựa New Zealand, trong đó doanh nghiệp cam kết đóng gói 100% có thể tái sử dụng, có thể tái chế hoặc có thể phân hủy vào năm 2025. (2) New Zealand đã cấm một số sản phẩm có chứa hạt siêu nhỏ và túi mua sắm nhựa sử dụng một lần, đồng thời phát triển Kế hoạch hành động về nhựa dài hạn. (3) Hội đồng kinh doanh bền vững New Zealand có 91 tổ chức thành viên chiếm 29% GDP của khu vực tư nhân. (4) Ngành du lịch đã đưa ra Cam kết bền vững du lịch New Zealand nhằm mục đích có tất cả các doanh nghiệp du lịch cam kết phát triển bền vững vào năm 2025. (5) Kế hoạch tối thiểu hóa và quản lý chất thải Auckland (2018) dự kiến thành phố lớn nhất New Zealand sẽ không có chất thải vào năm 2040.

[28] https://sustainabledevelopment.un.org/index.php?page=view&type=30022&nr=1591&menu=3170
[29] https://sustainabledevelopment.un.org/index.php?page=view&type=30022&nr=1185&menu=3170
[30] https://sustainabledevelopment.un.org/index.php?page=view&type=30022&nr=1445&menu=3170

Dự thảo

2.9. Khuôn khổ của SCP đối với Việt Nam từ xu hướng quốc tế

Kể từ khi áp dụng SCP vào những năm 1970, ứng dụng đã phát triển từ giải pháp cuối đường ống đến phương pháp tiếp cận vòng đời cho toàn bộ chuỗi cung ứng. Hơn nữa, việc áp dụng SCP trở nên toàn diện hơn để giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội cụ thể mà các quốc gia đang phải đối mặt. Đối với Trung Quốc, nền kinh tế vòng tròn đã trở thành công cụ chính để chuyển đổi kinh tế xã hội để dần phát triển dựa trên năng lực mà các ngành công nghiệp đã phát triển trong các năm qua. Các khu công nghiệp sinh thái đóng vai trò quan trọng để tập trung sản xuất để tạo điều kiện cho sự cộng sinh của ngành trong giai đoạn thực hiện. Hiệu quả tài nguyên là trọng tâm chính để Đức không ngừng nâng cao hiệu quả thông qua cách tiếp cận vòng đời trong thiết kế chương trình. Để nâng cao năng lực của các doanh nghiệp vừa và nhỏ về hiệu quả tài nguyên, Đức đã cung cấp hỗ trợ có mục tiêu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhật Bản coi việc đạt được Hiệp hội Chu kỳ Vật liệu Âm thanh là mục tiêu của SCP, họ đã phát triển một cách có hệ thống và giám sát các chỉ số để đo lường sự tiến bộ trong những năm qua. Hơn nữa, Nhật Bản kết hợp những thách thức và cơ hội mới nổi của xã hội Nhật Bản để giải quyết các vấn đề xã hội rộng lớn hơn. Tăng trưởng xanh là trọng tâm để Hàn Quốc tăng khả năng cạnh tranh toàn cầu của ngành với các mục tiêu kinh tế cụ thể. Thị phần, xuất khẩu hàng hóa xanh và tạo việc làm là những mục tiêu chính của Hàn Quốc. Đối với Malaysia, mục tiêu chính là trở thành quốc gia có thu nhập cao trong Kế hoạch thứ mười một. SCP trở thành công cụ kết nối các hành động của các bên liên quan khác nhau để đạt được sự tăng trưởng xanh. Kinh nghiệm của Thụy Điển cho thấy môi trường sống tốt cho người dân và tiêu dùng bền vững là mục tiêu chính được hỗ trợ bởi mục tiêu đầy tham vọng của nó là trung hòa carbon vào năm 2045. Các biện pháp cụ thể nhấn mạnh về cải thiện kiến thức của người tiêu dùng và giải pháp sáng tạo.

Sự phát triển kinh tế ở Việt Nam cũng tạo ra những thách thức về môi trường và xã hội. Khối lượng phát thải CO2 đã tăng gấp đôi từ 4 triệu tấn năm 1980 lên 80 triệu tấn năm 2005 (Ngân hàng Thế giới tại Shahbaz, Haouas và Hoàng, 2019). Ở một quốc gia đông dân, Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức do thiếu đất canh tác và suy thoái môi trường do tăng trưởng kinh tế nhanh sẽ tiếp tục gây áp lực lên môi trường tự nhiên (Clausen, Vu và Pedrono, 2011). Khai thác rộng rãi, đốn chặt cây, cùng với các tập quán nông nghiệp gây ra nạn phá rừng và suy thoái đất, ô nhiễm nước đe dọa sinh vật biển, hạn chế ô nhiễm nước ngầm và ô nhiễm không khí gây hại cho sức khỏe, đặc biệt là ở các thành phố đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh chóng như Hà Nội và Hồ Chí Minh, cung cấp bằng chứng môi trường đang xuống cấp nhanh chóng (CIA, nd). Hơn nữa, Việt Nam được xác định là một trong số 5 đến 10 quốc gia dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu nhất trên thế giới (Bruun, 2012) đặc biệt vì những thiệt hại kinh tế xã hội sẽ xảy ra (McElwee et al., 2010) do thiên tai. Hơn nữa, suy thoái đất do phát triển công nghiệp đang khiến các vùng ven biển dễ bị ngập lụt hơn (Davis, 2016). Các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn có năng lực hạn chế trong việc tuân thủ luật pháp và quy định về môi trường tại Việt Nam. Chẳng hạn, trong số 615 cụm công nghiệp, chỉ có 5% số doanh nghiệp vừa và nhỏ có hệ thống xử lý nước thải tập trung (Mạng lưới CSR ASEAN, 2017). Đối với các thách thức xã hội, phần lớn dân số đã được hưởng lợi từ sự thịnh vượng kinh tế và một số nhóm dân tộc thiểu số vẫn có tiến độ chậm hơn và tỷ lệ nghèo lớn hơn so với mức trung bình quốc gia (Ngân hàng Thế giới, 2018). Năng

lực công nghệ của các doanh nghiệp vừa và nhỏ được cải thiện sẽ rất quan trọng đối với việc cải thiện các vấn đề môi trường và xã hội, nhưng cũng là cơ hội để Việt Nam nâng cấp các ngành công nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu.

Dựa trên sự hậu thuẫn chính trị cao của SCP tại Việt Nam, các nhiệm vụ chính đang được triển khai. Lỗ hổng đối với biến đổi khí hậu của Việt Nam cho thấy sự thay đổi đối với SCP là một nhiệm vụ quan trọng đối với sự bền vững lâu dài. Khái niệm kinh tế vòng tròn như một công cụ thiết thực sẽ hữu ích giúp Việt Nam chuyển đổi kinh tế xã hội trong quá trình thực hiện SCP. Là một nền kinh tế mới nổi, Việt Nam cần tăng cường năng lực R & D của các doanh nghiệp để tạo điều kiện đổi mới sinh thái cho khả năng cạnh tranh toàn cầu và kết hợp SCP vào cả các biện pháp thương mại xuất nhập khẩu. Hơn nữa, khi đô thị hóa đang mở rộng ở Việt Nam, tập trung nhiều hơn vào mục tiêu tiêu dùng bền vững, nhắm mục tiêu cư dân đô thị là rất quan trọng trong quá trình chuyển đổi mô hình tiêu dùng nhanh chóng. Do đó, SCP có thể được thông qua trong quá trình chuyển đổi kinh tế xã hội của Việt Nam để giải quyết một cách toàn diện các cơ hội và thách thức mới nổi thông qua sự tham gia của tất cả các chủ thể trong xã hội.

3. Cơ sở lý luận cho một chương trình hành động quốc gia về SCP cho giai đoạn 2020-2030

3.1. Sự cần thiết phải tiếp tục xây dựng NAP trên SCP (2016-2020)

Dựa trên sự hậu thuẫn chính trị cao của SCP tại Việt Nam, các nhiệm vụ chính đang được triển khai. Lỗ hổng đối với biến đổi khí hậu của Việt Nam cho thấy sự thay đổi đối với SCP là một nhiệm vụ quan trọng đối với sự bền vững lâu dài. Khái niệm kinh tế vòng tròn như một công cụ thiết thực sẽ hữu ích giúp Việt Nam chuyển đổi kinh tế xã hội trong quá trình thực hiện SCP. Là một nền kinh tế mới nổi, Việt Nam cần tăng cường năng lực R & D của các doanh nghiệp để tạo điều kiện đổi mới sinh thái cho khả năng cạnh tranh toàn cầu và kết hợp SCP vào cả các biện pháp thương mại xuất nhập khẩu. Hơn nữa, khi đô thị hóa đang mở rộng ở Việt Nam, tập trung nhiều hơn vào mục tiêu tiêu dùng bền vững, nhắm mục tiêu cư dân đô thị là rất quan trọng trong quá trình chuyển đổi mô hình tiêu dùng nhanh chóng. Do đó, SCP có thể được thông qua trong quá trình chuyển đổi kinh tế xã hội của Việt Nam để giải quyết một cách toàn diện các cơ hội và thách thức mới nổi thông qua sự tham gia của tất cả các chủ thể trong xã hội.

3.2. Ủng hộ chính trị

Nghị quyết số 24-NQ / TW ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Ban Chấp hành Trung ương khóa 11 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường;

Nghị quyết số 23-NQ / TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị XII về định hướng phát triển các chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, với tầm nhìn đến năm 2045.

3.3. Cơ sở pháp lý

Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014 / QH13 được Quốc hội XIII phê chuẩn, ngày 7 tháng 6 năm 2014, trong đó Điều 44 quy định: Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm tham gia sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường được chứng nhận bởi nhãn sinh thái theo quy định của pháp luật.

Quyết định số 432 / QĐ-TOT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Trong đó, xác định định hướng ưu tiên để thực hiện phát triển bền vững. Sản xuất bền vững và tiêu thụ bền vững như sau: Thúc đẩy ứng dụng rộng rãi sản xuất sạch hơn để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, năng lượng và nước, đồng thời giảm khí thải và hạn chế mức độ ô nhiễm và bảo vệ, chất lượng môi trường, sức khỏe con người, đảm bảo phát triển bền vững. Xây dựng văn hóa tiêu dùng văn minh, hài hòa và thân thiện. Dần dần thực hiện dán nhãn sinh thái và mua sắm xanh. Phát triển tiếp thị. Lĩnh vực sản phẩm sinh thái và sáng kiến cộng đồng về SCP. Áp dụng chính sách để điều chỉnh hành vi tiêu dùng không hợp lý.

Quyết định số 1393 / QĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, trong đó nêu các mục tiêu sau đây của SCP: Tái cấu trúc và hoàn thiện các thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành công nghiệp hiện có và khuyến khích sự phát triển của các thành phần kinh tế để sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ ngày càng tiên tiến hơn để sử dụng hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Cải thiện cuộc sống của mọi người, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua việc tạo việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển cơ sở hạ tầng xanh.

Để thực hiện các mục tiêu này, Chiến lược cũng xác định ba nhiệm vụ chính, bao gồm hai nhiệm vụ trên SCP:

Quyết định số 622 / QĐ-TOT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia để thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Trong Quyết định này, Mục tiêu 12 về Đảm bảo các mô hình SCP được xác định là một trong những mục tiêu quan trọng cần đạt được vào năm 2030.

Quyết định số 76 / QĐ-TOT ngày 11 tháng 1 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về SCP vào năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2030.

Quyết định số 681 / QĐ-TOT ngày 4 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam vào năm 2030.

Công văn số 430 / VPCP-TH ngày 20 tháng 2 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ về chương trình làm việc năm 2019, trong đó MOIT được giao nhiệm vụ chủ trì và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt NAP về SCP từ năm 2020 và 2030 trong quý IV năm 2019.

3.4. Quan điểm và bối cảnh quốc gia

Kế hoạch hành động quốc gia về tiêu dùng và sản xuất bền vững (2020 - 2030) nhằm mục đích thống nhất các xu hướng quốc tế của SCP để kết hợp cách tiếp cận vòng đời thông qua nền kinh tế vòng tròn để áp dụng vào bối cảnh kinh tế xã hội của Việt Nam để đưa ra các giải pháp cụ thể cho nhu cầu Việt Nam. Nó cũng phù hợp với khung pháp lý và chính sách hiện hành để phát triển tại Việt Nam để tránh trùng lặp các hành động hiện có từ các chương trình khác. Nó sẽ giải quyết các nhiệm vụ còn lại từ Kế hoạch hành động quốc gia về tiêu thụ và sản xuất bền vững đến năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2030 để hướng dẫn các chủ thể khác nhau của các bộ, cơ quan chính phủ, chính quyền địa phương, ngành công nghiệp, xã hội dân sự và công dân thực hiện các hành động cụ thể để tăng cường SCP ở Việt Nam.

3.5. Nguyên tắc

NAP về SCP trong giai đoạn 2020 - 2030 được xây dựng theo các nguyên tắc sau:

(a) Các hoạt động của Chương trình hành động quốc gia về SCP phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam trong Chương trình nghị sự vì sự phát triển bền vững vào năm 2030;
(b) Việc thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về SCP trong giai đoạn 2020 - 2030 được chia thành hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là từ năm 2020 đến năm 2025 và giai đoạn thứ hai là từ năm 2026 đến năm 2030;
(c) Kết hợp nền kinh tế vòng tròn như là khái niệm thực tế với ba khía cạnh: sản xuất bền vững, tiêu thụ bền vững và thúc đẩy SCP để giới thiệu cách tiếp cận vòng đời của các giai đoạn khác nhau trong chuỗi cung ứng;
(d) Nó tập trung vào việc giới thiệu các công cụ thực tế sẽ giúp xác định các điều khoản trong SCP để tăng cường khung pháp lý và chính sách hiện hành về SCP để mang lại những định hướng thực tế cho tất cả các chủ thể trong xã hội;
(e) Huy động tất cả các thành viên của xã hội, trong đó doanh nghiệp và người tiêu dùng đóng vai trò trung tâm, chính phủ đóng vai trò hướng dẫn và tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các hoạt động về SCP.

3.6. Tầm nhìn

Chuyển đổi sang tiêu dùng và sản xuất bền vững thông qua cách tiếp cận nền kinh tế vòng tròn để người dân đạt được cuộc sống bền vững, cùng đó bảo vệ hệ sinh thái. Giới thiệu hiệu quả việc sử dụng tài nguyên và năng lượng thông qua ứng dụng đổi mới sinh thái trong toàn bộ vòng đời sản phẩm. Hỗ trợ và truyền cảm hứng cho người dân để đưa ra quyết định hợp lý hơn để có chất lượng sống bền vững và tốt. Nâng cao năng lực thực hiện của cả chính quyền trung ương và địa phương trong SCP. Huy động

tất cả các bên liên quan bao gồm các đối tác quốc tế để hợp tác và hành động hướng tới thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam cho đến năm 2030.

3.6.1 Mục tiêu tổng quát

- Thúc đẩy hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch thông qua đổi mới sinh thái trong giai đoạn khai thác và sản xuất tài nguyên;
- Xanh hóa hệ thống phân phối và phát triển chuỗi cung ứng các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường;
- Cung cấp cơ sở hạ tầng để hỗ trợ người tiêu dùng đưa ra các quyết định có ý thức về môi trường để thúc đẩy cuộc sống bền vững cho tất cả mọi người;
- Nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp / nhà sản xuất định hướng xuất khẩu để tham gia chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu cho các sản phẩm xuất khẩu bền vững quan trọng thông qua cơ cấu lại các sản phẩm xuất khẩu theo hướng bền vững;
- Cải thiện việc thực thi pháp luật để bảo vệ môi trường đối với phế liệu và chất thải nhập khẩu và cơ cấu lại các sản phẩm nhập khẩu theo hướng bền vững;
- Tăng cường năng lực của các bộ, chính quyền tỉnh, ngành công nghiệp, viện nghiên cứu và giáo dục chính quy để thực hiện SCP;
- Nâng cao nhận thức của tất cả các chủ thể trong xã hội để có hành động đối với SCP;
- Tăng cường hợp tác quốc tế về trao đổi kiến thức và tài chính trong SCP;
- Tăng cường các chương trình R & D để tạo điều kiện cho các đối tác nhiều bên tham gia triển khai SCP.

3.6.2. Mục tiêu và chỉ tiêu chi tiết (Các chỉ số tác động)

(1) 30% số doanh nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn vào năm 2025, 50% vào năm 2030 (MoIT)
(2) 50% chất thải rắn đô thị và chất thải xây dựng sẽ được tái chế, tái sử dụng, sản xuất năng lượng hoặc phân hữu cơ vào năm 2025, 80% vào năm 2030; 75% chất thải rắn công nghiệp không nguy hại trong các khu công nghiệp sẽ được thu gom để tái sử dụng và tái chế vào năm 2025, 85% vào năm 2030 (MoNRE)
(3) 30% giảm chất thải thực phẩm trong giai đoạn tiền tiêu thụ vào năm 2025, 50% vào năm 2030 (Bộ NN & PTNT)
(4) 50% số người tham gia giao thông sử dụng phương tiện giao thông công cộng tại các thành phố lớn vào năm 2025, 60% vào năm 2030 (MoT, chính quyền địa phương)
(5) 30% các tổ chức chính phủ ở cấp trung ương và cấp tỉnh thực hành mua sắm công xanh vào năm 2025, 50% vào năm 2030 (MPI)
(6) 75% các nhà sản xuất xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của thị trường xuất khẩu vào năm 2025, 100% vào năm 2030 (MoIT)

Bảng 3: Cấu trúc tổng thể của KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA ĐỂ TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT BỀN VỮNG 2020 - 2030

Tầm nhìn:
Chuyển đổi sang tiêu dùng và sản xuất bền vững thông qua cách tiếp cận nền kinh tế vòng tròn để người dân đạt được cuộc sống bền vững, cùng đó bảo vệ hệ sinh thái. Giới thiệu hiệu quả việc sử dụng tài nguyên và năng lượng thông qua ứng dụng đổi mới sinh thái trong toàn bộ vòng đời sản phẩm. Hỗ trợ và truyền cảm hứng cho người dân để đưa ra quyết định hợp lý hơn để có chất lượng sống bền vững và tốt. Nâng cao năng lực thực hiện của cả chính quyền trung ương và địa phương trong SCP. Huy động tất cả các bên liên quan bao gồm các đối tác quốc tế để hợp tác và hành động hướng tới thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam cho đến năm 2030.

3.6.1 Mục tiêu tổng quát

1. Thúc đẩy hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch thông qua đổi mới sinh thái trong giai đoạn khai thác và sản xuất tài nguyên;
2. Xanh hóa hệ thống phân phối và phát triển chuỗi cung ứng các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường;
3. Cung cấp cơ sở hạ tầng để hỗ trợ người tiêu dùng đưa ra các quyết định có ý thức về môi trường để thúc đẩy cuộc sống bền vững cho tất cả mọi người;
4. Nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp / nhà sản xuất định hướng xuất khẩu để tham gia chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu cho các sản phẩm xuất khẩu bền vững quan trọng thông qua cơ cấu lại các sản phẩm xuất khẩu theo hướng bền vững;
5. Cải thiện việc thực thi pháp luật để bảo vệ môi trường đối với phế liệu và chất thải nhập khẩu và cơ cấu lại các sản phẩm nhập khẩu theo hướng bền vững;
6. Tăng cường năng lực của các bộ, chính quyền tỉnh, ngành công nghiệp, viện nghiên cứu và giáo dục chính quy để thực hiện SCP;
7. Nâng cao nhận thức của tất cả các chủ thể trong xã hội để có hành động đối với SCP;
8. Tăng cường hợp tác quốc tế về trao đổi kiến thức và tài chính trong SCP;
9. Tăng cường các chương trình R & D để tạo điều kiện cho các đối tác nhiều bên tham gia triển khai SCP.

Sản xuất bền vững
1. Quy trình sản xuất và khai thác nguyên liệu bền vững
2. Giai đoạn phân phối sản phẩm bền vững

Tiêu dùng bền vững
1. Tiêu dùng bền vững và lối sống bền vững
2. Sản phẩm xuất khẩu bền vững
3. Sản phẩm nhập khẩu bền vững

Thúc đẩy SCP cho các hành động của các bên liên quan
1. Tăng cường năng lực về tiêu thụ bền vững và thực hiện sản xuất
2. Truyền thông về tiêu thụ và sản xuất bền vững
3. Hợp tác quốc tế về tiêu thụ và sản xuất bền vững
4. Chương trình R & D về tiêu thụ và sản xuất bền vững

3.7. Các chương trình chính

Các chương trình chính được xây dựng theo các giai đoạn của vòng đời sản phẩm theo ba chủ đề sản xuất bền vững, tiêu thụ bền vững và thúc đẩy SCP. Trong sản xuất bền vững, có hai lĩnh vực tập trung vào quá trình sản xuất và sử dụng nguyên liệu bền vững và hệ thống phân phối sản phẩm bền vững. Tiêu thụ bền vững tập trung vào ba lĩnh vực của lối sống và tiêu dùng bền vững, sản phẩm xuất khẩu bền vững và sản phẩm nhập khẩu bền vững. Thúc đẩy tiêu dùng và sản xuất bền vững cho các hành động của các bên liên quan tập trung vào tăng cường năng lực thực hiện sản xuất và tiêu thụ bền vững, truyền thông về tiêu thụ và sản xuất bền vững, hợp tác quốc tế về tiêu thụ và sản xuất bền vững và chương trình R & D về tiêu dùng và sản xuất bền vững.

Sau đây là các nhiệm vụ chính của Kế hoạch hành động quốc gia về tiêu thụ và sản xuất bền vững (2020 - 2030) sẽ được thực hiện trong giai đoạn 2020 - 2030.

3.7.1. Sản xuất bền vững

3.7.1.1. Quy trình sản xuất và sử dụng nguyên liệu bền vững

Hiệu quả tài nguyên là một yếu tố chính của phát triển bền vững. Có một cam kết toàn cầu để đạt được hiệu quả tài nguyên để thiết lập các mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững. Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) đã chỉ định vai trò quan trọng của hiệu quả tài nguyên. Điều này được phản ánh trực tiếp trong Mục tiêu 12 của SDG: Đảm bảo tiêu dùng có trách nhiệm và mô hình sản xuất. Tám mục tiêu khác (2, 6, 7, 8, 9, 11, 14 và 15) cũng liên quan đến hiệu quả tài nguyên và nền kinh tế vòng tròn. Các SDG này cũng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 62 / QĐ-TOT ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia để thực hiện Chương trình nghị sự phát triển bền vững năm 2030. Các hành động ưu tiên để thực hiện sử dụng tài nguyên bền vững và hiệu quả bao gồm:

3.7.1.1.1. Nhiệm vụ chính

- Lập kế hoạch và quản lý các quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên;
- **Thúc đẩy thiết kế sinh thái và hiệu suất môi trường tổng thể của sản phẩm và dịch vụ;**
- Thúc đẩy quản lý tổng hợp tài nguyên nước và tăng cường sử dụng nước hiệu quả trong nông nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dịch vụ và các mục đích trong nước;
- Thúc đẩy các nguồn lực sáng tạo và dễ tiếp cận cho hiệu quả năng lượng;
- Triển khai các hoạt động đổi mới sinh thái trong các doanh nghiệp, khu công nghiệp và cụm công nghiệp;
- Thúc đẩy đầu tư vào công nghệ nông nghiệp, nông nghiệp hữu cơ và hiệu quả nước để tăng sản xuất nông nghiệp;
- Áp dụng và thực hiện phương pháp quản lý vòng đời đối với tất cả các loại hóa chất và chất thải ngoài việc xử lý đơn thuần;
- Cải thiện năng suất nông nghiệp trong vòng đời của thực phẩm qua chế biến, phân phối, tiêu thụ để giảm chất thải;

DỰ THẢO

- Giảm phát sinh chất thải và tăng giá trị kinh tế của tài nguyên chất thải thông qua phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng và thu hồi năng lượng.

3.7.1.1.2. Danh sách các hoạt động cụ thể

(a) Đặt tiêu chí đổi mới sinh thái cho 30 sản phẩm được chọn theo chương trình đổi mới sinh thái của Bộ Công nghiệp và Thương mại (MoIT)
(b) Xây dựng hướng dẫn về nền kinh tế vòng tròn để phân phối cho các khu công nghiệp sinh thái được lựa chọn để thúc đẩy lưu thông tài nguyên, 3R và cộng sinh công nghiệp áp dụng dữ liệu lớn thông qua toàn bộ cách tiếp cận vòng đời (MPI, MoIT, chính quyền địa phương)
(c) Khởi động chương trình trách nhiệm sản xuất mở rộng tự nguyện (EPR) cho tập đoàn lớn cho các ngành hóa chất, điện tử và bao bì (Bộ Thương mại và Phòng Thương mại Việt Nam)
(d) Thực hiện các hoạt động đào tạo và phát triển hướng dẫn kỹ thuật về hiệu quả nguồn lực cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành bột giấy, dệt may trong các cụm và khu công nghiệp (nâng cao kiến thức từ Trung tâm sản xuất sạch Việt Nam (VNCPC, EPRO và MoIT)
(e) Ra mắt một nền tảng để phổ biến công nghệ tốt nhất hiện có (BAT) để cải thiện hiệu quả sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp (Bộ NN & PTNT; Hiệp hội nông nghiệp, nông dân)
(f) Thực hiện hiệu quả năng lượng tự nguyện và kiểm toán sản xuất sạch hơn trong các ngành công nghiệp thép, xi măng và nhà máy bia (MoIT)
(g) Khởi động chương trình nâng cao nhận thức về phục hồi hệ sinh thái đến các khu vực khai thác trong lĩnh vực khai thác than (MoIT)

3.7.1.2. Hệ thống phân phối sản phẩm bền vững

Sự gia tăng khí thải nhà kính và ô nhiễm từ các cơ sở sản xuất và kinh doanh đã thúc đẩy nhu cầu điều chỉnh lại hoạt động của chuỗi cung ứng của họ với quan điểm bảo tồn các nguồn tài nguyên khan hiếm. Quản lý chuỗi cung ứng là một yếu tố quan trọng và nó được liên kết trực tiếp với năng suất và vị thế cạnh tranh. Làm xanh chuỗi cung ứng tạo ra cơ hội lớn cho các vấn đề tiêu dùng và hoạt động kinh doanh môi trường bền vững, bao gồm:

3.7.1.2.1. Nhiệm vụ chính

- Tăng cường liên kết giữa các nhà cung cấp nguyên liệu, nhà sản xuất, nhà phân phối và người tiêu dùng để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bền vững;
- Thiết lập và phát triển chuỗi cung ứng bền vững cho các sản phẩm nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch;
- Tăng cường mua sản phẩm xanh của các nhà phân phối trong chuỗi cung ứng;

3.7.1.2.2. Danh sách các hoạt động cụ thể

(a) Thiết lập và thực hiện hướng dẫn phân phối nông sản xanh. (MARD, hiệp hội nông dân, hiệp hội vận tải)
(b) Thiết lập chuỗi / mạng lưới cung ứng xanh và bền vững để phân phối các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm sạch và xanh, theo Tiêu chuẩn của VietGAP, và giảm

tổn thất sau thu hoạch (MARD, Hiệp hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam)

(c) Thiết lập một trang web chia sẻ thông tin về các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường trên toàn quốc để tăng cường liên kết giữa các nhà cung cấp nguyên liệu, nhà sản xuất, nhà phân phối và người tiêu dùng sử dụng CNTT và cơ sở dữ liệu.

(d) Ra mắt chương trình cam kết tự nguyện của các siêu thị hoặc trung tâm mua sắm để tăng mua sản phẩm xanh từ các nhà sản xuất (Hiệp hội bán lẻ, Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng)

(e) Một kế hoạch thu gom và tái chế chất thải bao bì và phân phối cho nhà sản xuất thực phẩm, nhà vận chuyển, nhà kho và nhà bán lẻ (Hiệp hội bán lẻ, Cục Biển và Quần đảo Việt Nam)

(f) Thực hiện đào tạo cho các doanh nghiệp phân phối trong việc thực hiện các giải pháp sản xuất và tiết kiệm năng lượng sạch hơn (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính)

3.7.2. Tiêu dùng bền vững

3.7.2.1 Lối sống và tiêu dùng bền vững

Mục tiêu về tiêu thụ bền vững sẽ nhắm đến việc sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn, từ đó mở rộng hiệu quả cơ sở tài nguyên để đáp ứng nhu cầu của con người, và thay đổi mô hình tiêu thụ để giảm sử dụng vật liệu và năng lượng tổng thể. Thúc đẩy tiêu dùng xanh và lối sống bền vững thực sự có thể liên quan đến các hành động phát triển bền vững khác bao gồm:

3.7.2.1.1. Nhiệm vụ chính

- Đảm bảo mua sắm công bền vững;
- Cung cấp cơ sở hạ tầng và thông tin tốt hơn để hỗ trợ người tiêu dùng đưa ra lựa chọn tiêu dùng tốt hơn;
- Hỗ trợ người tiêu dùng tham gia các hoạt động 3R trong cuộc sống hàng ngày của họ;
- Tăng cường du lịch sinh thái tại các điểm du lịch để giảm tác động môi trường của du lịch;
- Không khuyến khích tiêu thụ các sản phẩm không thân thiện với môi trường;
- Phát triển và phổ biến các mô hình tiêu thụ bền vững và có trách nhiệm hài hòa với thiên nhiên.

3.7.2.1.2. Hoạt động cụ thể

(a) Sửa đổi các quy định mua sắm công được xây dựng bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và / và Bộ Tài chính và thiết lập các tiêu chí xanh đặc biệt trong luật đấu thầu mua sắm công. Xây dựng hướng dẫn về mua sắm công xanh để quyết định các tiêu chí và đưa ra danh sách các sản phẩm xanh ưu tiên được sản xuất bởi các nhà sản xuất Việt Nam, để phân phối hướng dẫn cho tất cả các bộ, cơ quan chính phủ và các công ty và dự án thuộc sở hữu của nhà nước. (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

(b) Phát triển nền tảng minh bạch chuỗi cung ứng trực tuyến thông qua mạng lưới hiệp

hội thông tin người tiêu dùng để cung cấp cho người tiêu dùng thông tin về tác động an toàn và môi trường (nhãn xanh) của các sản phẩm trong chuỗi cung ứng trong việc đưa ra quyết định mua hàng và ngăn chặn tuyên bố không chính xác về sản phẩm xanh. (Bộ Công Thương, Hiệp hội người tiêu dùng, NGO)

(c) Ra mắt một nền tảng giảm thiểu chất thải thực phẩm nhiều bên liên quan dẫn đầu để mời các nhà bán lẻ, nhà hàng và khách sạn đo lường mức độ lãng phí thực phẩm hiện tại trong giai đoạn tiêu thụ và đặt mục tiêu giảm tự nguyện và báo cáo tiến độ thường xuyên. (Bộ Công Thương và chính quyền địa phương, doanh nghiệp)

(d) Chọn 5 thành phố đô thị hóa lớn để phát triển kế hoạch mở rộng giao thông công cộng và ủy thác một khu vực công cộng nhất định trong khu vực trung tâm thành phố là một ngày không có xe hơi, một tháng một lần để khuyến khích đi bộ và đi xe đạp giữa các cư dân. (Bộ Giao thông vận tải và chính quyền thành phố của 5 thành phố được chọn)

(e) Thiết lập thiết bị điện tử (điện thoại di động và PC) và thiết bị gia dụng (máy giặt, tủ lạnh, TV) và hệ thống thu gom chất thải điện tử thông qua quan hệ đối tác công tư giữa các thành phố và nhà sản xuất trong việc cung cấp thông tin về sửa chữa và tái sử dụng để kéo dài tuổi thọ của sản phẩm và để người tiêu dùng thải bỏ các sản phẩm đã qua sử dụng cho các nhà sản xuất để thu gom để tái chế và tái sản xuất. (Bộ Tài nguyên, chính quyền thành phố và nhà sản xuất thiết bị)

(f) Thúc đẩy du lịch sinh thái thông qua việc phát triển các hoạt động du lịch sinh thái và hợp tác với các hiệp hội khách sạn để chứng nhận Nhãn hiệu Hoa sen xanh giữa các khách sạn. (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hiệp hội khách sạn)

(g) Áp dụng phí môi trường đối với các sản phẩm không thân thiện với môi trường như túi nhựa trong siêu thị và cửa hàng tiện lợi (MoNRE và hiệp hội siêu thị)

3.7.2.2. Sản phẩm xuất khẩu bền vững

Các sản phẩm xuất khẩu bền vững sẽ tập trung vào việc tăng các sản phẩm xuất khẩu xanh về khả năng tiếp cận và khả năng cạnh tranh và để tăng cường lưu thông tài nguyên trên toàn cầu. Các nhiệm vụ chính sau đây:

3.7.2.2.1. Nhiệm vụ chính

- Cải thiện khả năng tiếp cận thị trường của các sản phẩm xanh để xuất khẩu trên thị trường toàn cầu;
- Tăng cường chứng nhận dán nhãn sinh thái cho các sản phẩm xuất khẩu;
- Cải thiện khả năng tiếp cận thị trường để thúc đẩy xuất khẩu bền vững các sản phẩm chính của Việt Nam và kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu chất thải (phế liệu);
- Tăng cường hợp tác quốc tế về lưu thông tài nguyên và cộng sinh công nghiệp.

3.7.2.2.2. Hoạt động cụ thể

(a) Phát triển cơ sở dữ liệu trực tuyến để cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho các sản phẩm xuất khẩu xanh quan trọng tập trung vào điện tử, dệt may, sản phẩm gỗ, nông sản và hải sản

(b) Khởi động một chương trình hỗ trợ cho các nhà sản xuất định hướng xuất khẩu để

áp dụng cho chương trình chứng nhận nhãn sinh thái và chứng nhận fairtrade (thương mại công bằng)
(c) Ra mắt một phần sản phẩm "SCP" trong các chương trình thương mại định hướng xuất khẩu trong các ngành công nghiệp mục tiêu như điện tử, dệt may và chế biến thực phẩm
(d) Tham gia vào nền tảng lưu thông tài nguyên và chất thải quốc tế để tăng cường hợp tác và cộng sinh công nghiệp

3.7.2.3. Sản phẩm nhập khẩu bền vững

Các sản phẩm nhập khẩu bền vững nhắm mục tiêu thực thi các quy định về nhập khẩu phế liệu và chất thải và nhập khẩu công nghệ sạch từ các quốc gia khác.

3.7.2.3.1. Nhiệm vụ chính

- Thực thi các quy định về nhập khẩu phế liệu và chất thải từ các quốc gia khác
- Thúc đẩy nhập khẩu bền vững công nghệ sạch từ các nước khác

3.7.2.3.2. Hoạt động cụ thể

(a) Sửa đổi các quy định và tiêu chuẩn nhập khẩu phế liệu và chất thải làm nguyên liệu sản xuất theo luật pháp Việt Nam và thỏa thuận quốc tế (MoNRE)
(b) Thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực cho chính quyền địa phương, các công ty thương mại và tập quán để tăng cường thực thi các quy định về nhập khẩu phế liệu và chất thải (MoNRE, chính quyền địa phương, tùy chỉnh)
(c) Phát triển thỏa thuận song phương và quốc tế với các nước để nhập khẩu công nghệ sạch (MoIT, Bộ Khoa học và Công nghệ, MoNRE)

3.7.3. Thúc đẩy tiêu dùng và sản xuất bền vững cho các hành động của các bên liên quan

3.7.3.1. Tăng cường năng lực về tiêu thụ bền vững và thực hiện sản xuất

Vẫn còn nhiều nhiệm vụ để tăng cường năng lực của các bên liên quan khác nhau để thực hiện SCP tại Việt Nam từ cấp bộ, chính quyền tỉnh, các ngành công nghiệp, nhà nghiên cứu và giới trẻ.

3.7.3.1.1. Nhiệm vụ chính

- Tăng cường hợp tác liên bộ và nhiều bên liên quan đến hoạch định và hoạch định chính sách dựa trên khoa học
- Tăng cường thực hiện cấp tỉnh để liên kết SCP với các vấn đề kinh tế xã hội
- Hỗ trợ nâng cao năng lực của các ngành công nghiệp theo hướng đổi mới sinh thái
- Nâng cao nhận thức và kiến thức về SCP trong giáo dục chính quy ở tất cả các cấp
- Cải thiện dữ liệu sẵn có và kiến thức cơ bản về SCP
- Trao đổi với các nước khác về kinh nghiệm giáo dục đại học

3.7.3.1.2. Hoạt động cụ thể

(a) Thành lập Ủy ban Tư vấn SCP liên bộ và nhiều bên để tư vấn về khung pháp lý và chính sách và việc thực hiện các chương trình SCP để tăng cường hoạch định và

hoạch định chính sách đa bên dựa trên cơ sở khoa học (MoIT; Phòng thương mại)

(b) Yêu cầu tất cả chính quyền tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện SCP tập trung vào việc liên kết SCP với các thách thức kinh tế xã hội và môi trường địa phương của họ để kết hợp một chương trình một sản phẩm của làng để nhắm mục tiêu thị trường du lịch và tổ chức thu thập SCP của chính quyền tỉnh hàng năm để chia sẻ và nhân rộng các hoạt động tốt SCP (chính quyền tỉnh)

(c) Thực hiện một loạt các chương trình đào tạo cho các nhà quản lý công nghiệp trong các khu công nghiệp theo mô hình cộng sinh công nghiệp trong các khu công nghiệp, lợi ích kinh tế của việc thực hiện SCP và đổi mới sinh thái, và đào tạo về chương trình chứng nhận (các tổ chức quốc tế, khu công nghiệp, chính quyền tỉnh, các công ty trong ngành công nghiệp công viên)

(d) Kết hợp tiêu thụ và sản xuất bền vững vào mô đun giáo dục chính quy để cải thiện sự phát triển kiến thức đa ngành của SCP trong giáo dục đại học và nuôi dưỡng các hoạt động tiêu dùng bền vững qua lứa tuổi học sinh sớm (Bộ Giáo dục, Đại học và Trường học)

(e) Ra mắt trung tâm đào tạo tính toán phương pháp LCA hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu để chuyển giao kiến thức cho các ngành thực hiện trong thực tiễn sản xuất (Tổ chức quốc tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học, ngành công nghiệp)

(f) Cung cấp học bổng quốc tế trong lĩnh vực SCP dành riêng cho thanh niên học tại SCP và nghiên cứu kinh tế vòng tròn tại các trường đại học ở nước ngoài (Bộ Giáo dục)

3.7.3.2. Truyền thông về tiêu thụ và sản xuất bền vững

Kiến thức và nhận thức tốt hơn về SCP cuối cùng sẽ dẫn đến những thay đổi trong suy nghĩ, hành vi và thói quen. Các chương trình truyền thông, giáo dục và nhận thức cộng đồng thu hút tất cả các cấp trong xã hội sẽ tạo ra ý thức chia sẻ trách nhiệm giữa các bên liên quan. Các hành động cốt lõi sau đây tập trung vào tất cả các nỗ lực truyền thông, giáo dục và nhận thức cộng đồng để tạo ra sự hiểu biết và hành động:

3.7.3.2.1. Nhiệm vụ chính

- Trao quyền và truyền cảm hứng cho giới trẻ để tạo ra một lối sống bền vững hơn;
- Đảm bảo rằng công dân ở mọi nơi có thông tin liên quan và nhận thức đúng đắn về sự phát triển bền vững và lối sống hài hòa với thiên nhiên;
- Tăng cường nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực về SCP cho khu vực tư nhân để thu hút các công ty thực hiện các chính sách và sáng kiến của SCP, đặc biệt chú ý đến nhu cầu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ;
- Phổ biến công khai thông tin về Nhãn xanh Việt Nam, Nhãn tiết kiệm năng lượng và các nhãn sinh thái khác cũng như các sản phẩm được phê duyệt các nhãn này;

3.7.3.2.1 Hoạt động cụ thể

(a) Khởi động chiến dịch truyền thông SCP do MOIT lãnh đạo

(b) Tiến hành một cuộc thi thường niên ở cấp quốc gia, cấp tỉnh và địa phương với các tổ chức quốc tế để khuyến khích các doanh nhân trẻ đưa ra ý tưởng SCP của họ và

DỰ THẢO

hỗ trợ huy động đầu tư từ các khu vực kinh doanh

(c) Khởi động chiến dịch nâng cao nhận thức trên VOV về thông tin về tiêu dùng bền vững và lối sống và nhãn xanh tại Việt Nam

(d) Hạn chế quảng cáo trên các sản phẩm có khả năng gây tổn hại sức khỏe và lãng phí tài nguyên từ các khu vực trường học và đường phố

(e) Ra mắt chương trình đổi mới sinh thái được trao giải thưởng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã có những hoạt động đổi mới sinh thái tốt nhất trong các tiêu chí và ngành công nghiệp được lựa chọn với những hành động tốt nhất cho môi trường của họ

(f) Một hành động tốt trong chương trình sẽ tiên phong cho nền kinh tế vòng tròn trong ngành công nghiệp điện tử, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp dệt may

3.7.3.3. Hợp tác quốc tế về tiêu thụ và sản xuất bền vững

3.7.3.3.1. Nhiệm vụ chính

- Nâng cao năng lực nghiên cứu về SCP thông qua trao đổi quốc tế
- Cải thiện sự hiện diện của Bộ trên các nền tảng SCP quốc tế để trao đổi kiến thức và phổ biến kinh nghiệm Việt Nam
- Tăng các dự án SCP trong số các dự án hợp tác quốc tế tại Việt Nam

3.7.3.3.2. Hoạt động cụ thể

(a) Khởi động chương trình quốc tế SCP hàng năm để gửi sinh viên và các nhà nghiên cứu trẻ ra nước ngoài để trao đổi kiến thức với các nền kinh tế phát triển

(b) Tham gia Diễn đàn 3R khu vực ở châu Á và Thái Bình Dương, Hội nghị bàn tròn châu Á về tiêu dùng và sản xuất bền vững và Diễn đàn kinh tế thông tư thế giới để trao đổi quan điểm với các quốc gia và ngành khác về thực tiễn SCP và chia sẻ kinh nghiệm của Việt Nam trong việc đạt được mức sống cao

(c) Dành một phần quỹ ODA nhất định cho việc thực hiện SCP và các dự án kinh tế vòng tròn giữa các đối tác quốc tế và địa phương để nhận chuyển giao công nghệ xanh từ các quốc gia khác (MPI)

3.673.4. Chương trình R & D về tiêu thụ và sản xuất bền vững

3.7.3.4.1. Nhiệm vụ chính

- Nâng cao năng lực R & D trên SCP sử dụng các công nghệ mới nổi
- Tăng cường hợp tác với các công ty về R & D
- Cải thiện cơ sở dữ liệu và cơ chế giám sát SCP về tiến trình SCP tại Việt Nam

3.7.3.4.2. Hoạt động cụ thể

(a) Phát triển R & D và đổi mới trên các ứng dụng CNTT, AI và Chuỗi khối trong việc cải thiện hiệu suất và hệ thống phân phối xanh

(b) Thiết kế chương trình R & D hợp tác công-tư trên SCP

(c) Phát triển chương trình R & D tập trung vào thiết kế sinh thái cho các công ty

(d) Khởi chạy chương trình R & D về tạo cơ sở dữ liệu SCP để liên tục đánh giá tiến trình phát triển của SCP thường xuyên

DỰ THẢO

3.8. Huy động nguồn lực tài chính

- Tạo điều kiện phân bổ các nguồn tài chính để hỗ trợ triển khai SCP, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực, đổi mới và các cơ chế khác để đẩy nhanh sự thay đổi theo hướng SCP;
- Huy động các nguồn tài chính từ nhiều nguồn bao gồm các nước tài trợ, các cơ quan đa phương, các tổ chức tài chính quốc tế, khu vực tư nhân và các đóng góp tự nguyện khác với các mục tiêu chuyển giao và tiếp cận các công nghệ có lợi cho môi trường theo các thỏa thuận quốc tế và để xây dựng năng lực;
- Tích hợp các chương trình và sáng kiến của SCP vào các chương trình và hoạt động hợp tác hiện có của Chính phủ;
- Quỹ hỗ trợ phát triển bền vững quốc gia.

3.9 Giám sát và Đánh giá

3.9.1. Các chỉ số theo dõi và đánh giá

(1) 30% số doanh nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn vào năm 2025, 50% vào năm 2030 (MoIT)

(2) 50% chất thải rắn đô thị và chất thải xây dựng sẽ được tái chế, tái sử dụng, sản xuất năng lượng hoặc phân hữu cơ vào năm 2025, 80% vào năm 2030; 75% chất thải rắn công nghiệp không nguy hại trong các khu công nghiệp sẽ được thu gom để tái sử dụng và tái chế vào năm 2025, 85% vào năm 2030 (MoNRE)

(3) 30% giảm chất thải thực phẩm trong giai đoạn tiền tiêu thụ vào năm 2025, 50% vào năm 2030 (Bộ NN & PTNT)

(4) 50% số người tham gia giao thông sử dụng phương tiện giao thông công cộng tại các thành phố lớn vào năm 2025, 60% vào năm 2030 (MoT, chính quyền địa phương)

(5) 30% các tổ chức chính phủ ở cấp trung ương và cấp tỉnh thực hành mua sắm công xanh vào năm 2025, 50% vào năm 2030 (MPI)

(6) 75% các nhà sản xuất xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của thị trường xuất khẩu vào năm 2025, 100% vào năm 2030 (MoIT)

3.9.2. Phương pháp giám sát và đánh giá

- Báo cáo giám sát hàng năm về việc thực hiện SCP từ các bên liên quan
- Thực hiện theo các hướng dẫn, quy định cụ thể về giám sát, đánh giá và báo cáo các yêu cầu để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững

3.9.3. Cơ chế thực hiện

- Bộ Công Thương xây dựng hệ thống chỉ tiêu quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Hỗ trợ, theo dõi và giám sát việc thực hiện Kế hoạch và hàng năm rà soát kết quả thực hiện Kế hoạch và báo cáo Thủ tướng Chính phủ; và đề xuất Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung nội dung, nhiệm vụ của chương trình khi cần thiết.
- Dựa trên các nhiệm vụ được giao tương ứng, các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức khác có liên quan sẽ chuẩn bị các báo cáo về việc đạt được các mục tiêu của SCP theo quy định, song song với việc chuẩn bị các Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội, để trình Bộ Công Thương hợp nhất và báo cáo Thủ tướng.

DỰ THẢO

3.10. Tổ chức sắp xếp thực hiện

3.10.1 Phối hợp liên cơ quan

(a) Ban chỉ đạo quốc gia về SCP

Thành lập Ban chỉ đạo về sản xuất và tiêu dùng bền vững, (sau đây gọi là Ban chỉ đạo) bao gồm Thứ trưởng Bộ Công thương (Chủ tịch thường trực); đại diện các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường. Ban chỉ đạo có một quy định hoạt động được phê duyệt, với một văn phòng hỗ trợ đặt tại Bộ Công Thương.

(b) Cơ quan thường trực địa phương

Thực hiện các nhiệm vụ thực tế của Chương trình tại địa phương của Sở Công Thương, với một đầu mối được giao nhiệm vụ giám sát việc thực hiện chương trình tại địa phương.

3.10.2 Trách nhiệm của các bộ, ngành

(a) Bộ Công Thương

- Thành lập Ban điều hành để thực hiện Chương trình, đứng đầu là Bộ trưởng Bộ Công thương, bao gồm đại diện của chính phủ và các bộ liên quan Quy chế hoạt động của Ban chấp hành và văn phòng thường trực do Bộ trưởng Bộ Công thương quyết định;
- Thành lập Ban cố vấn với các thành viên của các bộ và các bên liên quan trong các lĩnh vực khác nhau để tư vấn về các cơ chế và chính sách trong quá trình thực hiện chương trình SCP;
- Thúc đẩy, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Chương trình và lập báo cáo tổng hợp hàng năm về tình hình và báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tiến hành đánh giá sơ bộ và cuối cùng về kết quả và hiệu quả của chương trình; và đề xuất với Thủ tướng Chính phủ để sửa đổi và bổ sung các nội dung và nhiệm vụ của Chương trình khi cần thiết;
- Xây dựng và hoàn thành các tiêu chí và lộ trình đổi mới sinh thái cho một số sản phẩm công nghiệp và thực hiện chương trình thúc đẩy kiểm toán tự nguyện về hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn; triển khai các hoạt động đào tạo và soạn thảo công nghệ hướng dẫn kỹ thuật về hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành giấy và giảm giá thuốc, dệt may và da trong các cụm công nghiệp và khu công nghiệp;
- Ra mắt các chương trình nhằm thúc đẩy trách nhiệm toàn diện của các nhà sản xuất lớn đối với các sản phẩm sau bán hàng; hỗ trợ các nhà sản xuất định hướng xuất khẩu áp dụng các chương trình và nhãn mác xanh liên quan đến các sản phẩm thân thiện với môi trường trong các hội chợ thương mại xuất khẩu với một số sản phẩm như điện tử, dệt may, quần áo và chế biến thực phẩm; và
- Phát triển và triển khai các chương trình phát triển nền tảng trực tuyến và các chương trình chia sẻ dữ liệu, bao gồm thiết lập một trang web để chia sẻ thông tin về các dịch vụ và sản phẩm thân thiện với môi trường trên toàn quốc; xây dựng một nền tảng trực tuyến cho chuỗi cung ứng các sản phẩm nhãn xanh và các sản phẩm xuất khẩu chính (ví dụ: điện tử, dệt may, nông sản).

DỰ THẢO

(b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Tiến hành nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung và ban hành các tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu của các khu công nghiệp đổi mới sinh thái theo kế hoạch;
- Lãnh đạo và phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Tài chính để xây dựng các tiêu chí xanh cho mua sắm công và xây dựng hướng dẫn mua sắm công xanh bao gồm các tiêu chí và danh sách các sản phẩm xanh ưu tiên;
- Chủ trì và phối hợp với MoNRE, MoIT và chính quyền địa phương (Ban quản lý khu công nghiệp, v.v.) để thực hiện các chương trình về lưu thông tài nguyên thiên nhiên, 3R và cộng sinh công nghiệp trong các khu công nghiệp;
- Phân bổ ngân sách từ vốn ODA cho các dự án sản xuất, kinh doanh, phát triển và lưu thông để nhận chuyển giao công nghệ xanh.

(c) Bộ Tài chính

- Phối hợp với Bộ KH & ĐT trong việc cân đối và phân bổ ngân sách hàng năm để thực hiện các hoạt động của Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

(d) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Đảm nhận trách nhiệm chính và phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan để xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm khuyến khích tiêu thụ các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường; xây dựng chính sách thúc đẩy lưu thông, tái chế và tái sử dụng chất thải; thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững; và thực hiện kế hoạch hành động về giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng chất thải.
- Xây dựng các quy định bảo trì tòa nhà và áp thuế môi trường đối với các sản phẩm không thân thiện với môi trường; phối hợp với chính quyền địa phương để phát triển các chương trình hợp tác công tư (PPP) để giảm chất thải điện tử và thiết bị; và thúc đẩy các chương trình hợp tác và nghiên cứu quốc tế về tái sử dụng chất thải cho cộng sinh công nghiệp; và
- Ban hành các quy định về nhập khẩu phế liệu và chất thải làm nguyên liệu thô và đào tạo để nâng cao nhận thức cho các bên liên quan về khả năng thực thi các quy định về nhập khẩu chất thải và phế liệu

(e) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong việc tổ chức xây dựng và phát triển chuỗi cung ứng bền vững cho các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm; và
- Đảm nhận trách nhiệm chính và phối hợp với các bộ liên quan trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ tốt nhất hiện có để cải thiện việc sử dụng nước hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

(f) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong việc tích hợp nội dung đào tạo về SCP vào các chương trình giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp, bao gồm các chương trình giáo dục nghề nghiệp và chuyên nghiệp; và
- Thành lập một trung tâm đào tạo phương pháp LCA, phối hợp với các trường đại học và viện nghiên cứu, để chuyển kiến thức về LCA cho các cơ sở sản xuất.

DỰ THẢO

(g) Bộ Xây dựng

- Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong việc hướng dẫn sử dụng vật liệu xây dựng nhằm tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường trong công tác xây dựng; và đảm bảo chất thải xây dựng được thu gom để tái sử dụng, tái chế.

(h) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan thông qua đài phát thanh và truyền hình từ cấp trung ương đến địa phương, các cơ quan báo chí và cơ quan báo chí để tuyên truyền chính sách, luật pháp, kiến thức và thông tin về SCP;
- Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện các hoạt động nhằm thúc đẩy lối sống tiêu dùng bền vững; và
- Chủ trì triển khai và phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong việc thúc đẩy triển khai các chương trình du lịch sinh thái

(i) Bộ Giao thông & Vận tải

- Phát triển và triển khai các giải pháp để thúc đẩy phát triển và cải thiện số lượng người sử dụng hệ thống vận tải hành khách công cộng ở khu vực thành thị; triển khai ứng dụng các công nghệ mới, thay thế nhiên liệu truyền thống bằng các nguồn năng lượng mới và thay đổi sử dụng nhiên liệu trong giao thông vận tải; và
- Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong việc thực hiện các hoạt động nhằm thúc đẩy lối sống tiêu dùng bền vững trong các hoạt động giao thông tại các thành phố lớn.

(j) Bộ khoa học và công nghệ

- Lãnh đạo và phối hợp với các bộ, ngành liên quan để thực hiện các hoạt động đào tạo về sản xuất sạch hơn và bảo tồn năng lượng cho chuỗi phân phối cũng như các hoạt động nghiên cứu và phát triển để sản xuất, tiêu thụ và phát triển bền vững;
- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng và Bộ Xây dựng cam kết song phương về nhập khẩu phế liệu; và
- Bảo toàn việc phân bổ nguồn lực và thực hiện các chương trình và dự án nghiên cứu và phát triển cho các sản phẩm định hướng môi trường.

3.8.3. Trách nhiệm địa phương đối với chính quyền tỉnh

- Xây dựng kế hoạch thực hiện cho chương trình SCP. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động của SCP; cụ thể hóa các nhiệm vụ và tích hợp chúng vào các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm trong đó việc tích hợp các hoạt động xây dựng năng lực, sản xuất và phát triển vào các dự án ưu tiên của địa phương được xem xét;
- Huy động phân bổ các nguồn tài trợ địa phương để thực hiện các mục tiêu của chương trình theo quy định; và
- Báo cáo về các hoạt động hàng năm; báo cáo hàng năm về các hoạt động liên quan đến sản xuất sạch hơn cho Ban chỉ đạo sản xuất thiết bị và vật tư

Phụ lục: Lộ trình thực hiện các hoạt động cụ thể

Quy trình sản xuất và sử dụng nguyên liệu bền vững		
	Mục tiêu	Thúc đẩy hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch thông qua đổi mới sinh thái trong giai đoạn khai thác và sản xuất tài nguyên;
	Chỉ số kết quả	Số lượng tiêu chí, số lượng hướng dẫn, số tập đoàn tham gia EPR, số lượng hoạt động đào tạo, số lượng tổ chức tham gia nền tảng sản xuất nông nghiệp,% công ty tiến hành kiểm toán, số lượng công ty đạt được trong chương trình nâng cao nhận thức
	Công cụ	Công cụ điều tiết, công cụ giáo dục, công cụ hợp tác, công cụ thông tin
	Nội dung chính	(a) Đặt tiêu chí đổi mới sinh thái cho 30 sản phẩm được chọn theo chương trình đổi mới sinh thái của Bộ Công nghiệp và Thương mại (MoIT) (b) Xây dựng hướng dẫn về nền kinh tế vòng tròn để phân phối cho các khu công nghiệp sinh thái được lựa chọn để thúc đẩy lưu thông tài nguyên, 3R và cộng sinh công nghiệp áp dụng dữ liệu lớn thông qua toàn bộ cách tiếp cận vòng đời (MPI, MoIT, chính quyền địa phương) (c) Khởi động chương trình trách nhiệm sản xuất mở rộng tự nguyện (EPR) cho tập đoàn lớn cho các ngành hóa chất, điện tử và bao bì (Bộ Thương mại và Phòng Thương mại Việt Nam) (d) Thực hiện các hoạt động đào tạo và phát triển hướng dẫn kỹ thuật về hiệu quả nguồn lực cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành bột giấy, dệt may trong các cụm và khu công nghiệp (nâng cao kiến thức từ Trung tâm sản xuất sạch Việt Nam (VNCPC, EPRO và MoIT) (e) Ra mắt một nền tảng để phổ biến công nghệ tốt nhất hiện có (BAT) để cải thiện hiệu quả sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp (Bộ NN & PTNT; Hiệp hội nông nghiệp, nông dân) (f) Thực hiện hiệu quả năng lượng tự nguyện và kiểm toán sản xuất sạch hơn trong các ngành công nghiệp thép, xi măng và nhà máy bia (MoIT) (g) Khởi động chương trình nâng cao nhận thức về phục hồi hệ sinh thái đến các khu vực khai thác trong lĩnh vực khai thác than (MoIT)
	Đơn vị lãnh đạo và điều phối	Chủ tịch: Bộ Công Thương: Nội dung a, c, d, f, g Bộ Kế hoạch và Đầu tư: b Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: b Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh và các thành phố trực thuộc trung ương, VCCI
	• Thời gian	2020-2025

DỰ THẢO

	Vốn	Ngân sách nhà nước, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác
Hệ thống phân phối sản phẩm bền vững		
	Mục tiêu	Xanh hóa hệ thống phân phối và phát triển chuỗi cung ứng các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường;
	Chỉ số kết quả	Số lượng hướng dẫn, mạng số, số siêu thị và trung tâm thương mại tham gia chương trình, số lượng doanh nghiệp tham gia đào tạo
	Công cụ	Công cụ giáo dục, công cụ hợp tác, công cụ thông tin
	Nội dung chính	(a) Thiết lập và thực hiện hướng dẫn phân phối nông sản xanh. (MARD, hiệp hội nông dân, hiệp hội vận tải) (b) Thiết lập chuỗi / mạng lưới cung ứng xanh và bền vững để phân phối các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm sạch và xanh, theo Tiêu chuẩn của VietGAP, và giảm tổn thất sau thu hoạch (MARD, Hiệp hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam) (c) Thiết lập một trang web chia sẻ thông tin về các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường trên toàn quốc để tăng cường liên kết giữa các nhà cung cấp nguyên liệu, nhà sản xuất, nhà phân phối và người tiêu dùng sử dụng CNTT và cơ sở dữ liệu. (d) Ra mắt chương trình cam kết tự nguyện của các siêu thị hoặc trung tâm mua sắm để tăng mua sản phẩm xanh từ các nhà sản xuất (Hiệp hội bán lẻ, Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng) (e) Một kế hoạch thu gom và tái chế chất thải bao bì và phân phối cho nhà sản xuất thực phẩm, nhà vận chuyển, nhà kho và nhà bán lẻ (Hiệp hội bán lẻ, Cục Biển và Quần đảo Việt Nam) **(f)** Thực hiện đào tạo cho các doanh nghiệp phân phối trong việc thực hiện các giải pháp sản xuất và tiết kiệm năng lượng sạch hơn (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính)
	Đơn vị lãnh đạo và điều phối	Tổ chức chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: a, b Bộ Công Thương: c Hiệp hội bán lẻ: d Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông Vận tải, Hội Nông dân, VCCI
	• Thời gian	2020-2025
	Vốn	Ngân sách nhà nước, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác
Lối sống và tiêu dùng bền vững		
	Mục tiêu	Thể hiện ví dụ về cung cấp cơ sở hạ tầng để hỗ trợ người tiêu dùng đưa ra các quyết định có ý thức về môi trường để thúc đẩy cuộc sống bền vững cho tất cả mọi người;
	Chỉ số kết quả	Số lượng tiêu chí xanh cho GPP, số công ty tham gia nền tảng, số lượng cư dân tham gia vào những ngày không có xe hơi, số thiết bị được tái chế, số lượng khách sạn được chứng nhận bởi Green Lotus Label

DỰ THẢO

Công cụ	Công cụ điều tiết, công cụ giáo dục, công cụ hợp tác, công cụ thông tin
Nội dung chính	(a) Sửa đổi các quy định mua sắm công được xây dựng bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và / và Bộ Tài chính và thiết lập các tiêu chí xanh đặc biệt trong luật đấu thầu mua sắm công. Xây dựng hướng dẫn về mua sắm công xanh để quyết định các tiêu chí và đưa ra danh sách các sản phẩm xanh ưu tiên được sản xuất bởi các nhà sản xuất Việt Nam, để phân phối hướng dẫn cho tất cả các bộ, cơ quan chính phủ và các công ty và dự án thuộc sở hữu của nhà nước. (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính) (b) Phát triển nền tảng minh bạch chuỗi cung ứng trực tuyến thông qua mạng lưới hiệp hội thông tin người tiêu dùng để cung cấp cho người tiêu dùng thông tin về tác động an toàn và môi trường (nhãn xanh) của các sản phẩm trong chuỗi cung ứng trong việc đưa ra quyết định mua hàng và ngăn chặn tuyên bố không chính xác về sản phẩm xanh. (Bộ Công Thương, Hiệp hội người tiêu dùng, NGO) (c) Ra mắt một nền tảng giảm thiểu chất thải thực phẩm nhiều bên liên quan dẫn đầu để mời các nhà bán lẻ, nhà hàng và khách sạn đo lường mức độ lãng phí thực phẩm hiện tại trong giai đoạn tiêu thụ và đặt mục tiêu giảm tự nguyện và báo cáo tiến độ thường xuyên. (Bộ Công Thương và chính quyền địa phương, doanh nghiệp) (d) Chọn 5 thành phố đô thị hóa lớn để phát triển kế hoạch mở rộng giao thông công cộng và ủy thác một khu vực công cộng nhất định trong khu vực trung tâm thành phố là một ngày không có xe hơi, một tháng một lần để khuyến khích đi bộ và đi xe đạp giữa các cư dân. (Bộ Giao thông vận tải và chính quyền thành phố của 5 thành phố được chọn) (e) Thiết lập thiết bị điện tử (điện thoại di động và PC) và thiết bị gia dụng (máy giặt, tủ lạnh, TV) và hệ thống thu gom chất thải điện tử thông qua quan hệ đối tác công tư giữa các thành phố và nhà sản xuất trong việc cung cấp thông tin về sửa chữa và tái sử dụng để kéo dài tuổi thọ của sản phẩm và để người tiêu dùng thải bỏ các sản phẩm đã qua sử dụng cho các nhà sản xuất để thu gom để tái chế và tái sản xuất. (Bộ Tài nguyên, chính quyền thành phố và nhà sản xuất thiết bị) (f) Thúc đẩy du lịch sinh thái thông qua việc phát triển các hoạt động du lịch sinh thái và hợp tác với các hiệp hội khách sạn để chứng nhận Nhãn hiệu Hoa sen xanh giữa các khách sạn. (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hiệp hội khách sạn) (g) Áp dụng phí môi trường đối với các sản phẩm không thân thiện với môi trường như túi nhựa trong siêu thị và cửa hàng tiện lợi (MoNRE và hiệp hội siêu thị)
Đơn vị lãnh đạo và điều phối	Tổ chức chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Nội dung a Bộ Công Thương: b, c Bộ Tài nguyên và Môi trường: e, g Bộ Giao thông & Vận tải: d Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: f

		Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
	• Thời gian	2020-2025
	Vốn	Ngân sách nhà nước, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác
Sản phẩm xuất khẩu bền vững		
	Mục tiêu	Nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp / nhà sản xuất định hướng xuất khẩu để tham gia chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu cho các sản phẩm xuất khẩu bền vững quan trọng thông qua cơ cấu lại các sản phẩm xuất khẩu theo hướng bền vững;
	Chỉ số kết quả	Số lượng sản phẩm được liệt kê trong cơ sở dữ liệu trực tuyến, số lượng công ty tham gia chương trình, số lượng sản phẩm được liệt kê trong phần SCP, số nền tảng quốc tế đã tham gia
	Công cụ	Công cụ thông tin, công cụ giáo dục, công cụ hợp tác
	Nội dung chính	(a) Phát triển cơ sở dữ liệu trực tuyến để cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho các sản phẩm xuất khẩu xanh quan trọng tập trung vào điện tử, dệt may, sản phẩm gỗ, nông sản và hải sản (b) Khởi động một chương trình hỗ trợ cho các nhà sản xuất định hướng xuất khẩu để áp dụng cho chương trình chứng nhận nhãn sinh thái và chứng nhận fairtrade (thương mại công bằng) (c) Ra mắt một phần sản phẩm "SCP" trong các chương trình thương mại định hướng xuất khẩu trong các ngành công nghiệp mục tiêu như điện tử, dệt may và chế biến thực phẩm (d) Tham gia vào nền tảng lưu thông tài nguyên và chất thải quốc tế để tăng cường hợp tác và cộng sinh công nghiệp
	Đơn vị lãnh đạo và điều phối	Tổ chức chủ quản Bộ Công Thương: a, b, c MONRE: d
	• Thời gian	2020– 2030
	Vốn	Ngân sách nhà nước
Sản phẩm nhập khẩu bền vững		
	Mục tiêu	Cải thiện việc thực thi pháp luật để bảo vệ môi trường đối với phế liệu và chất thải nhập khẩu và cơ cấu lại các sản phẩm nhập khẩu theo hướng bền vững;
	Chỉ số kết quả	Số lượng các quy định và tiêu chuẩn sửa đổi, số lượng các tổ chức tham gia các chương trình nâng cao năng lực, số lượng các quốc gia đã thỏa thuận với
	Công cụ	Công cụ điều tiết, công cụ thông tin, công cụ hợp tác
	Nội dung chính	(a) Sửa đổi các quy định và tiêu chuẩn nhập khẩu phế liệu và chất thải làm nguyên liệu sản xuất theo luật pháp Việt Nam và thỏa thuận quốc tế (MoNRE) (b) Thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực cho chính quyền địa phương, các công ty thương mại và tập quán để tăng cường thực thi các quy định về nhập khẩu phế liệu và chất thải (MoNRE, chính

		quyền địa phương, tùy chỉnh) (c) Phát triển thỏa thuận song phương và quốc tế với các nước để nhập khẩu công nghệ sạch (MoIT, Bộ Khoa học và Công nghệ, MoNRE)
	Đơn vị lãnh đạo và điều phối	Chủ tịch: Bộ Tài nguyên và Môi trường: Nội dung a, b Bộ Công Thương: c Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Nhân dân thành phố trực thuộc trung ương
	• Thời gian	2020-2025
	Vốn	Ngân sách nhà nước, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác
Tăng cường năng lực về tiêu thụ bền vững và thực hiện sản xuất		
	Mục tiêu	Tăng cường năng lực của các bộ, chính quyền tỉnh, ngành công nghiệp, viện nghiên cứu và giáo dục chính quy để thực hiện SCP;
	Chỉ số kết quả	Số bộ, tổ chức trong Ủy ban Cố vấn SCP, số chính quyền tỉnh xây dựng kế hoạch, số công ty tham gia chương trình đào tạo, số mô-đun giáo dục phát triển, số trường đại học và công ty tham gia trung tâm đào tạo LCA, số sinh viên nhận học bổng
	Công cụ	Công cụ điều tiết, công cụ thông tin, công cụ hợp tác, công cụ giáo dục, công cụ kinh tế
	Nội dung chính	(a) Thành lập Ủy ban Tư vấn SCP liên bộ và nhiều bên để tư vấn về khung pháp lý và chính sách và việc thực hiện các chương trình SCP để tăng cường hoạch định và hoạch định chính sách đa bên dựa trên cơ sở khoa học (MoIT; Phòng thương mại) (b) Yêu cầu tất cả chính quyền tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện SCP tập trung vào việc liên kết SCP với các thách thức kinh tế xã hội và môi trường địa phương của họ để kết hợp một chương trình một sản phẩm của làng để nhắm mục tiêu thị trường du lịch và tổ chức thu thập SCP của chính quyền tỉnh hàng năm để chia sẻ và nhân rộng các hoạt động tốt SCP (chính quyền tỉnh) (c) Thực hiện một loạt các chương trình đào tạo cho các nhà quản lý công nghiệp trong các khu công nghiệp theo mô hình cộng sinh công nghiệp trong các khu công nghiệp, lợi ích kinh tế của việc thực hiện SCP và đổi mới sinh thái, và đào tạo về chương trình chứng nhận (các tổ chức quốc tế, khu công nghiệp, chính quyền tỉnh, các công ty trong ngành công nghiệp công viên) (d) Kết hợp tiêu thụ và sản xuất bền vững vào mô đun giáo dục chính quy để cải thiện sự phát triển kiến thức đa ngành của SCP trong giáo dục đại học và nuôi dưỡng các hoạt động tiêu dùng bền vững qua lứa tuổi học sinh sớm (Bộ Giáo dục, Đại học và Trường học) (e) Ra mắt trung tâm đào tạo tính toán phương pháp A LCA hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu để

		chuyển giao kiến thức cho các ngành thực hiện trong thực tiễn sản xuất (Tổ chức quốc tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học, ngành công nghiệp) (f) Cung cấp học bổng quốc tế trong lĩnh vực SCP dành riêng cho thanh niên học tại SCP và nghiên cứu kinh tế vòng tròn tại các trường đại học ở nước ngoài (Bộ Giáo dục)
	Đơn vị lãnh đạo và điều phối	Chủ tịch: Bộ Công Thương: Nội dung a, b Bộ Kế hoạch và Đầu tư: c Bộ Giáo dục và Đào tạo: d, e, f Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đại học và Viện nghiên cứu
	• Thời gian	2020-2025
	Vốn	Ngân sách nhà nước, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác
Truyền thông về tiêu thụ và sản xuất bền vững		
	Mục tiêu	Nâng cao nhận thức của tất cả các chủ thể trong xã hội để có hành động đối với SCP;
	Chỉ số kết quả	Số lượng người đạt được trong chiến dịch, số doanh nhân trẻ tham gia cuộc thi, số lượng sản phẩm bị hạn chế, số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ được trao, số lượng công ty tham gia chương trình
	Công cụ	Công cụ điều tiết, công cụ thông tin, công cụ hợp tác, công cụ giáo dục, công cụ kinh tế
	Nội dung chính	(a) Khởi động chiến dịch truyền thông SCP do MOIT lãnh đạo (b) Tiến hành một cuộc thi thường niên ở cấp quốc gia, cấp tỉnh và địa phương với các tổ chức quốc tế để khuyến khích các doanh nhân trẻ đưa ra ý tưởng SCP của họ và hỗ trợ huy động đầu tư từ các khu vực kinh doanh (c) Khởi động chiến dịch nâng cao nhận thức trên VOV về thông tin về tiêu dùng bền vững và lối sống và nhãn xanh tại Việt Nam (d) Hạn chế quảng cáo trên các sản phẩm có khả năng gây tổn hại sức khỏe và lãng phí tài nguyên từ các khu vực trường học và đường phố (e) Ra mắt chương trình đổi mới sinh thái được trao giải thưởng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã có những hoạt động đổi mới sinh thái tốt nhất trong các tiêu chí và ngành công nghiệp được lựa chọn với những hành động tốt nhất cho môi trường của họ (f) Một hành động tốt trong chương trình sẽ tiên phong cho nền kinh tế vòng tròn trong ngành công nghiệp điện tử, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp dệt may
	Đơn vị lãnh đạo và điều phối	Chủ tịch: Bộ Công Thương: a, e Bộ Thông tin và Truyền thông: c, Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố

		trực thuộc Trung ương,
	• Thời gian	2020-2030
	Vốn	Ngân sách nhà nước, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác
Hợp tác quốc tế về tiêu thụ và sản xuất bền vững		
	Mục tiêu	Tăng cường hợp tác quốc tế về trao đổi kiến thức và tài chính trong SCP;
	Chỉ số kết quả	Số lượng sinh viên và nhà nghiên cứu tham gia, số bài thuyết trình Việt Nam trình bày trong các hội nghị, số tiền ODA được phân bổ
	Công cụ	Công cụ giáo dục, công cụ hợp tác, công cụ thông tin
	Nội dung chính	(a) Khởi động chương trình quốc tế SCP hàng năm để gửi sinh viên và các nhà nghiên cứu trẻ ra nước ngoài để trao đổi kiến thức với các nền kinh tế phát triển (b) Tham gia Diễn đàn 3R khu vực ở châu Á và Thái Bình Dương, Hội nghị bàn tròn châu Á về tiêu dùng và sản xuất bền vững và Diễn đàn kinh tế thông tư thế giới để trao đổi quan điểm với các quốc gia và ngành khác về thực tiễn SCP và chia sẻ kinh nghiệm của Việt Nam trong việc đạt được mức sống cao (c) Dành một phần quỹ ODA nhất định cho việc thực hiện SCP và các dự án kinh tế vòng tròn giữa các đối tác quốc tế và địa phương để nhận chuyển giao công nghệ xanh từ các quốc gia khác (MPI)
	Đơn vị lãnh đạo và điều phối	Chủ tịch: Bộ Giáo dục và Đào tạo: a Bộ Công Thương: b Bộ Kế hoạch và Đầu tư: c Phối hợp: Các bộ có liên quan, chính quyền địa phương, Trường Đại học chuyên về địa lý và Viện nghiên cứu chuyên về địa lý
	• Thời gian	2020-2030
	Vốn	Ngân sách nhà nước, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác
Chương trình R & D về tiêu thụ và sản xuất bền vững		
	Mục tiêu	Tăng cường các chương trình R & D để tạo điều kiện cho các đối tác nhiều bên tham gia triển khai SCP.
	Chỉ số kết quả	Số lượng chương trình R & D được triển khai, số lượng tổ chức tham gia chương trình R & D
	Công cụ	Công cụ giáo dục, công cụ hợp tác
	Nội dung chính	(a) Phát triển R & D và đổi mới trên các ứng dụng CNTT, AI và Chuỗi khối trong việc cải thiện hiệu suất và hệ thống phân phối xanh (b) Thiết kế chương trình R & D hợp tác công-tư trên SCP (c) Phát triển chương trình R & D tập trung vào thiết kế sinh thái cho các công ty (d) Khởi chạy chương trình R & D về tạo cơ sở dữ liệu SCP để liên tục đánh giá tiến trình phát triển của SCP thường

		xuyên
	Đơn vị lãnh đạo và điều phối	Chủ tịch: Bộ Công Thương: a, b, c & d Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
	• Thời gian	2020-2030
	Vốn	Ngân sách nhà nước, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác

DỰ THẢO